



Mùa hè ước nguyện

Barbara O'Connor
Phạm Hồng Anh dịch

MÙA HÈ ƯỚC NGUYỆN

Tác giả: Barbara O'Connor

Người dịch: Phạm Hồng Anh

Phát hành: YOLOBooks

Nhà xuất bản Dân Trí 10/2018



ebook©vctvegroup

*Tặng Monika,
bạn tốt của tôi.*

Một

Tôi liếc nhìn tờ giấy trên bàn mình.

Một tờ “Phiếu làm quen”.

Cô Willibey đã viết sẵn cái tên “Charlemagne Reese” lên đầu phiếu.

Tôi liền gạch xoẹt chữ *Charlemagne*, rồi viết “Charlie” ngay cạnh đó.

Tên tôi là Charlie. Cái tên *Charlemagne* nghe thật đàn độn đối với một đứa con gái. Mà trước đây tôi cũng từng phàn nàn chuyện đó với mẹ hàng tỉ lần rồi ấy.

Sau đó, tôi ngẩng đầu nhìn mấy đứa nhà quê xung quanh đang chúm mắt chúm mũi vào quyển vở toán.

Alvina, bạn thân nhất của tôi, nói rằng tất cả tụi nhóc ở đây đều là đồ nhà quê.

“Cậu sẽ không thích thị trấn Colby đâu. Ở đó chỉ toàn những con đường đất đỏ và tụi nhà quê thôi.” Sau đó, nó hất mái tóc mượt mà ra sau vai và nói tiếp, “Tớ cá là bọn nó ăn cả thịt sóc đấy.”

Tôi vội liếc những hộp thức ăn trưa dưới mấy ngăn bàn quanh mình để kiểm tra xem có đứa nào mang bánh kẹp thịt sóc đến trường không.

Sau đó, tôi nhìn xuống tờ giấy trước mặt. Tôi phải điền hết mấy ô trống này để cung cấp thông tin cá nhân cho giáo viên mới.

Ở chỗ trống cạnh câu *Miêu tả gia đình em*, tôi chỉ điền chữ “Tệ.”

Em thích môn học nào nhất? “Chẳng môn nào cả.”

Liệt kê ba hoạt động em thích nhất. “Bóng đá, múa ba lê, và đánh nhau.”

Hai điều trong danh sách trên là bịa đặt, nhưng cái còn lại là thật.

Tôi thực sự thích đánh nhau.

Chị tôi, Jackie, được thừa hưởng màu tóc đen như mực của bố, còn tôi thì được bố truyền cho tính khí nóng như lửa. Nếu cứ mỗi lần có người nói “*Đúng là cha nào con nấy*” mà tôi được cho năm xu, thì hẳn bây giờ tôi đã giàu sụ rồi. Bố tôi ầu ả nhiều đến nỗi mọi người đều gọi ông là Thích Gây Gổ. Thật đấy, ngay bây giờ đây, khi tôi đang mắc kẹt ở Bắc Carolina, trong cái thị trấn Colby khi ho cò gáy này, và xung quanh rất một lũ nhóc nhà quê... thì bố già Thích Gây Gổ của tôi đang ngồi bóc lịch ở Raleigh vì tội suốt ngày ầu ả.

Và chẳng cần có quả cầu thủy tinh như mấy bà phù thủy, tôi cũng thừa biết rằng ngay lúc này tại căn nhà ở Raleigh của gia đình tôi, dù là giữa ban ngày ban mặt, nhưng mẹ tôi vẫn đang nằm bệt trên giường, xung quanh là rèm cửa buông kín mít và mấy lon sô-đa rỗng thì lăn lóc trên tủ kệ. Mẹ sẽ nằm ườn như thế cả ngày trên giường. Nếu bây giờ tôi có ở nhà thì mẹ cũng chẳng thêm bận tâm đến tôi đâu. Cho dù tôi ngoan ngoãn đến trường, hay hư đốn bùng học và ngồi ì trên ghế bành xem tivi và ăn bánh quy thay bữa trưa, thì mẹ tôi cũng mặc kệ.

“Nhưng đó chỉ là bề nổi thôi,” cô nhân viên xã hội nói với tôi khi đọc to danh sách những lí do tôi phải chuyển đến cái thị trấn mắc dịch này, và phải sống cùng hai người chẳng quen cũng chẳng thân. “Sống cùng họ hàng vẫn tốt hơn mà,” cô ấy nói. “Bác Gus và bác Bertha là họ hàng của cháu đấy.”

“Họ hàng kiểu gì cơ ạ?” tôi hỏi vặn lại.

Sau đó cô ấy bắt đầu giải thích về việc bác Bertha là chị gái của mẹ tôi,

còn bác Gus là chồng bác ấy. Cô ấy nói là bởi họ không có con cái, nên họ rất vui khi được đón tôi về đó.

“Vậy tại sao Jackie lại được ở nhà chị Carol Lee ạ?” Thực ra tôi cũng đã hỏi cô ấy câu đó khoảng một triệu lần rồi ấy. Carol Lee là bạn thân nhất của Jackie. Bà sống trong một căn biệt thự lát gạch xa hoa, và nhà bà còn có cả hồ bơi nữa. Mẹ bà chẳng bao giờ nằm lì trên giường mỗi sáng, và bố bà cũng không phải quý ngài Thích Gây Gổ.

Cô ấy cũng kiên nhẫn nhắc lại rằng từ giờ Jackie có thể được coi là người lớn rồi, bởi vài tháng nữa bà sẽ tốt nghiệp trung học.

Tôi cũng nhắc cô ấy rằng tôi giờ đã lên lớp Năm, nên tôi cũng đâu còn bé bỏng gì nữa. Nhưng cô nhân viên xã hội chỉ cười lấy lệ và đáp, “Cháu phải chuyển đến nhà bác Gus và bác Bertha một thời gian, Charlie ạ.”

Tôi còn chưa từng gặp mấy người đó lần nào, vậy mà tôi phải *chuyển đến sống* cùng họ ư? Sau đó tôi tiếp tục hỏi, thế cháu sẽ phải ở cùng họ bao lâu, thì cô ấy nói rằng tôi sẽ ở đó đến khi mọi chuyện ở Raleigh lắng xuống và mẹ tôi bình ổn trở lại.

Hừm, chuyện đó thì có gì khó cơ chứ? - Tôi thầm thắc mắc.

“Cháu cần một gia đình ổn định,” cô ấy nói. Nhưng tôi biết điều cô ấy muốn nói là “Cháu cần một gia đình hoàn chỉnh, thay vì một gia đình tan vỡ như nhà cháu.”

Sau đó tôi tiếp tục than vãn và cự cãi mãi với cô nhân viên xã hội, nhưng cuối cùng thì tôi vẫn phải chuyển đến Bắc Carolina, tới cái thị trấn Colby dở hơi này, và phải trả lời các câu hỏi trong tờ “Phiếu làm quen” trước mặt.

“Em điền xong chưa, Charlemagne?” Đột nhiên cô Willibey đến đứng ngay cạnh tôi.

“Em tên là Charlie ạ,” tôi đáp, và một thằng tóc-đầy-dầu ngồi đầu lớp

phụt ra một tràng cười ha hả. Tôi liền tặng nó cái lườm cháy mặt kinh điển của mình và cứ tiếp tục lườm nó, cho đến khi mặt nó đỏ lựng và chịu ngậm miệng lại mới thôi.

Tôi nộp lại phiếu cho cô Willibey rồi quan sát hai con người của cô liếc qua liếc lại khi đọc mấy thông tin trên tờ phiếu đó. Trên cổ cô lấm tấm vài vết đỏ, và khóe miệng cô hơi giật giật. Cô thậm chí còn chẳng thèm quay lại nhìn tôi thêm lần nào trước khi quay về chỗ ngồi ở bàn giáo viên, và vội thả tờ phiếu của tôi lên mặt bàn, như thể nó là củ khoai tây nóng rẫy cô mới lấy ra từ trong lò nướng vậy.

Tôi ngả người xuống ghế rồi miết hai bàn tay đẫm mồ hôi lên ống quần đùi. Mới tháng Tư thôi, nhưng ngoài trời đã nóng như thiêu.

“Bạn cần tớ chỉ cách làm mấy bài tập đó không?” Thăng nhóc bàn trước quay lại chỉ vào tờ bài tập toán trên bàn tôi. Nó có mái tóc đỏ và đeo một cặp kính đen xấu mù.

“Không,” tôi đáp.

Nó nhún vai, sau đó vớ lấy cây bút chì trên bàn rồi bước đến chỗ gọt.

Cà.

Nhắc.

Cà.

Nhắc.

Nó bước đi như thế đấy.

Tôi cảm giác hình như chân thăng nhóc này bị tật hay sao ấy.

Thậm chí nó còn phải lết một bàn chân trên sàn lớp, nên, chiếc giày của nó cứ phát ra tiếng rít rít hoài.

Tôi ngược nhìn đồng hồ.

Chết tiệt! Lỡ mất 11 giờ 11 phút rồi.

Tôi có hẳn một danh sách các cách để ước nguyện, ví dụ như khi bắt ngò bắt gặp một chú bạch mã, hay thổi bay những cánh hoa bồ công anh. Và việc nhìn chính xác thời khắc 11 giờ 11 phút trên đồng hồ cũng nằm trong danh sách đó. Ông già ở cửa hàng đồ câu ven hồ đã dạy tôi điều đó, hồi trước bố và tôi thường đến đó câu cá. Giờ tôi đã lỡ mất thời khắc 11 giờ 11 phút, nên từ giờ tới trước nửa đêm tôi nhất định phải tìm một cách khác để ước nguyện mới được. Từ hồi cuối năm lớp bốn đến giờ, tôi chưa quên “nhiệm vụ” ước nguyện này một ngày nào hết, nên chắc chắn hôm nay tôi sẽ tìm cách thực hiện nó.

Sau đó cô Willibey gật đầu với thằng nhóc tóc đỏ đang gọt bút chì: “Howard, em làm Bạn Kèm Cặp của Charlie một thời gian nhé?”

Cô Willibey giải thích rằng đây là tục lệ khi một học sinh mới chuyển đến, Bạn Kèm Cặp có trách nhiệm dẫn “ma mới” đi tham quan trường và giải thích nội quy căn kẽ, cho đến khi nó hoàn toàn hòa nhập được với ngôi trường mới.

Thằng Howard kia cười toét miệng: “Vâng, thưa cô,” và thế là mọi chuyện an bài. Tự nhiên tôi lại có một đứa Bạn Kèm Cặp, dù tôi có muốn hay không.

Thời gian nửa buổi chiều còn lại trôi chậm đến mức tôi suýt chút nữa phát điên. Tôi ngồi nhìn cảnh vật cửa sổ, trong khi lũ nhóc trong lớp lần lượt lên khoe khoang về mấy đề tài nghiên cứu môn khoa học xã hội của tụi nó. Mưa bắt đầu lất phất, và những đám mây đen lững lờ kéo đến ngự trị những đỉnh núi trong tầm mắt tôi.

Khi chuông reo, tôi đã cố phóng thật nhanh ra khỏi lớp để lên xe buýt. Sau khi chiếm chỗ ngồi hàng cuối rồi ngồi phịch xuống, tôi nhìn chằm chằm cái bã kẹo cao su khô đét dính chặt ở hàng ghế trước, và cố gắng truyền tín hiệu đến não những đứa khác trên xe.

Đừng đến ngồi cạnh tôi.

Đừng đến ngồi cạnh tôi.

Đừng đến ngồi cạnh tôi.

Nếu tôi buộc phải ngồi chung xe buýt với một đám nhóc lạ mặt, thì chỉ ít tôi cũng mong được ngồi một mình.

Việc truyền tin hiệu có vẻ khá hiệu quả, nên tôi không nhìn cái bã kẹo cao su nữa, mà hướng mắt nhìn ra phía ngoài cửa sổ.

Thằng nhóc tóc đỏ có cái tướng đi cà nhắc đang cố đi thật nhanh tới chỗ xe buýt, ba lô của nó cứ giật tung theo mỗi bước đi.

Khi nó đặt chân lên xe buýt, tôi liền quay ngoắt lại nhìn cái bã kẹo cao su và tiếp tục thử dùng chiêu “tâm linh tương thông” thêm một lần nữa với nó.

Nhưng thằng nhóc đó chẳng hề lãng phí một giây phút nào, nó bước nhanh giữa hai hàng ghế rồi đặt mông xuống chỗ ngồi cạnh tôi.

Nó chìa bàn tay về phía tôi và nói, “Chào đằng ấy. Tớ là Howard Odom.” Nó đẩy cái gọng kính đen xấu xí lên cao và nói thêm, “Bạn Kèm Cặp của cậu đây.”

Trời đất, có đứa nhóc nào bắt tay kiểu đó không? Tôi thì chưa từng quen đứa nào như thế cả.

Nó cứ chìa tay và nhìn tôi chòng chọc một lúc lâu, cho đến khi tôi không chịu nổi nữa và đành phải bắt tay nó.

“Charlie Reese,” tôi đáp.

“Cậu đến từ đâu?”

“Raleigh.”

“Sao cậu lại đến đây?”

Thằng nhóc này tọc mạch thật đấy. Nhưng tôi nghĩ nếu mình nói ra sự

thật, thì chắc chắn nó sẽ á khẩu, và có thể sẽ từ bỏ luôn việc làm Bạn Kèm Cặp của tôi.

“Bố tớ ngồi tù, còn mẹ thì nằm lì trên giường suốt,” tôi đáp.

Nhưng thằng nhóc đó thậm chí còn chẳng hề chớp mắt. “Sao bố cậu lại vào tù?”

“Vì tội ấu dâm.”

“Tại sao?”

“Cậu hỏi thế là sao?”

Nó chùi cặp mắt kính mờ vào vạt áo phông. Hơi nóng hầm hập trong chiếc xe buýt chật kín người làm hai gò má nó ửng đỏ. “Sao bố cậu lại ấu dâm với người khác?” nó hỏi.

Tôi nhún vai. Ông bố già Thích Gậy Gõ của tôi có thể đánh nhau mà chẳng cần lí do gì cả. Và lại, có thể có hàng đồng lý do khiến ông phải ngồi tù, nhưng chẳng ai chịu kể cho tôi những điều đó.

“Bác Gus và bác Bertha đã kể với mẹ tớ là cậu sắp chuyển đến đây. Hai bác ấy cùng đi lễ ở nhà thờ với gia đình tớ. Có lần tớ còn cho bác Bertha một chú mèo nữa đấy,” Howard nói. “Một chú mèo hoang lông xám gây nhặng trốn chui lủi dưới hiên nhà tớ.”

Sau đó nó tiếp tục thao thao bất tuyệt về chuyện bác Gus đã dạy nó làm súng cao su, và chuyện bác Bertha thi thoảng bán món dưa chuột muối bên vệ đường vào mùa hè. Tiếp theo là chuyện có lần mẹ nó đã phi xe xuống cái rãnh cạnh nhà bác Gus và bác Bertha, thế nên bác Gus đã phải dùng máy kéo để giải cứu chiếc xe của mẹ nó, rồi sau đó mọi người đều vui vẻ ăn bánh mì kẹp thịt nướng ở sân trước.

“Cậu sẽ sống cùng hai bác ấy nhỉ,” nó nói.

“Tớ không sống cùng họ lâu đâu,” tôi đáp. “Tớ sẽ về Raleigh.”

“Ồ.” Nó cúi đầu nhìn hai bàn tay lấm chàm tàn nhang đặt trên đùi. “Bao

giờ thế?”

“Khi mẹ tớ bình ổn trở lại.”

“Thế mẹ cậu cần bao nhiêu thời gian?”

Tôi nhún vai. “Không lâu đâu.”

Nhưng trong thâm tâm, tôi biết mình đang tự dối lòng. Tôi biết mẹ mình có lẽ sẽ chẳng thể nào trở lại như xưa nữa.

Khi chiếc xe buýt bắt đầu lăn bánh tiến về thị trấn, Howard bắt đầu luyện thuyên một tràng về luật lệ xe buýt. Không được giữ chỗ. Không nhai kẹo cao su. Không được viết lên lưng ghế. Không chửi bậy. Cả một đống luật lệ lằng bằng - mà tôi dám cá là chẳng ai thèm để tâm ngoại trừ Howard.

Qua khung cửa sổ xe buýt, tôi thấy thị trấn Colby thật thảm hại. Một trạm xăng. Một khu nhà lưu động. Một tiệm giặt tự động. Nếu có ai hỏi, tôi sẽ nói nơi này trông chẳng giống một thị trấn cho lắm. Không có trung tâm mua sắm, cũng chẳng có rạp chiếu phim. Thậm chí, ở đây cũng chẳng có nhà hàng đồ Trung Hoa nào cả.

Một lúc sau, chiếc xe buýt bắt đầu leo dốc lên núi. Trời đã ngừng mưa, và lúc này những làn hơi nước nhỏ bắt đầu bay lên từ mặt đường nhựa. Con đường núi hẹp có rất nhiều khúc cua quanh co, ngoằn ngoèo. Thi thoảng, bác tài lại dừng xe để trả tụi nhóc về mấy ngôi nhà tồi tàn đến đáng thương bên mặt đường đất đỏ. Khi chiếc xe dừng lại gần nhà bác Gus và bác Bertha, Howard nói với tôi, “Hẹn gặp cậu sau nhé.”

Một thằng nhóc tóc đỏ khác có vẻ nhỏ tuổi hơn Howard cũng xuống xe cùng nó. Tôi thấy hai đứa băng qua một khoảng sân đầy cỏ dại để vào nhà. Mấy chiếc xe đạp, ván trượt, bóng đá và giày thể thao nằm la liệt trên đoạn đường từ ngoài đường cái tới cửa ra vào. Một chiếc ống nước tưới cây trườn ngoằn ngoèo từ cái vòi rỉ nước đến một cái hố trong sân. Một thằng

nhóc mặt lem luốc đang ngồi thấy đá và sỏi vào cái hồ nước, khiến làn nước đục ngầu trong đó bắn lên tung tóe.

Howard vẫy tay chào khi chiếc xe chuẩn bị lăn bánh, nhưng tôi lại tiếp tục dán mắt vào cái bã kẹo cao su ở băng ghế trước mặt.

Khi bác tài dừng xe bên con đường trải sỏi dẫn vào nhà bác Gus và bác Bertha, tôi bước xuống và nhìn bác ấy lái xe đi. Luồng gió từ chiếc xe buýt khiến mấy đóa hoa cà rốt đại đầm nước mưa bên vệ đường lay động rung rinh. Khi bắt đầu bước về phía ngôi nhà, tôi chợt phát hiện một thứ lấp lánh lan trong đám đất bên vệ đường.

Một đồng xu!

Tôi liền lao nhanh đến đó và nhặt nó lên. Sau đó tôi cố gắng thả đồng xu đi xa hết cỡ, rồi thầm ước thật nhanh trước khi nó chạm mặt đất và lăn về phía rừng cây.

Thế là xong nhiệm vụ ước nguyện ngày hôm nay!

Có lẽ lần này điều ước của tôi sẽ thành hiện thực.

Hai

Tôi mệt nhọc lê bước, thì thoảng lại nhảy qua những vũng nước mưa đục ngầu trên đường, rồi thắc mắc không biết lúc này Jackie đang làm gì. Chắc bà lại đứng phì phèo thuốc lá với mấy ông bạn trong bãi đỗ xe của siêu thị Piggy Wiggly đối diện trường. Mọi người đều nghĩ bà chị tôi là thiên thần ngây thơ trong sáng, nhưng tôi thì đi guốc trong bụng bà rồi.

Tôi dừng chân khi ngôi nhà của bác Gus và bác Bertha hiện ra trước mắt. Tôi đã ở đó bốn ngày trời, vậy mà vẫn chưa quen được cảm giác ngôi nhà như đang lơ lửng chênh vênh bên vách núi. Mặt tiền ngôi nhà được dựng trên mặt đất với những bụi cây đương trở hoa mọc sát tường. Nhưng mặt hậu của ngôi nhà lại được xây theo kiểu nhà sàn, với mấy chiếc cột chống xuống vách núi dốc. Trên những chiếc cột đó là một cái hiên nhỏ xíu, hai chiếc ghế bập bênh và những bồn hoa đang đua nhau khoe sắc trên thành lan can.

Tối đầu tiên tôi tới Colby, bác Gus đã kéo một chiếc ghế trong bếp ra ngoài hiên để tôi ngồi ngắm cảnh sau bữa tối. Bác Bertha đã liên tục hỏi tôi đến cả triệu câu, tỉ dụ như môn học yêu thích của cháu ở trường là gì, hay cháu có con số may mắn không? Thi thoảng cháu có muốn đi bơi ở YMCA* không, hay cháu có thích ăn lạc luộc không? Nhưng tôi chỉ lầm bầm và nhún vai cho đến khi bác ấy ngừng hỏi. Tôi chẳng có tâm trạng nói chuyện với bác ấy. Tôi đang làm cái gì trên cái hiên nhà đó với những

người tôi thậm chí chẳng hề quen biết vậy nhỉ? Tôi cảm giác mình vừa bị quăng ra vệ đường, hết như cách người ta quăng túi mèo con không ai thèm nhận nuôi. Nên sau đó tôi và hai bác ấy đã ngồi im lặng ngắm mặt trời từ từ lặn xuống núi, và những ánh đèn đom đóm nhỏ nhấp nha nhấp nháy giữa những tán lá thông.

Suốt ba ngày tiếp theo, tôi đã cố gắng thuyết phục bác Gus và bác Bertha rằng đến trường vào thời điểm này chẳng có tích sự gì cả, vì đảng nào cũng sắp đến kì nghỉ hè rồi. Nhưng cuối cùng tôi vẫn phải trèo lên chiếc xe buýt chật ních toàn lũ nhóc nhà quê đó để đến trường.

“Chào cháu,” bác Bertha đang đứng trước cửa nhà khi tôi bước vào sân. Một chú mèo béo sụ lông cam phóng vụt ra từ đằng sau nhà kho trong vườn, rồi bắt nhịp lon ton chạy bên tôi. Bác Gus và bác Bertha có nhiều mèo lắm, chúng thường ngủ dưới hiên, phơi nắng trên bậu cửa sổ, hoặc vờn lũ ong ngoài vườn.

Tôi vào nhà và quăng ba lô lên chiếc ghế bành đã sờn rách của bác Gus. Từ trong căn bếp, hương quế ấm áp lan tỏa khắp nhà.

“Bác làm bánh cà phê* đấy,” bác Bertha nói. “Bác vẫn thắc mắc sao người ta lại gọi món này là bánh cà phê, vì bác chẳng thấy chỗ nào trong công thức nhắc đến cà phê cả.” Bác ấy giữ cửa cho túi mèo vào nhà. “À, bác biết rồi. Bác đoán cháu đang định nói là ‘vì ta phải uống cà phê khi ăn loại bánh này thì mới đúng kiểu.’ Phải không? Ủa, đúng là như vậy, nhưng mình muốn ăn kiểu gì chẳng được, nhỉ?”

Từ ngày đầu tiên đến đây tôi đã biết bác Bertha là người thích nói chuyện. Bác ấy không giống mẹ tôi, vì mẹ có thể im lặng liên tục trong suốt nhiều ngày liền. Nhưng tôi đã thực sự ngạc nhiên khi thấy ngoại hình của hai người họ giống nhau đến thế. Cả mẹ và bác Bertha đều có mái tóc nâu điểm bạc. Họ giống nhau ở cả những ngón tay thon dài. Thậm chí đến cả những nếp nhăn trên khóe miệng họ cũng giống nữa.

Tôi ngồi vào bàn bếp và quan sát bác Bertha cắt một miếng bánh bông lan cà phê to bự chẳng. Sau đó, bác ấy đặt miếng bánh lên tấm khăn giấy trước mặt tôi, rồi kéo chiếc ghế lại gần tôi và nói, “Kể cho bác nghe mọi điều về ngày đầu đi học xem nào. Về cô giáo của cháu này. Về các bạn trong lớp cháu. Lớp học của cháu trông như thế nào. Trưa nay cháu đã ăn gì. Giờ ra chơi cháu làm gì. Tất cả mọi chi tiết, dù là cái nhỏ nhất nhé.”

“Trong lớp cháu có một con bé ăn bánh kẹp thịt sóc ạ,” tôi đáp.

Bác Bertha nhướn mày nghi hoặc. “Bánh kẹp thịt sóc á? Cháu có chắc không?”

Tôi liếm ngón tay rồi quệt nốt vụn bánh vào khăn giấy. Tôi không ngược lên nhìn bác ấy, chỉ gật đầu và đáp, “Cháu chắc chắn mà.”

Trên kệ bếp, một chú mèo nhỏ lông xám đang tập trung liếm lông. Tôi đã thắc mắc liệu đó có phải con mèo trắng nhóc Howard đã tặng hai bác ấy không. Bác Bertha bế nó lên, rồi hôn nhẹ lên đầu nó. “Chị Charlie không muốn ăn bánh cà phê dính lông mèo đâu, Walter à.” Rồi bác ấy nhẹ nhàng đặt nó lên sàn nhà. Nó liền rúm đuôi lại khi phát hiện một hàng kiến đang hành quân từ phía dưới bồn rửa bát đến chỗ một vật thể nhỏ xíu, đen xì bên cạnh lò nướng.

“Ồ lớp cháu còn có một thằng nhóc bị tật cà nhắc nữa,” tôi nói.

Bác Bertha ngẩng đầu nhìn tôi. “Trời đất, cháu nói thằng nhóc bị tật cà nhắc là sao?” Bác ấy ngắt một chiếc lá úa trên cành cây ở bậu cửa sổ và nhét vào túi áo.

“Thằng nhóc đó tên là Howard. Nó có tướng đi cà nhắc kiểu như này ạ.” Tôi bắt chước kiểu đi của Howard quanh chiếc bàn bếp.

“À, Howard Odom,” bác Bertha đáp. “Cầu Chúa phù hộ cậu bé đó. Cậu bé ngoan ngoãn và biết vâng lời lắm. Cháu đừng hùa theo những đứa khác khi chúng trêu chọc Howard, hay miệt thị cậu bé bằng những biệt danh tồi

tệ như Pogo nhé.” Bác Bertha lắc đầu. “Bác thề, công nhận trẻ con bây giờ nhiều đứa xấu tính thật đấy.”

“Pogo ạ?”

“Ừ, cái gậy nhảy Pogo ấy cháu.”

“Lẽ ra thằng nhóc đó phải táng cho tụi kia nổ đom đóm mất chứ,” tôi đáp. “Nếu cháu là nó thì cháu sẽ làm thế.”

Bác Bertha tròn xoe mắt nhìn tôi rồi lắc đầu. “Cậu bé đó sẽ không làm vậy đâu. Đến con ruồi mà cậu ta còn chẳng giết nổi, huống chi... Cả gia đình Odom đều giống như Howard. Họ đều là những người tốt bụng. Hai đứa anh trai của Howard thì thoảng hơi ‘hoang dã’ một xíu thôi, nhưng nói chung cả nhà họ đều tốt bụng cả.” Bác Bertha gạt đồng vụn bánh trên bàn rồi phủi tay vào trong bồn rửa. “Mới tuần trước thôi, ba đứa con trai nhà Odom vừa qua nhà bác để phụ giúp bác Gus thay mấy tấm ván bị mối gặm ngoài hiên. Thế mà chúng chẳng chịu nhận lấy xu nào, nên tụi bác đành phải trả công mấy đứa bằng một bao củ cải to. Vậy mà nom mặt đứa nào đứa này vui như trảy hội ấy.”

Củ cải á? Tôi thì nghĩ tất cả những đứa nhóc cảm thấy vui sướng khi được người khác cho bao củ cải đều là lũ không bình thường.

Bác Bertha đến ngồi cạnh tôi. “Cháu còn chuyện gì để kể nữa không?” Bác ấy hỏi. “Cháu kể thêm chuyện trường lớp đi nào.”

Tôi nhún vai. Tôi không định kể cho bác Bertha chuyện tờ “Phiếu làm quen” của tôi bị cô Willibey thả lên mặt bàn như củ khoai nóng rẫy, hay chuyện cô ấy chỉ định Howard trở thành Bạn Kèm Cặp của tôi, nên tôi chỉ đáp, “Hết rồi ạ.”

“Hết rồi á?”

“Vâng ạ.”

Bác Bertha đập tay lên mặt bàn. “Ôi bác suýt quên mất, bác có thứ này

dành cho cháu đây.” Bác ấy ra hiệu gọi tôi theo chân đến cái phòng ngủ bé tẹo cuối hành lang.

“Ta-đaaa!” Bác Bertha dang rộng hai cánh tay và toét miệng cười.

Theo ánh mắt bác ấy, tôi nhìn về phía chiếc giường hẹp ở góc phòng. Ở đó là hai chiếc gối hồng có hình công chúa Lọ Lem đang tựa lưng vào tường.

“Sáng nay bác chợt nhận ra là căn phòng này chẳng giống phòng con gái tẹo nào, nên bác đã tới siêu thị Big Lots để sắm mấy cái vỏ gối đó. Bác cũng định mua luôn cả ga trải giường cho đủ bộ, nhưng họ chỉ có mỗi loại ga to cho giường đôi thôi. Có thể hôm sau bác sẽ quay lại đó để sắm nốt chiếc thảm lông mịn màu hồng cho cháu, nếu như bác Gus đồng ý giúp bác khênh cái bàn làm việc kia sang chỗ khác. Bác cũng biết là mình phải chuyển mấy chiếc hũ thủy tinh kia đi, và cái ti vi cũ kia cũng hỏng rồi, nhưng...”

Bác ấy cứ tiếp tục thao thao bất tuyệt một lúc lâu nữa, nhưng tôi chẳng để ý. Vỏ gối Lọ Lem á? Chắc bác ấy nghĩ tôi mới là trẻ lên năm, trong khi tôi thực ra đã gần mười một tuổi đến nơi rồi. Bác ấy đúng là chẳng biết gì về trẻ con cả.

Chiều hôm đó Jackie gọi điện cho tôi từ Raleigh. Bà kể rằng chị họ của Carol Lee đã tới chơi, và chị ấy cho bà một chiếc áo len cashmere* cũ. Và gần đây bố của Carol Lee đang dạy bà lái xe, vì ông bố Thích Gây Gổ của chúng tôi sẽ chẳng bao giờ làm thế. Jackie nói rằng bà dự định sẽ nhuộm vài lọn tóc màu xanh dương, và sắp tới một anh chàng tên là Arlo sẽ đưa bà đến Charlotte để xem giải đua xe NASCAR*.

Jackie quá say sưa nói về cuộc sống mới hạnh phúc của mình, đến mức bà chẳng thèm hỏi han xem tôi sống ở Colby với tụi nhóc nhà quê ăn thịt sóc ra sao. Sau khi chúng tôi gác máy, tôi về phòng, gối đầu lên chiếc gối Lọ Lem và tự thấy mình thật thảm hại. Sao Jackie vui vẻ thế nhỉ? Hình như

bả chẳng thèm quan tâm đến tôi nữa rồi.

Chắc bố già Thích Gây Gổ cũng chẳng buồn nghĩ về tôi nữa. Chắc ông quá mải mê chơi bóng rổ với mấy người bạn tù, nên chẳng còn thời gian nghĩ đến đứa con gái đang mắc kẹt trên quả núi này, trong căn nhà đầy mèo và phải sống chung với những người nó không hề quen biết. Và tôi thừa biết rằng mẹ cũng chẳng nghĩ đến tôi đâu, bởi mẹ còn đang bận vật vờ trong nhà, với chiếc áo choàng tắm, đôi mắt đỏ ngầu và đôi vai gầy lom khom.

Chắc hẳn tôi nay tôi sẽ lại ra ngồi ngoài hiên nhà, và chờ ngôi sao đầu tiên ló dạng để ước thêm lần nữa. Có khi nếu tôi ước hai lần một ngày, thì điều ước của tôi sẽ sớm trở thành hiện thực.

Ba

Tôi đó, khi ngồi ngoài hiên nhà cùng bác Gus và bác Bertha, tôi đã thấy ngôi sao đầu tiên lấp lánh trên những ngọn cây. Tôi liền nhắm mắt và nhanh chóng thầm ước.

“Cháu vừa ước đấy à?” bác Gus hỏi.

Tôi ngượng chín mặt. “Không ạ.”

Bác Bertha khẽ huých bác Gus. “Này, anh kể cho con bé cái lần anh ước ông chú Dean biến mất, sau đó ông biến mất thật đi.”

Bác Gus phát nhẹ vào tay bác Bertha một cái. “Trời, Bertie. Con bé không muốn nghe câu chuyện nhạt nhẽo cũ rích đó đâu.” Bác ấy khẽ đung đưa chiếc ghế làm sà hiên kêu kẻo cà kẻo kẹt.

Nếu bác Bertha là người hay chuyện và hầu như chẳng bao giờ chịu ngồi yên, thì bác Gus lại là người trầm lặng, dễ tính và có vẻ luôn từ tốn, bình thản trước mọi chuyện. Bác ấy đội một chiếc mũ bóng chày cả ngày, và chỉ bỏ nó ra lúc đi ngủ. Dưới vành mũ của bác ấy là mái tóc nâu lò xo, lộn xộn khắp tứ phía. Cái lưỡi trai mũ màu nâu đậm ấy lấm lem bùn và những dấu vân tay dầu mỡ của bác Gus.

“Kia là chòm Phi Mã,” bác Gus nói khi chỉ vào chòm sao lơ lửng phía trên dãy núi đằng xa.

“Đáng lẽ bác Gus phải làm nhà khoa học mới phải,” bác Bertha nói. “Bác ấy có thể trả lời mọi câu hỏi của cháu về các chòm sao, không khí, cây

cỏ, nước, thời tiết, hay những thứ khác trong thiên nhiên đấy.”

Bác Gus chỉ *xìì* một tiếng.

“Bác Gus cứ tưởng bác chịu gả cho bác ấy vì cái mã bề ngoài.” Bác Bertha nháy mắt với tôi. “Nhưng thực ra bác yêu bác ấy vì bộ não cơ.”

Bác Gus bật cười.

Sau đó tôi đã được chứng kiến điều kì diệu nhất. Cả hai bác đã đưa tay ra cùng lúc, rồi nắm lấy tay nhau. Giống như người ta hay hẹn trước với nhau: “Đếm đến ba rồi nắm tay nhé.” Cả đời này tôi chưa từng thấy bố mẹ tôi nắm tay nhau bao giờ. Chà, hình như bố mẹ tôi hầu như còn chẳng thêm nhìn nhau bao giờ luôn ấy.

Tôi quan sát bác Gus và bác Bertha cùng lặng ngắm bầu trời đêm và nở nụ cười mãn nguyện. Thi thoảng bác Bertha lại quay sang nhìn bác Gus mơ màng, như thể bác Gus là một ngôi sao điện ảnh, chứ không phải người đàn ông đầu tóc bù xù đang làm việc trong nhà máy sản xuất đệm ở Cooperville. Chúng tôi nán lại ngoài hiên cho tới khi mưa bắt đầu lác đác rơi. Màn mưa bụi mỏng tang nhưng buốt lạnh, khiến lũ mèo đang nằm dưới chân chúng tôi phải giật mình, phóng như bay vào nhà. Đêm đó, tôi trèo lên giường với cái đầu quay cuồng. Tôi nghĩ về ông bố Thích Gây Gổ của mình đang ngáy khò khò trong nhà tù quận, và mẹ tôi giờ này chắc đang nằm nhìn chăm chăm lên trần nhà trong căn phòng ngủ tối om. Tôi nghĩ về Jackie đang thì thầm tám chuyện to nhỏ và sơn móng chân cùng Carol Lee. Tôi nghĩ về thằng nhóc Howard Odom bị tật cà nhắc, và cả gia đình tốt bụng của nó. Tôi nghĩ về cái nắm tay của bác Gus và bác Bertha dưới ánh sáng của chòm sao Phi Mã. Rồi tôi nghĩ về số phận hẩm hiu của chính mình khi đang nằm trong căn phòng này, tự hỏi liệu điều ước của tôi có khi nào thành hiện thực được không.

Ngày hôm sau, tôi xỏ đôi bốt trong bộ đồng phục điều hành cũ của Jackie tới trường. Tôi biết mình đã mắc sai lầm nghiêm trọng ngay khi vừa

đặt chân lên xe buýt. Khi tôi đi giữa hai hàng ghế, vài đứa con gái chỉ trở vào đôi bốt của tôi, cười khúc khích rồi thì thầm to nhỏ với nhau. Tôi thấy nóng mặt nên đã lườm tui nó. Howard ra hiệu cho tôi đến ngồi cạnh nó, nhưng tôi đã ngồi phịch xuống hàng ghế phía sau.

Cả sáng hôm đó, tôi chỉ ngồi vẽ linh tinh lên cánh tay bằng bút dạ màu xanh lam và giả vờ đọc sách. Đến giờ ra chơi, Howard đã cố gắng thuyết phục tôi đồng ý để nó dẫn đi tham quan trường.

“Tớ là Bạn Kèm Cặp của cậu mà. Cậu quên à?” nó nói.

Tôi lắc đầu. “Quên chuyện đó đi,” tôi đáp. “Tớ không hứng thú với chuyện đó lắm. Vả lại, tớ cũng sẽ không ở lại thị trấn này lâu đâu.”

“Tại sao?”

Tôi đảo mắt. “Tớ đã *bảo* cậu rồi mà. Tớ sẽ về Raleigh.”

“Nhưng nhờ mẹ cậu không thể bình ổn trở lại thì sao?” nó hỏi.

Ồ hay, câu hỏi kiểu quái gì vậy? Tôi dùng dùng bỏ đi, rồi đến ngồi dưới cửa sổ căng tin và nhìn chăm chăm vào mấy đứa nhóc đang đá bóng trên sân. Tuy nhiên sau đó tôi cũng liếc sang phía Howard đôi ba lần. Nó đang dùng chân vẽ vòng tròn trên đất, trông mặt nó có vẻ ủ rũ lắm.

Khi chuông reo, tất cả lũ nhóc trong trường tranh nhau xếp hàng. Vài đứa con trai vô kỉ luật chen lấn, xô đẩy nhau trước mặt Howard, nhưng nó chẳng phản ứng gì. Khi tôi bước đến chỗ xếp hàng, một con bé trong lớp tên Audrey Mitchell bước đến bên tôi và nói, “Đôi bốt đẹp đấy.” Dứt lời, nó liền nhếch mép cười khinh bỉ, còn những đứa khác thì khúc khích cười sau lưng nó.

Tôi cảm thấy dòng máu nóng của bố lan ra khắp người, và cơn giận bủa vây tôi từ gót chân lên tận đỉnh đầu. Đúng là nóng như lửa thật. Sau đó tôi đáp trả nó, “Cảm ơn. Đi đôi giày này đá người khác thích lắm.” Rồi tôi đá vào cái ống chân khẳng khiu của nó một phát cực mạnh.

Ngay sau đó, tôi chỉ nhớ mang máng là có đứa đã khóc ré lên, và những đứa khác thì la hét và huyên náo. Rồi tôi bị đưa vào phòng thầy Hiệu trưởng Mason. Trong khi thầy “lên lớp” tôi về hành vi sai trái ban nãy, thì tôi ngồi ngắm những ngôi sao và trái tim nhỏ xíu mà tôi đã vẽ lên cánh tay bằng bút dạ trong tiết học đầu giờ sáng nay.

Thầy Mason hỏi tôi có biết việc mình làm là sai trái không, và nếu người khác đá tôi đau như thế thì tôi có thích không, và thầy cũng hỏi tôi hàng tá những câu hỏi khác nữa, nhưng tôi chẳng thêm để tâm. Tôi chỉ đáp “Vâng, thưa thầy” và “Không ạ, thưa thầy,” nhưng mắt tôi thì dính chặt vào cánh tay đầy hình vẽ, còn chân tôi thì gõ lách cách hai chiếc gót của đôi bốt điều hành vào chân ghế.

Tôi đã nhún vai khi thầy Mason nói sẽ gọi điện cho bác Bertha để nói với bác về chuyện tôi đá vào chân con bé Audrey Mitchell. Sau đó tôi trở về lớp và phải nói xin lỗi con bé đó, dù tôi chẳng hề thấy mình có lỗi gì cả. Và đó là tất cả những chuyện đã xảy ra trong ngày thứ hai tôi đi học ở Colby.

Chiều hôm đó, trên xe buýt, Howard đã một lần nữa phớt lờ màn tâm linh tương thông và tiến thẳng đến chỗ tôi. Nó lại ngồi phịch xuống cạnh tôi.

“Cậu phải giữ chỗ cho tớ chứ, theo lý thì những người Bạn Kèm Cặp nên ngồi cùng nhau mới phải,” nó nói.

“Như thế là phạm luật mà,” tôi đáp.

“Tớ chán chán là việc giữ chỗ cho một người Bạn Kèm Cặp không phải phạm luật.”

Tôi đảo mắt rồi nhìn ra phía ngoài cửa sổ.

“Sao cậu lại đá vào chân Audrey Mitchell?” Howard hỏi.

Tôi kể cho nó chuyện con bé kia đã nói “đôi bốt đẹp đấy” kèm theo điệu cười nhếch mép đầy khinh bỉ. Nó lắc đầu, “Khỉ thật, Charlie, sao cậu phải

nổi nóng vì chuyện đó? Có gì to tát đâu.”

Tôi lườm nó cháy mặt. Có lẽ chuyện đó đối với nó chẳng là gì, nhưng đối với tôi lại là cả vấn đề đấy. Tôi suýt nói với nó rằng tôi được ông bố Thích Gây Gổ di truyền cho cái tính dễ nổi nóng này, nhưng cuối cùng tôi quyết định không nói nữa. Thay vào đó, tôi kể cho nó chuyện hồi mẫu giáo mình bị đuổi về nhà ngay ngày đầu tiên đi học vì tội dùng bút chì chọc một thằng bé trong lớp.

“Thế cậu dùng đầu tẩy hay đầu nhọn?” Howard tò mò.

“Đầu nhọn.”

“Khỉ thật, Charlie.”

Tôi nhún vai. “Tớ biết. Nhưng lúc đó tớ bực mình thật mà.”

“Cậu bực mình vì chuyện gì cơ chứ?”

“Thằng đấy thọc ngón cái xuyên qua bánh kẹp của tớ,” tôi đáp.

Howard lại lắc đầu, những lọn tóc đỏ của nó rũ xuống lò xo trước cặp kính. “Từ giờ cậu hãy làm thế này nhé,” nó nói. “Mỗi lần cậu cảm thấy tức giận, hãy nói ‘Dứa.’”

“Dứa á?”

“Ừa.”

“Sao lại thế?”

“Nó giống như một ám hiệu để tự nhắc nhở bản thân kìm nén cơn giận lại. Mẹ tớ đã dặn em trai Cotton của tớ nói từ ‘củ cải cực cứng’ mỗi khi thằng bé muốn vẽ lên tường.”

“Thế cách đó hiệu quả không?”

“Thì thoảng.”

Tôi nghĩ đó là cái mẹo ngu ngốc nhất mình từng được nghe từ lúc cha sinh mẹ đẻ đến giờ, nhưng tôi không nói vậy với Howard. Chúng tôi chỉ

ngồi lặng im khi chiếc xe buýt từ từ leo lên con đường núi nhỏ hẹp. Thi thoảng, quang cảnh phía ngoài cửa sổ chuyển từ cảnh khu rừng rậm toàn lá thông, dương xỉ và những phiến đá phủ rêu, sang một khung cảnh quang đãng hơn, với những dãy núi ngút ngàn tầm mắt. Phía trên những dãy núi đó lơ lửng một đám sương mờ màu xám nhạt, tương phản với màu xanh dương đậm của dãy núi phía dưới.

“Đó là lý do người ta đặt tên nó là Dãy Blue Ridge,” bác Gus đã giải thích ngay từ hôm đầu tiên tôi đặt chân tới Colby. “Vì chúng có màu xanh dương mà.” Sau đó bác ấy nói rằng dãy núi có màu xanh dương do lá thông ở đó phát tán một chất đặc biệt vào không khí. Thực ra tôi chẳng hiểu bác ấy nói gì cả, nhưng vẫn gật đầu như thường lệ.

Khi bác tài dừng xe trước nhà Howard, nó túm ba lô lên và nhắc nhở tôi, “Nhớ nhé. *Dừa*.”

Tôi nhìn theo Howard và em trai nó bước chân lên từng bậc thang ọp ẹp ngoài hiên nhà rồi biến mất vào phía trong, để lại cánh cửa đóng sập “rầm” một cái sau lưng tôi. Cạnh cửa ra vào là một chiếc tròng kỷ trông có vẻ cũ kĩ được phủ một tấm ga giường. Dọc rìa hiên nhà nó là những lon cà phê trồng những cái cây vàng úa và những khóm hoa khô rũ. Có lẽ những người nhà Odom mãi tới tận mức họ chẳng cần bận tâm đến việc cả gia đình mình đang phải sống trong một ngôi nhà trông hết sức thảm hại.

Chiếc xe buýt kêu bình bịch và kéo kẹt trên con đường núi quanh co. Tôi đang nghĩ xem mình nên nói gì với bác Bertha về vụ đá con bé Audrey Mitchell ở trường, thì chợt nhìn thấy cảnh tượng rối loạn ngoài đường.

Hai con chó đang đánh nhau trên đoạn đường đất cạnh mấy căn nhà di động. Một con nhỏ hơn và có bộ lông đen tuyền. Con còn lại thì gầy đúng kiểu da bọc xương và có bộ lông đen đốm nâu. Một con bé liên tục la hét, trong khi một ông già gần đó đã bật sẵn vòi tưới và nhắm đến con chó gầy gò.

“Cút ra khỏi đây ngay!” ông già la lớn.

Một người phụ nữ chạy ra từ trong căn nhà lưu động cố tóm lấy con chó đen, còn con chó gầy gò vẫn tiếp tục cắn và liên tục gầm gừ. Sau đó nó bất ngờ quay đuôi bỏ chạy. Nó chạy trên vệ đường, đuổi theo xe buýt của chúng tôi trong khoảng một hay hai phút, đôi tai dài của nó vểnh phấp phật trong gió. Tôi dí mặt vào cửa sổ để ngắm nó phi nước đại trên vệ đường, sau đó nó đột ngột quay người chạy biến vào trong rừng.

Vài phút sau, khi chiếc xe buýt dừng lại trước nhà bác Gus và bác Bertha, tôi xuống xe và nhìn xuống đôi boot diều hâu trên chân mình. Trông Jackie lúc nào cũng xinh đẹp khi diện đôi boot này, nhưng trông tôi đúng là ngu ngốc thật. Hèn chi tụi con gái kia cười nhạo tôi là phải.

Cơn tức giận quen thuộc lúc nào cũng bủa vây tôi, hết như một chiếc chăn vậy. Nhưng lần này tôi lại thấy giận chính bản thân mình, bởi tôi là một đứa tồi tệ chẳng ai cần đến. Tôi giậm chân rồi đá mấy viên sỏi, khiến chúng lăn vào mấy bụi đỗ quyên được trồng dọc vệ đường.

Sau đó tôi nhủ thầm, “*Dứa*”, trước khi đi bộ nốt quãng đường lên nhà bác Gus và bác Bertha.

Bốn

Tôi đã tưởng tượng cảnh bác Bertha nổi giận lôi đình vì tôi đá vào chân con bé đó, nhưng tôi đã bất ngờ khi bác ấy choàng tay ôm tôi và nói, “Ngày mai rồi sẽ khác.” Bác ấy ôm chặt tôi hơn chút nữa, rồi nói thêm “Cá nhân bác lại thấy rất thích đôi bốt đó đây.”

Bác Bertha không hề nhắc đến hành vi sai trái của tôi. Nếu là mẹ, thì đây không biết đã là lần thứ bao nhiêu mẹ phải rầy la và nhắc nhở tôi rồi. Mẹ luôn nói rằng tôi đúng là một đứa chuyên gây rối, hệt như ông bố Thích Gây Gổ của mình vậy.

Sau bữa tối, tôi đã ước khi ăn món bánh nướng nhân việt quất tráng miệng. Nếu bạn cắt phần chóp nhọn của miếng bánh để dành ăn sau cùng, bạn có thể ước trong khi ăn miếng đó. Tôi đã học điều đó từ ông anh họ Melvin. Ông đã thề với tôi là cách này hiệu nghiệm, vì anh trai ổng ngay sau đó đã trốn khỏi nhà và lấy vợ, và Melvin được độc chiếm toàn bộ phòng ngủ đúng như ổng mong ước.

Tôi biết bác Gus và bác Bertha đã nhìn thấy tôi cắt riêng đầu miếng bánh rồi đẩy ra ngoài rìa chiếc đĩa, nhưng họ chẳng hề thắc mắc. Và lại, tối nay bác Bertha có vẻ ít nói hơn mọi hôm. Có lẽ bác ấy thực sự bức mình vì tôi đã đá vào chân con bé Audrey. Có lẽ bác ấy đang nghĩ, *đúng là cha nào con nấy*. Có lẽ trước khi đi ngủ, bác ấy sẽ thăm thì với bác Gus rằng tôi đúng là chẳng khác gì ông bố Thích Gây Gổ của mình, và bàn về những rắc

rồi họ sắp phải đổi mặt khi đón tôi về nhà.

Sau khi ăn miếng chóp bánh và thăm ước, tôi ra ngoài sân để xem bác Gus cắt cỏ trong vườn rau. Một “quả bóng lông” đen cọt người vào chân tôi và liên tục kêu gừ gừ. Tôi dùng cành cây viết tên mình lên mặt đất rồi lại xóa đi. Trong khoảng sân này chẳng có ngọn cỏ nào mà chỉ toàn đất đá, đâu đó điểm xuyết vài đóa hoa đủ sắc màu. Vài bụi hoa dại nép mình khiêm nhường bên cột dây phơi quần áo. Những đóa thù du màu hồng khoe sắc cạnh con đường vào gara. Những cây bồ công anh xếp hàng thẳng tắp như những chú lính dọc theo hàng rào lưới quanh khu vườn.

Bác Gus vừa huýt sáo vừa xới đất quanh cây cà chua bé xiu. Bác ấy thận trọng bước từng bước giữa những mầm đậu que và bí ngòi mới trỗi lên từ mặt đất ẩm áp mùa xuân. Hôm đầu tiên tôi đến Colby, bác Bertha đã bảo bác Gus, “Mình đưa Charlie ra thăm vườn đi!”. Thế là tôi phải theo chân hai bác ấy ra vườn để nghe giới thiệu về từng cái mầm cây nhỏ xiu ấy. Bác Bertha đã giải thích cho tôi cách những cây đậu que kia leo giàn, và nói rằng những cây bí ngòi sẽ trở những đóa hoa vàng thật to. Tôi chỉ gật đầu và đáp, “Ồ,” vì bạn còn có thể nói gì hơn về những cây rau trong một khu vườn nữa đây? Nhưng bác Gus ư? Bạn sẽ nghĩ mình đang lạc trong Vườn Địa đàng khi nhìn thấy cách bác ấy chăm sóc khu vườn, kiểm tra từng chiếc lá non của cây mướp tây, hay gạt một dây bí khỏi lối đi.

Tôi tiếp tục viết nguệch ngoạc trên nền đất đỏ, còn bác Gus thì tập trung huýt sáo và xới đất. Thi thoảng, bác ấy lại ngừng tay để kéo cái vành mũ lưới trai hoặc đập muỗi. Tôi nghe thấy tiếng bác Bertha trò chuyện cùng mấy chú mèo trong bếp khi cho tụi nó ăn. Có đứa vừa bị bác ấy mắng vì tội ăn thịt chim. Một đứa khác thì bị bác ấy chê là mập quá.

Tôi định vào nhà thì đột nhiên thấy thứ gì đó chạy sượt qua. Một con vật vừa chuyển động phía sau mấy lùm cây ngăn cách giữa khoảng sân và khu rừng. Chú mèo đen cạnh tôi đột ngột lao vút đi trốn phía sau nhà kho

trong vườn. Tôi đứng im và nheo mắt nhìn vào bóng tối trong rừng. Đột nhiên, một chú chó lông đầu ra từ phía sau những bụi cây. Chú chó đó gầy gò, có bộ lông đen đốm nâu, và đôi tai dài rủ xuống. Nó chính là chú chó tôi vừa nhìn thấy chiều nay!

Nó héch đầu nhìn tôi. Tôi nhón chân khễ bước một bước về phía nó. Nó cúi đầu dè chừng và tiếp tục quan sát tôi. Nhưng khi tôi tiến thêm bước nữa, thì nhanh như chớp, nó liền chạy biến vào rừng.

“Chết tiệt,” tôi hậm hực.

“Cháu vừa nói gì thế?”, từ trong vườn, bác Gus nói vọng ra.

“Vừa nãy có con chó đứng đằng kia ạ.” Tôi chỉ về phía mấy lùm cây.

“Con chó lông đen đốm nâu à? Tai nó rủ xuống phải không?”

“Vâng,” tôi đáp. “Vừa nãy bác cũng thấy nó ạ?”

“Không, nhưng bác từng thấy nó đến đây nhiều lần rồi.”

“Nó là chó nhà ai vậy ạ?”

Bác Gus dựng cuốc vào hàng rào rồi ngồi lên một chiếc ghế gấp trong sân. “Nó là chó hoang thôi,” bác ấy nói. “Nó thường xuyên xuất hiện ở đây nhiều tháng rồi. Bác Bertha vẫn mang thức ăn thừa ra ngoài đó cho nó đấy. Nó chẳng phiền khi phải ăn món thịt băm của bác Bertha đâu.”

Tôi nhìn về phía khu rừng. “Cháu cá là cháu có thể bắt nó,” tôi nói.

Bác Gus nhắc chiếc mũ bóng chày lên để gỡ đầu. “Con chó lai già nua đó có vẻ nhát người lắm đấy.”

“Nếu cháu bắt được nó thì cháu có thể giữ nó lại để nuôi không ạ?”

“Bác nghĩ nó thích được làm chó hoang hơn đây,” bác Gus đáp.

Nhưng tôi hiểu nó hơn bác ấy. Tôi hiểu cảm giác bị bỏ rơi, không gia đình, không ai muốn nuôi dưỡng là thế nào. Và chú chó đó là một chiến binh. Hệt như tôi ấy. Tôi và nó có rất nhiều điểm chung. Đột nhiên tôi cảm

thấy yêu thương chú chó gầy gò đó thật nhiều.

Tôi đã lập một lời thề nghiêm túc ngay tại khoảng sân đó, và tự hứa với lòng mình rằng tôi chắc chắn sẽ bắt được chú chó đó.

Năm

Tôi cứ chắc mẫm rằng cuối tuần được nghỉ học sẽ sung sướng lắm, nhưng bác Bertha lại thông báo là chúng tôi sẽ đến nhà thờ vào Chủ nhật.

Từ nhỏ tôi đã chẳng đến nhà thờ rồi. Ông bố Thích Gây Gổ của tôi chẳng bao giờ muốn dây dưa đến nhà thờ. Bố tôi gọi những người đi nhà thờ là những kẻ *“tay làm việc thiện, miệng tụng Kinh thánh.”* Nhưng mẹ từng dẫn tôi và Jackie đến nhà thờ vài lần. Tôi không nhớ được nhiều về chuyện đó, chỉ nhớ Jackie từng rên rỉ và than vãn suốt quãng đường từ nhà tới nhà thờ, đến nỗi mẹ tôi phải phát vào chân bả để bắt bả im lặng. Nhưng sau này, chứng lo âu của mẹ tôi ngày càng trầm trọng, khiến mẹ không thể lái xe hay cởi áo choàng tắm. Ngay cả việc chải tóc mẹ cũng chẳng làm nổi, nên từ đó chúng tôi không đến nhà thờ nữa.

Sáng Chủ nhật, khi tôi vừa bước chân vào bếp, bác Bertha đã nhìn tôi một lượt từ đầu xuống chân rồi thốt lên, “Ôi, trời.” Sau đó, bác ấy lau tay vào tạp dề. “Cháu có cái váy nào không?”

Tôi liếc xuống nhìn chiếc quần bò ngắn cũn và áo phông cũ của Jackie rồi lắc đầu.

Bác Bertha phẩy tay. “Ừm, thôi không sao đâu. Tuần tới bác cháu mình đi mua sắm cũng được.”

Sau đó bác Gus bước vào bếp, và tôi suýt chút nữa không nhận ra bác ấy. Hôm nay bác Gus đóng bộ đầy đủ cả áo vest và cà vạt! Thay vì đôi ủng

dính đầy bùn đất thường ngày, hôm nay bác ấy đi đôi giày da đen bóng buộc dây. Bác trông cũng ra dáng một ông chủ ngân hàng giàu có ở Raleigh phết, nếu như không có bộ móng tay dính đất và mái tóc cổ tình vuốt thẳng dưới chiếc mũ bóng chày kia.

Bác Gus ngồi vào bàn bếp, và bác Bertha đã hôn lên má bác ấy. “Chà, nhìn anh kìa,” câu đó đã khiến bác Gus ngượng chín mặt. Bác ấy gạt bàn tay bác Bertha trên vai mình xuống, sau đó liên tục kéo cổ áo cho thẳng thớm và lau bớt mồ hôi sau gáy.

Sau bữa sáng, bác Gus lái xe đưa chúng tôi tới Nhà thờ Thung lũng Rocky. Khi bước vào nhà thờ, tôi liền hiểu ra lí do bác Bertha thốt lên “Ôi, trời” khi nhìn thấy bộ dạng của tôi sáng nay. Tất cả những đứa con gái khác trong nhà thờ đều mặc váy. Tôi chẳng dám nhìn thẳng vào mắt ai, vì tôi biết mình đang ngượng chín mặt, còn chiếc quần bò trên người tôi thì quả đúng là sai lầm.

Tôi ngồi giữa bác Gus và bác Bertha trên băng ghế gỗ. Khi chú nhạc công chơi các bản nhạc nhà thờ, mọi người dần dần kéo đến nhà thờ đông hơn, đâu đâu cũng có người cười và gật đầu chào nhau. Một lúc sau, bác Bertha huých nhẹ tay tôi và thầm thì, “Nhà Odom kìa cháu.”

Tôi ngược lên thì thấy Howard và cả gia đình nó đang cầm quyển Kinh thánh tiến về một băng ghế cạnh lối đi. Năm đứa con trai với mái tóc chải mượt xô đẩy nhau và bước đi sầm sập trong đôi giày đẹp nhất của chúng. Mẹ Howard hoàn toàn phớt lờ bọn trẻ, bác ấy quay sang trò chuyện với những người quen và hỏi thăm người bà đang bệnh của họ, trong khi ông bố tóc đỏ của Howard thì lấy khăn tay lau mặt.

Sau màn cầu nguyện và hát thánh ca, tụi trẻ con chúng tôi phải đi học trường Chúa Nhật. Tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi đến lớp và thấy con nhỏ Audrey Mitchell ngồi đó. Con bé đó cũng trở mắt nhìn tôi, cứ như thể tôi là người sao Hỏa vừa bị rơi từ tàu vũ trụ xuống đây ấy. Tôi cố gắng ngồi cách

xa con bé đó hết mức có thể. Sau đó thằng nhóc Howard cả nhắc bước vào lớp, rồi đến ngồi cạnh tôi.

Giáo viên trường Chúa Nhật của chúng tôi là cô Mackey, một người phụ nữ đứng tuổi có mái tóc muối tiêu. Ngay đầu giờ học, cô giới thiệu với mọi người tên tôi là Charlie Reese, và yêu cầu mọi người chào đón tôi đến với cộng đồng nhà thờ. Sau đó cô dạy chúng tôi bài hát “Noah Tốt bụng.” Howard hát to hơn tất cả mọi người trong lớp, và tôi thấy khá xấu hổ vì nó, nhưng hình như chẳng ai thêm bận tâm đến Howard, trừ tôi.

Sau đó, cô Mackey nói rằng chúng tôi sẽ chơi trò *Thám tử Kinh thánh*. Cô ấy sẽ đọc to các câu hỏi trong bộ thẻ bài Thám tử Kinh thánh, và mỗi khi ai đó trả lời đúng một câu hỏi, người đó sẽ được nhận một đồng xu Thám tử. Khi thu thập được đủ số lượng đồng xu Thám tử, bạn có thể đổi chúng lấy giải thưởng. Khi cô Mackey đọc câu hỏi, bọn con trai liên tục nhúc nhích cựa quậy, tụi con gái mặc váy đẹp thắm thì và cười khúc khích với nhau, còn tôi ngồi im lặng cùng chiếc quần bò xấu xí của mình.

Samson có bao nhiêu bím tóc?

Ai đã chui xuống hố trong kì sa tuyết để giết một con sư tử?

Câu chuyện về một hoa hậu trở thành hoàng hậu được viết trong cuốn sách, chương và câu nào?

Lần nào Howard cũng giơ tay, và tôi biết chắc chắn mình sẽ không bao giờ giành được bất cứ đồng xu Thám tử nào hết.

Sau giờ học trường Chúa Nhật, tất cả người lớn và trẻ nhỏ đều tập trung lại trong phòng giao lưu. Bác Bertha điều tôi quanh phòng cứ như thể tôi là hoa hậu; bác ấy giới thiệu tôi với mọi người mà chẳng thèm để ý tôi đang nghĩ gì. Bác Bertha nói rằng bác ấy và bác Gus thực sự rất may mắn khi tôi đến sống cùng họ. Mọi người đều gật đầu tán thành và nói, “Điều đó thật tốt, nhỉ?” và mấy câu đại loại như thế. Nhưng tôi dám chắc là trong đầu họ

đang thâm thắc mắc, tại sao bố mẹ ruột của con bé này lại không thể chăm lo cho nó, và chẳng lẽ nó không biết là không được mặc quần bò đến nhà thờ à?

Khi bác Bertha giới thiệu tôi với mẹ Howard, bác ấy đã ôm tôi và nói rằng Howard đã kể cho bác về tôi. Sau đó bác ấy rướn cổ nhìn quanh phòng. “Chắc bác Odom đang đứng ngoài kia. Mà có lẽ bác không thể bắt lũ trẻ hoang dã nhà bác chịu đứng yên để giới thiệu cháu được rồi.”

Mấy đứa con trai nhà Odom đang đuổi bắt nhau quanh phòng, cà vạt nói lỏng, còn vạt áo sơ mi thì bay phấp phới. Trong khi Howard đi khoe với mọi người đồng “chiến tích” của nó trong trò Thám tử Kinh thánh, thì mấy đứa còn lại đi nhón những miếng bánh sô cô la hạnh nhân trong đĩa giấy.

“Cháu có thể ghé chơi nhà bác lúc nào cũng được, nhé?” Mẹ Howard nói.

Bác Bertha cười toét miệng với tôi. “Thế thì tốt quá Charlie nhỉ?”

Tôi gật đầu và đáp, “Dạ, thưa bác,” vì tôi biết mình cần phải trả lời như thế.

Trên đường bác Gus lái xe đưa chúng tôi về nhà, tôi đã cố gắng quan sát khu rừng và những khoảng sân nhà với hy vọng được nhìn thấy chú chó hoang đó lần nữa. Nhưng tôi chẳng thấy bóng dáng nó đâu cả. Tuy nhiên tôi lại thấy một chiếc xe tải chất đầy cỏ khô. Chị Casey, bạn của Jackie nói với tôi rằng, nếu tôi đếm đến mười ba khi nhìn thấy một chiếc xe tải chở đầy cỏ khô thì tôi có thể ước một điều. Nên tất nhiên tôi đã làm điều đó.

Chuyện học hành ở trường có vẻ ngày càng tệ hại.

Mấy tờ bài tập về nhà của tôi đều bị cô Willibey dùng bút chì đỏ đánh dấu chỉ chít, kèm theo những lời nhắn như “*Gặp cô nhé*” và “*Cố gắng lần sau nhé.*”

Đôi khi, tôi còn chẳng thèm làm bài tập về nhà. Chuyện này chỉ lãng phí thời gian thôi, vì tôi cũng đâu có ở lại đây lâu. Thi thoảng bác Bertha lại hỏi tôi có bài tập về nhà không, nhưng tôi thì đã quá thành thạo việc nhún vai và chuyển chủ đề rồi.

Vả lại, tôi cũng đã quá quen với những tờ bài tập bị gạch chi chít như thế bởi trước đây, khi còn ở Raleigh, tôi cũng chẳng phải dạng “con ngoan trò giỏi” gì cho cam. Cả nhà chỉ có mỗi Jackie cần nhắc chuyện tôi không đi học hay không làm bài tập thôi. Nhưng tôi thường cự cãi rằng bà không phải là mẹ nên không có quyền can dự vào chuyện của tôi. Khi giáo viên gọi về nhà để mách mẹ chuyện tôi bị điểm kém môn toán, hay tra hỏi lí do tôi không nộp bài tập, thì mẹ sẽ chỉ quát mắng tôi khoảng năm phút thôi, sau đó mẹ sẽ giơ hai cánh tay gầy gò lên, thở hắt ra một hơi dài thượt và nói, “Làm thế thì có ích gì cơ chứ?” Rồi mẹ sẽ lê đôi dép ngủ khỏi phòng, miệng lầm bầm rằng tức giận như thế thật chẳng đáng.

Ít ra thì khi ở Raleigh, tôi còn có bạn ở trường, nhưng ở đây, mỗi lần tôi ngồi vào bàn ăn trong căng tin trường, tụi con gái lại nhăn mặt như thể chúng nó vừa ngửi thấy mùi gì kinh khủng lắm ấy, rồi sau đó tất cả tụi nó đồng loạt bê khay đồ ăn sang bàn khác. Hầu như ngày nào, tôi cũng giả vờ đau bụng để vào phòng y tế vẽ thêm những ngôi sao và trái tim bằng bút dạ lên cánh tay mình.

Đến giờ ra chơi, Howard bám đuôi tôi đi khắp nơi để nhắc nhở rằng nó là Bạn Kèm Cặp của tôi, và liên thoảng hỏi luôn miệng.

“Cậu đã bao giờ vào tù thăm bố chưa?”

“Sao chị cậu không đến đây cùng cậu?”

“Cậu muốn lấy vài đồng xu Thám tử của tớ không?”

Thi thoảng tôi trả lời nó, và thi thoảng tôi cố tình lờ nó đi.

Howard là đứa vô tư lự nên nó thường nghĩ gì nói nấy. Nó chẳng thấy

phiền lòng vì bất cứ chuyện gì cả. Rõ ràng ở trường không ai muốn dây dưa đến nó, nhưng nó cũng chẳng hề bận tâm. Đứa em trai tên Dwight của nó lúc nào cũng cãi lộn, đánh đấm, đá bóng, hay cụng tay với những đứa con trai khác, nhưng Howard chẳng bao giờ tham gia hội đó. Mấy lần vào thị trấn cùng bác Gus và bác Bertha, tôi thường thấy Burl và Lenny, hai anh trai của Howard, đang đá bóng hay chơi bóng rổ với bạn bè, nhưng Howard luôn ngồi trên bậc thềm hí hoáy viết vào một cuốn sổ, hoặc lóng ngóng tự tập đập xe trước cửa gara.

Một hôm, khi xe chúng tôi lướt qua nhà Howard, bác Bertha đã bình luận: “Cậu bé tội nghiệp đó thật cô đơn quá.”

“Như thế có sao đâu,” bác Gus nói.

Bác Bertha lắc đầu. “Với một đứa trẻ thì có đấy. Tụi nhỏ cần có bạn bè chứ.” Bác ấy thở dài. “Em thật không hiểu nổi. Cậu bé đó tốt bụng và ngọt ngào đến thế cơ mà.”

“Cháu cá là do tương đi cà nhắc của nó,” tôi chêm vào.

“Chà, nói thế không hay đâu,” bác Bertha quay sang nhìn tôi. “Cháu sẽ có nhiều bạn mới ở Colby, Charlie ạ. Bác tin là vậy.”

Tôi nhìn ra ngoài cửa kính và giả vờ không nghe bác ấy nói về những điều tôi có thể làm ở đây. Ví dụ như tham gia hội Nữ Hướng đạo sinh hay tổ chức 4H*. Bác Bertha kể về cô Jonelle, bạn bác ấy, hiện đang sống ở Fairview. Cô ấy có một đứa con gái bằng tuổi tôi. Chúng tôi có thể đến chơi nhà họ vào một ngày thứ Bảy bất kì, nếu tôi muốn; hoặc chúng tôi có thể đến trung tâm thương mại ở Asheville. Bác Bertha nói như thể đời tôi sẽ một phát lên tiên sau khi chuyển đến Colby vậy.

“Em nói nhiều thế thì cô bé nỏ đầu mất, Bertie à,” bác Gus nói.

Bác Bertha cười lớn và phát yêu vào cánh tay bác Gus.

“Bác nghĩ giờ chú chó đó đang ở đâu ạ?” tôi hỏi bác Gus.

“Bác cũng không biết nữa,” bác ấy đáp. “Con chó lai đó rong ruổi khắp nơi mà.”

Tôi đã tìm kiếm nó khắp nơi. Tôi đã gặp lại nó hai lần kể từ lần đầu thấy nó ở nhà bác Gus và bác Bertha, nhưng cả hai lần đó nó đều chạy biến vào rừng sau khi nhìn thấy bóng tôi.

“Nó thích món thịt băm của bác lắm đấy,” bác Bertha nói. “Nó liếm cái chảo đựng thịt sạch bong rồi cong đuôi chạy biến, nhanh đến mức bác còn chẳng kịp nhìn thấy nó.”

Tôi tựa người vào lưng ghế rồi thở dài. Chắc tôi chẳng bao giờ bắt được chú chó đó đâu. Mà ngộ nhỡ tôi bắt được nó thì sao? Tôi có được nuôi nó thật không? Chắc chắn mẹ tôi sẽ nổi cơn tam bành khi nhìn thấy nó. Nhưng tôi cá là bố sẽ gọi cho mẹ từ trong tù để bảo mẹ ngưng rên rỉ và cho phép tôi nuôi chó nếu tôi muốn thế.

Sau đó, khi bác Gus quẹo xe vào con đường lớn dẫn tới thị trấn, tôi đã nhìn thấy một chú ngựa ô ngoài đồng đang ăn cỏ và ve vẩy chiếc đuôi xua đuổi lũ ruồi nhặng. Tôi lắc nắm đấm về phía nó ba lần rồi thầm ước. Đó là quy tắc ước nguyện khi nhìn thấy ngựa ô. Nếu thấy ngựa bạch thì bạn có thể nhắm mắt ước luôn, nhưng nếu gặp ngựa ô thì bạn phải lắc nắm đấm về phía nó ba lần. Tôi học điều đó từ bố Thích Gây Gổ nên cũng có chút nghi ngờ, nhưng cuối cùng tôi vẫn làm theo lời bố.

Tôi đã lắc nắm đấm và thầm ước.

Sáu

Vài ngày sau, cô Willibey đã gọi cho bác Bertha để phàn nàn về thái độ học tập tồi tệ của tôi. Sáng hôm đó, cô Willibey đã hỏi tôi: nếu em có hai phần chiếc bánh nướng, và em chia một nửa phần bánh đó cho chị gái, thì em còn lại bao nhiêu phần của cái bánh? Tôi đã đáp: “Em chẳng bao giờ chia bánh cho chị gái mình cả.” Thế là cả lớp đều cười lăn cười bò, ngoại trừ cô Willibey. Cô giận đỏ mặt tía tai, mím môi lại, và ném cho tôi ánh mắt hình viên đạn.

Chiều hôm đó, khi cô Willibey gọi điện cho bác Bertha, thì tôi đang nằm dài xem tivi trên chiếc ghế tràng kỷ của bác Gus. Con mèo béo lông cam tên Flora đang cuộn tròn người trên đùi tôi.

Tôi nghe bác Bertha nói vào ống nghe: “Con bé nói vậy ư?”, và “Ôi, trời.” Sau đó bác ấy hạ giọng thì thầm nên tôi chỉ nghe được loáng thoáng vài chữ qua cánh cửa bếp.

“... một giai đoạn khó khăn...”

“... con bé nhớ gia đình...”

“... mọi chuyện rất khó khăn...”

Sau đó bác Bertha gác máy, còn tôi tiếp tục dán mắt lên màn hình tivi khi bác ấy bước vào phòng khách và ngồi xuống tràng kỷ.

“Cô Willibey vừa gọi, cháu ạ,” bác Bertha nói.

Trên tivi, một chú dẫn chương trình nói siêu nhanh đang đổ si rô sô cô

la lên sàn nhà, rồi lau đồng đó bằng chiếc *Chổi lau Thân kì*.

“Cô ấy nói là hôm nay cháu đã hơi khiêm nhã trong lớp,” bác Bertha tiếp tục.

Lúc này thì chú trên tivi bắt đầu giới thiệu về bộ dao được tặng kèm khi mua *Chổi lau Thân kì*.

Bác Bertha bắt đầu giảng giải, rằng bác ấy biết tôi buồn bã đến mức nào khi gia đình tan vỡ. Ừm, chính xác thì bác ấy không dùng từ tan vỡ, nhưng tôi chắc chắn bác ấy muốn nói vậy. Bác ấy bảo chắc tôi thấy sợ lắm khi thấy mẹ trở nên như vậy. Bác ấy đoán chắc tôi đang lo lắng về bố mình đến phát ốm lên được. Và chắc tôi nhớ Jackie nhiều lắm.

Mắt tôi tập trung nhìn vào chú đang quảng cáo chổi lau nhà trên tivi, còn trong đầu thì thầm nhủ, *Dừa. Dừa. Dừa*. Nhưng câu thần chú ngu ngốc của Howard chẳng có tác dụng gì cả, vì ngay sau đó tôi bắt đầu la lớn trước mặt bác Bertha. Tôi đã dùng những từ ngữ tồi tệ nhất để nói rằng bác ấy không cần quan tâm đến chuyện của tôi, và ai thèm quan tâm đến gia đình tan vỡ, thảm hại của tôi cơ chứ. Chắc chắn người đó không phải tôi rồi. Tôi càng nói càng to tiếng, và phun ra những từ ngữ tồi tệ đó với tốc độ nhanh hơn trước. Tôi nói mình ghét Colby và bọn trẻ nhà quê và cái nhà cũ xấu xí cheo leo bên vách núi này. Tôi ghét cả những chiếc hũ trong phòng mình, và nhất là mấy chiếc vỏ gỏi hình Lọ Lem nữa.

Rồi tôi bỏ ra ngoài, để lại chiếc cửa kính đập “sầm” sau lưng. Tôi cố gắng không nghĩ tới bác Bertha ngồi lại trên tràng kỷ với vẻ mặt như vừa bị người khác đâm một nhát xuyên tim.

Vài con mèo lao ra khỏi lối đi khi thấy tôi dừng dừng giận dữ bước thật nhanh ra phía đường cái. Tôi hậm hực đá chân vào đồng đất, bứt lá cây, và cố ném thật mạnh những hòn sỏi vào rừng. Khi đến nơi, thậm chí tôi còn chẳng để ý mặt đường nhựa nóng rẫy dù đang đi chân đất. Con tức giận cứ quay cuồng trong ruột gan tôi, khiến tai tôi ong ong và dạ dày thì sôi sục.

Nhưng sau đó, tôi lại ngồi thụp xuống vệ đường và khóc nức nở một lúc lâu, đến mức gần như không thở được.

Tôi bị sao thế nhỉ? Sao tôi lại nói những lời tồi tệ đó với bác Bertha? Sao tôi lại có thái độ hằn học như thế ở trường? Và trong khi vẫn đang khóc lóc vì tội lỗi, thì tôi nghe ai đó cất tiếng hỏi, “Cậu làm sao vậy, Charlie?”

Tôi ngẩng đầu lên thì thấy Howard cùng chiếc xe đạp của nó đứng ngay trước mặt.

Tôi gục mặt tiếp xuống đầu gối và lảm bảm, “Không có gì đâu.”

“Chắc chắn là phải có chuyện gì chứ,” nó nói.

“Cậu đi đi.”

“Không.” Nó đặt chiếc xe đạp giữa đám cỏ bên vệ đường rồi ngồi xuống bên tôi. “Cậu phải kể cho tớ nghe vấn đề của cậu đã.”

Thằng nhóc này kì ghê. Đối với một thằng nhóc tóc đỏ cà nhắc, thì Howard đúng là đứa vô cùng lì lợm.

“Tớ không có nghĩa vụ phải kể cho cậu gì hết,” tôi đáp.

“Thế thì cậu vẫn phải kể cho *một ai đó*.” Nó lấy tay đẩy gọng kính.

“Sao lại thế?”

“Mẹ tớ bảo phiền muộn là thứ không nên giữ cho riêng mình. Mẹ nói nếu ta độc bầu tâm sự với người khác, thì phiền muộn ắt sẽ vơi đi.”

“Cậu đi đi,” tôi nói.

“Cậu lại đá vào chân ai ư?”

Tôi lắc đầu.

“Thế cậu dùng bút chì chọc người đó à?”

“Không!” tôi hét lớn.

“Hồi trước mẹ tớ từng thêu bức tranh có câu thành ngữ, ‘*Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh*’ đấy.”

Tôi ngược đầu nhìn nó. “Câu đây có nghĩa gì?” tôi thắc mắc.

“Nghĩa là ai cũng có những phiền muộn của riêng họ, và có khi vấn đề của họ còn tệ hơn mình ấy.” Nó tiện tay bút một ngọn cỏ rồi ném ra ngoài đường. “Đại loại thế,” nó nói thêm. Chà! Cái này hay đấy. Tôi chẳng nghĩ ra trên đời này liệu có người nào khổ hơn mình hay không. Sau đó tôi nhìn sang Howard đang nhúu đôi lông mày tỏ vẻ lo lắng thực sự, và trước khi kịp định thần, thì tôi đã dốc hết bầu tâm sự với nó rồi. Tôi bảo nó rằng tôi ước bố tôi không vào tù. Rằng hồi trước bố và tôi từng cùng nhau chơi bài xì, xem chương trình *Vòng quay May mắn*, và ăn món macaroni phô mai cho bữa sáng. Tôi kể cho nó rằng tôi đã vô cùng sợ hãi khi thấy mẹ úp mặt vào gối khóc trong căn phòng ngủ tối om, và mẹ thậm chí còn chẳng hề quan tâm liệu tôi có quần áo sạch để mặc, hay có đến trường không. Tôi kể chuyện bố mẹ thường cãi cọ và la lổn nhau cả ngày. Mỗi lần như thế tôi và Jackie thường ngồi trên giường của bà và bật đài to hết cỡ để không phải nghe tiếng bố mẹ cãi nhau. Tôi kể về tất cả những lần bố phóng xe đi, và tôi thường lên nhìn theo xe bố từ cửa sổ phòng ngủ khi nghe tiếng bánh xe của bố rít lên trên mặt đường, còn mẹ tôi thì đứng trên hiên nhà hét lớn “Biến đi, đồ rác rưởi! Đúng là thoát nợ!” Tôi kể với nó rằng tôi rất nhớ Jackie, bà thuộc lòng gần hết các bài hát trên đài và thường tết tóc đẹp cho tôi. Jackie còn cho tôi dùng chung sơn móng tay nữa. Và cuối cùng tôi kể với nó về những lời lẽ tồi tệ tôi đã nói với bác Bertha.

Khi tôi dứt lời thì giữa chúng tôi chỉ còn lại bầu không khí im lặng và tĩnh mịch. Mặt trời dần hạ xuống đỉnh dãy núi đằng xa, và trời bắt đầu trở lạnh.

Trong một thoáng chốc, tôi đã nghĩ Howard thấy ngại sau khi nghe tất cả những điều tôi nói, nên nó không biết phải phản ứng thế nào. Tôi đã thầm ước mình chưa từng tâm sự với nó bất cứ chuyện gì. Nhưng đột nhiên nó quay sang nhìn thẳng vào mắt tôi và hỏi, “Cậu muốn nghe lời khuyên

của tớ không?”

“Ừm, có, tớ nghĩ vậy,” tôi đáp.

“Giờ thì cậu chẳng thay đổi được chuyện của bố mẹ cậu và Jackie ở Raleigh nữa rồi,” nó nói. “Thứ duy nhất cậu sửa chữa được là điều cậu vừa nói với bác Bertha.”

Tôi nghĩ nó có lí. Tôi không thể hàn gắn những tổn thương của gia đình mình, nhưng tôi có thể xin lỗi bác Bertha mà. Tôi liền đứng dậy và phúi đất sau mông quần đùi. Và sau đó... tôi thật không tin nổi vào mắt mình! Chú chó tai dài có bộ lông đen đốm nâu đột nhiên xuất hiện ở ven bìa rừng, ngay trước mắt tôi!

Tôi đặt một ngón tay lên môi và khẽ “Suýttttt” một tiếng.

Chú chó đó nghech đầu quan sát mọi cử chỉ của tôi.

“Đừng di chuyển nhé,” tôi thì thầm với Howard.

Tôi nhón chân tiến một bước về phía chú chó đó, và... bạn biết sao không?

Nó vẫy đuôi! Hai cái vẫy đuôi rất khẽ. Nó thích tôi đây.

“Này, anh bạn,” tôi nói, sau đó tiến thêm một bước nữa.

Nhưng đúng lúc đó, một chiếc xe hơi trời ơi đất hỡi bất thành linh xuất hiện, gầm rú trên đường và lao vút ngay giữa chúng tôi, thế là chú chó đó lại chạy vụt vào rừng biến mất dạng.

Tôi giậm chân. “Chết tiệt!”

Suýt chút nữa tôi quên bém mắt Howard cũng đang ở đó, thì nó lên tiếng, “Hồi trước tớ từng gặp chú chó đó rồi.”

“Chó của tớ đấy,” tôi nói.

“Thật á?”

“Ừm, thực ra nó sắp thuộc về tớ rồi.”

“Tớ cá là người nó đầy rận,” nó nói. “Có thể nó còn bị ghẻ nữa. Bọn chó hoang thường hay bị ghẻ lắm.”

“Thì sao?” tôi hỏi vặn lại. “Tên nó là Xương Chạc*.” Lúc tôi thốt ra từ đó, tôi biết đó là lựa chọn đúng đắn. *Xương Chạc*. Đúng là cái tên hoàn hảo dành cho chú chó của tôi.

“Tớ sẽ bắt nó,” tôi quả quyết. “Sau đó tớ sẽ tắm cho nó, bắt rận, dạy nó thật nhiều trò hay ho, và cho nó ngủ cùng tớ trên giường.”

“Tớ sẽ giúp cậu bắt nó,” Howard nói và nhấc chiếc xe đạp đang nằm giữa đám cỏ của nó lên.

“Cậu sẽ giúp tớ á?”

“Chắc chắn rồi.”

Bỗng nhiên tôi không nghĩ Howard là thằng nhóc chân cà nhắc tọc mạch và hay rầy rà tôi về chuyện Bạn Kèm Cặp nữa. Giờ nó là người đã đối tốt với tôi. Là người tôi đã dốc bầu tâm sự.

Tôi nhìn nó trèo lên xe và đạp một mạch về nhà. Rồi tôi hướng về khu rừng và hét lớn “Tạm biệt nhé, Xương Chạc,” trước khi trở về nhà để xin lỗi bác Bertha.

Bây

Khi tôi về đến nhà thì trời đã nhá nhem tối. Bác Gus đã đi làm về và đỗ chiếc xe hơi cà tàng của bác ấy trên lối vào nhà. Tôi còn ngửi thấy mùi nước xốt spaghetti quen thuộc len lối qua cánh cửa ra vào nữa.

Tôi cảm giác càng tiến lại gần ngôi nhà, hai bàn chân tôi càng nặng như chì. Tôi chỉ muốn về phòng, vờ như mọi chuyện hôm nay chưa từng xảy ra.

Nhưng tôi không làm vậy.

Tôi nặng nhọc lê từng bước chân chì ra ngoài hiên sau nhà, nơi bác Gus và bác Bertha đang lặng lẽ ngắm nhìn quang cảnh dãy núi.

“Cháu chào hai bác...” tôi lên tiếng. Giọng tôi giống hệt một đứa bé đang khóc sút sùi. Tôi nhìn chăm chăm vào tấm ván phủ đầy lá cây gần đó.

“Chào cháu,” bác Gus đáp.

Tôi không thể nhìn thẳng bác Bertha, nhưng tôi thấy sợ hãi khi bác im lặng. Tôi ngồi xuống, nhìn những hình vẽ trái tim và ngôi sao đã mờ trên cánh tay mình. Đâu đó dưới khu rừng vọng lại tiếng ếch ương ộp oạp, văng vẳng trong làn gió mát buổi tối.

Tôi đếm đến ba trong đầu trước khi nói. “Cháu xin lỗi, bác Bertha.”

Tôi tự dặn lòng không được yếu đuối, nhưng tôi không kiềm chế nổi mình.

Tôi đã bật khóc.

Và, dù rất muốn, nhưng tôi chẳng thể ngăn nước mắt rơi lã chã.

Điều tệ nhất là tôi không thể tự nói với bác Bertha những lời tôi đã diễn tập trong đầu. Ví dụ như tôi không cố ý la lối bác ấy. Hay tôi không hề ghét ngôi nhà cheo leo bên vách núi của bác ấy và bức tượng Pegasus sáng loáng trên mái hiên kia. Và tôi cũng chẳng hề bận tâm đến mấy cái hũ thủy tinh trong phòng. Và điều cuối cùng là tôi rất thích cô bé Lọ Lem, vì trên đời này làm gì có ai ghét nhân vật đó chứ?

Nhưng tôi chỉ khóc thôi. Và sau đó bác Bertha đã quỳ gối xuống ngang tầm mắt tôi, và đặt bàn tay ấm áp của bác ấy lên cánh tay đầy hình xăm mực của tôi.

“Cháu chính là phước lành trong ngôi nhà này, Charlie ạ,” bác ấy nói.

Phước lành á?

Đáng lẽ bác ấy phải mắng tôi là đồ xấu tính, đáng ghét, ngu ngốc và thảm hại, nhưng thay vào đó bác ấy lại nói tôi là phước lành.

Sau đó bác Gus đã đứng dậy và nói câu kinh điển của bác ấy.

“Chúng ta đi ăn chút bánh việt quất trước khi ăn tối nào.”

Vậy nên chúng tôi đã đi ăn bánh.

Ba người chúng tôi ngồi ngoài hiên ngắm những vì sao lấp lánh trên bầu trời Carolina, và ăn món bánh việt quất trước bữa cơm tối. Và trong khi bác Bertha kể cho chúng tôi chuyện cô Racine bạn bác ấy đã lùi xe đâm vào cột cờ ở bưu điện chiều hôm đó, rồi thản nhiên lái xe đi như chưa hề có chuyện gì xảy ra, thì một quả sồi từ cành cây phía trên mái hiên đáp ngay xuống cạnh chân tôi.

Tôi suýt hất đổ đĩa bánh khi nhảy dựng lên để chớp lấy quả sồi. Suýt chút nữa tôi quên bém mất nhiệm vụ nguyện ước hằng ngày của mình. Quả sồi này xuất hiện thật đúng lúc, như thể Chúa đã ban nó cho tôi vậy. Tôi hơi do dự, nhưng sau đó tôi tiếp tục thực hiện điều mình cần làm. Tôi nắm chặt

quả sồi đó rồi xoay người ba vòng trước khi thăm ước điều mình mong muốn.

Sau đó, tôi trở lại phòng và đặt quả sồi lên bậu cửa sổ. Tôi sẽ để nó lại đó thêm ba ngày nữa để củng cố sức mạnh cho điều ước của mình. Chị đội trưởng Hường đạo của tôi ở Raleigh đã dạy tôi cách ước nguyện với quả sồi, và chắc chắn cách đó phải hiệu nghiệm, vì những đội trưởng Hường đạo không bao giờ nói dối.

Sau bữa tối, chúng tôi ăn thêm chút bánh việt quất. Khi bác Gus ra vườn kiểm tra và khóa lại vòi tưới nước, thì bác Bertha nói, “Cháu ngồi đây nhé, Charlie. Bác có thứ này muốn cho cháu xem.”

Bác ấy về phòng rồi mang ra một hộp giày đã toi tả. Bác ấy nhắc nắp hộp lên và nói, “Cháu nhìn này.”

Tôi nhòm vào trong hộp. Trong đó có rất nhiều ảnh.

Bác Bertha lục lọi đồng ảnh rồi lôi ra một tấm. Khi nhìn tấm ảnh đó, bác ấy mỉm cười, rồi đưa nó cho tôi.

“Mẹ cháu và bác đây,” bác ấy chỉ vào dòng chữ sau tấm ảnh. *Bertha và Carla*, bằng chữ in cỡ đại.

Tôi đón lấy tấm ảnh đã bạc màu từ tay bác.

Trong đó có hai cô gái nhỏ khoác vai nhau trên mui xe hơi.

“Mẹ cháu đâu ạ?” tôi hỏi bác ấy.

Bác Bertha chỉ vào cô bé nhỏ hơn. Tôi nheo mắt nhìn mẹ. Lúc đó mẹ tôi vừa bị nhỏ mất hai chiếc răng cửa, trên khuỷu tay còn dán một miếng băng cứu thương.

Tôi cứ nhìn cô bé đó mãi. Tôi tưởng tượng cô bé ấy trèo từ mui xe xuống đường và liên tục nhảy chân sáo thành vòng tròn. Tôi tưởng tượng cô bé ngồi hát cùng người chị gái Bertha ở băng ghế sau xe ông ngoại. Tôi tưởng tượng cô bé ấy nói mấy câu đồ chữ hài hước, trượt pa tanh và ăn kem

trên hiên nhà mỗi tối.

Cô bé sún răng trong ảnh biến thành người phụ nữ suốt ngày buồn bã và nhốt mình trong căn phòng tối ở Raleigh từ khi nào thế nhỉ?

“Bác và mẹ cháu có yêu thương nhau không ạ?” tôi hỏi bác Bertha.

“Có chứ.” Sau đó bác cho tôi xem vài tấm ảnh khác. Mẹ tôi mở một hộp quà cạnh cây thông Giáng sinh. Mẹ và bác Bertha chơi đùa cùng một chú chó trong tuyết. Bác Bertha kéo chiếc xe đẩy chở mẹ trên một con đường đất.

“Sao bác và mẹ cháu không gặp nhau nữa ạ?”

Bác Bertha thở dài thườn thượt, rồi lắc đầu. “Bác và mẹ cháu đều trở thành người lớn,” bác ấy nói. “Khi chúng ta lớn lên, cuộc đời đôi khi phức tạp lắm cháu ạ.”

Đó không phải câu trả lời tôi muốn nghe, nhưng tôi biết đó là điều duy nhất bác ấy có thể nói, nên tôi chỉ đáp, “Ồ.”

Khi bác Gus xong việc, chúng tôi lại ra hiên ngồi. Hai bác ấy nắm tay nhau trong khi bác Bertha kể chuyện ông già bán dâu thối sau thùng xe tải trên Quốc lộ 14. Sau đó bác ấy bảo, “Ngày mai cháu có thể gọi điện cho Jackie nếu cháu muốn, Charlie ạ.”

“Không cần đâu ạ, cháu cảm ơn bác,” tôi đáp.

Bầu không khí tĩnh lặng đến mức tôi có thể nghe rõ cả tiếng thở của bác Bertha. Tôi biết bác ấy đang nhìn mình, nhưng tôi chỉ nhìn chằm chằm những ngọn cây.

“Charlie à,” bác ấy nói. “Đừng giận Jackie nhé.”

“Cháu không giận Jackie,” tôi đáp, nhưng lời nói dối đó giống như đám mây đen bao phủ trên đầu chúng tôi vậy.

Tôi *có* giận Jackie. Bả hành xử cứ như thể bả chẳng hề có chút phiền muộn nào cả. Và bả còn chẳng thèm quan tâm đến tôi nữa chứ.

Sau đó chúng tôi lại im lặng ngồi hít thở không khí mát mẻ buổi tối, và nghe tiếng dế rúc rích dưới hiên nhà.

Đêm đó, tôi nằm trong căn phòng tối và mường tượng một đoạn dây phơi treo đầy phiên muộn của mọi người. Tôi thà lấy đi phiên muộn của người khác còn hơn. Tôi cố tưởng tượng xem mọi người thường rầu rĩ chuyện gì. Có lẽ là đau răng, hay điểm kém bài kiểm tra môn toán. Lũ mèo của họ đi lạc, hoặc mái tóc xấu xí. Những ông bạn trai ngoại tình, hay chiếc xe hơi lăn đùng ra hỏng. Nhưng chẳng cái nào sánh được với nỗi muộn phiên của tôi, nó nặng trĩu cả dây phơi như một chiếc túi đựng đầy gạch vậy.

Tôi khẽ nhón chân ra cửa sổ và ngắm nhìn bầu trời đêm, hy vọng sẽ bắt gặp một ngôi sao băng để ước nguyện. Vầng trăng ngự trị phía trên đỉnh núi đang tỏa ánh sáng lấp lánh xuống sân, tạo những chiếc bóng đổ ngoằn ngoèo quanh thân cây thù du, và những chiếc bóng len lỏi dưới chân hàng rào quanh khu vườn.

Tôi biết Xương Chạc đang ở ngoài đó một mình. Tôi thắc mắc, không biết lúc này nó đang làm gì nhỉ? Nó đang ăn những mẩu bánh mì thừa trong thùng rác nhà người ta ư? Hay đang đi dạo dưới ánh trăng dọc theo xa lộ? Hay nó đang say ngủ dưới hiên nhà người ta?

Tôi hy vọng bác Gus đã lắng về chuyện Xương Chạc muốn làm chó hoang. Sau đó tôi chợt nhớ hôm nay nó vừa vẫy đuôi với mình. Chứng tỏ nó thích tôi rồi. Tôi chắc chắn đấy. Nếu nó sống cùng tôi, và không phải sống lang thang phiêu bạt nữa, thì tôi cá là nó sẽ yêu tôi luôn ấy chứ.

Tôi đan hai bàn tay vào nhau như khi cầu nguyện, và khẽ thầm thì với màn đêm, “Làm ơn hãy quay lại nhé, Xương Chạc.”

Tám

Hôm thứ Bảy, Howard hứa sẽ đến giúp tôi tìm Xương Chạc, nhưng tôi phải đi mua sắm cùng bác Bertha trước đã.

“Lâu lắm rồi bác không đến Asheville đây,” bác ấy nói khi ngồi vào sau vô lăng chiếc xe hơi cà tàng của bác Gus. Đầu tiên, động cơ xe kêu rầm rầm, sau đó chiếc ống pô phụt ra vài luồng khói đen xì lan ra khắp sân.

Bác Bertha nói liên thoảng suốt đoạn đường từ khi xuống núi đến khi ra xa lộ. Bác ấy kể về lần hai bác đi cắm trại và bị một chú gấu con ăn trộm xúc xích trong thùng ướp lạnh.

“Cháu có tin được không?” bác Bertha nói. “Con gấu đó ăn xúc xích cơ đấy!”

Bác ấy nói mình ghét rắn đến mức có lần một con rắn sọc màu nâu nhỏ xíu đã lên vào nhà, thế là bác ấy phải đến ở nhà cô bạn Jonelle hẳn một tuần, cho đến khi bác Gus phải thề trước Kinh thánh là con rắn đó đã bò ra khỏi nhà.

Và bác ấy cứ vừa kể chuyện vừa cười suốt quãng đường như thế. Câu chuyện tiếp theo về một ông tên là Arthur Kruger trong lần đi dã ngoại ở nhà thờ đã say xỉn đến mức làm rơi luôn bộ răng giả.

“Bác chẳng muốn nghĩ về bộ răng giả đó đâu,” bác Bertha quệt nước mắt. “Nhưng kể từ lần đó bác chẳng bao giờ ăn được món salad khoai tây nữa.”

Cuối cùng, tôi quyết định ngắt lời bác ấy.

“Thế còn bác và mẹ cháu thì sao ạ?” tôi thắc mắc.

“Cháu hỏi thế là sao?”

“Bác kể cho cháu chuyện gì về hai người đi.”

“À, chà... Ừm, để bác nghĩ xem...”

Tôi chờ đợi và quan sát khuôn mặt bác Bertha.

Bác ấy đang cố tìm một câu chuyện phù hợp để kể cho tôi.

“Khi bác lên mười,” bác ấy nói, “tức là, để xem nào, lúc đó chắc Carla lên bảy. Cả mùa hè năm đó, bác và mẹ cháu đã tết vòng tay đem bán để dành tiền mua cá thả vào chiếc bể được ông chú của tụi bác tặng.”

Tết vòng tay á?

Tôi tự hỏi sao trước đây mẹ chưa bao giờ dạy tôi tết vòng tay nhỉ.

“Sau đó,” bác Bertha tiếp tục, “thằng nhóc xấu tính nhà đối diện đã ném tất cả số vòng mà bác và mẹ cháu hì hụi tết cả mùa hè lên cây hồ đào trồng trước sân nhà bác. Nó ném mấy chiếc vòng lên tít tận cành cao để tụi bác không lấy xuống được.” Bác ấy lắc đầu. “Thằng nhóc đó xấu tính nhỉ?”

“Thế bác và mẹ cháu đã làm gì ạ?”

“À, mục đích bác kể câu chuyện này là để cháu biết Carla hồi nhỏ ra sao mà,” bác Bertha đáp. “Mẹ cháu đã hậm hực tiến đến chỗ thằng nhóc xấu tính và cắn một phát vào bàn tay nó, đau đến nỗi thằng bé la lên như thể vừa bị chặt tay ấy. Rồi thằng nhóc đó vừa khóc vừa bỏ chạy về nhà, còn Carla thì tiếp tục đứng đó chửi rửa thằng bé.”

Bác Bertha khúc khích cười. “Mẹ cháu cũng nóng tính ra phết đấy,” bác ấy nói.

Nóng tính ư?

Vậy có khi tính khí nóng nảy của tôi không phải do gen của bố cũng

nên. Có thể tôi được mẹ đi truyền cho cái tính khí đó.

Hơi do dự một chút, nhưng sau đó tôi quyết định hỏi: “Sao hai người không gặp nhau nữa ạ?” Tôi hỏi bác ấy, với hy vọng nhận được câu trả lời hợp lý hơn lần trước.

Bác Bertha nhìn thẳng phía trước. “Ừm, cháu biết đấy, khi bắt đầu trưởng thành, mọi người thường hay bận bịu chuyện này chuyện kia. Mẹ cháu tự dưng bỏ học cấp ba, và bác chưa kịp định thần thì mẹ cháu đã bỏ nhà đi Raleigh rồi.”

“Nhưng tại sao sau đó hai người không bao giờ gặp nhau nữa ạ?”

Bác Bertha mím môi nhìn tôi. “Chuyện phức tạp lắm, Charlie à,” bác ấy đáp.

Lại thế rồi. Lại câu trả lời tôi không hề muốn nghe. Sau đó, chúng tôi im lặng suốt quãng đường còn lại đến Asheville. Tại khu mua sắm, tôi cứ nhớ đến Jackie suốt. Tôi và bà từng lượn lờ trong trung tâm mua sắm cả ngày, đi hết từ cửa tiệm này sang cửa tiệm khác, cùng thử những chiếc áo lửng và váy ngắn mà bố mẹ không bao giờ cho phép tụi tôi mua. Hay chọn những đôi bông tai để đeo nếu tụi tôi được bấm lỗ tai. Tụi tôi còn xẹt lên người nhau những mùi nước hoa xa xỉ đặt trên kệ hàng mẫu của cửa hàng đồ mỹ phẩm nữa.

“Chúng ta đến cửa hàng Sears mua cho cháu vài chiếc váy để mặc đi học trường Chúa Nhật nhé,” bác Bertha nói.

Hai bác cháu tôi đã dạo quanh khu mua sắm cả sáng hôm đó, và cuối cùng chúng tôi mua được hai chiếc váy và một chiếc áo khoác len màu tím oải hương. Bác Bertha nghĩ một trong hai chiếc váy có vẻ hơi ngắn để mặc đi nhà thờ, nhưng cuối cùng bác ấy vẫn quyết định mua chiếc đó.

Khi chúng tôi về đến nhà, Howard đang ngồi trên chiếc ghế gấp đặt cạnh khu vườn và quan sát bác Gus sửa hàng rào.

“Chào cháu!” bác Bertha nói vọng về phía nó.

Howard đi cà nhắc về phía chiếc xe, khi tôi quay vào xe để lấy mấy túi đồ.

“Cháu chào bác ạ,” nó nói với bác Bertha, sau đó quay sang phía tôi, “Tớ đã vẽ một tấm bản đồ đây.”

“Để làm gì?”

“Để giúp tụi mình tìm Xương Chạc chứ sao.” Nó lôi từ trong túi áo ra một tờ giấy vỡ gấp tư và chìa ra trước mặt tôi. “Tớ nghĩ tụi mình có thể đánh dấu những chỗ đã tìm để tiện theo dõi tiến độ.”

Tôi nhún vai. “Được thôi.”

Bác Bertha rướn người sang phía tôi và cầm mấy túi đồ. “Để bác mang vào trong cho,” bác ấy nói.

Sau đó tôi và Howard cùng đi ra đường cái. Chúng tôi nhòm vào những bụi cây rậm rạp và nheo mắt nhìn vào khu rừng tối dọc con đường. Howard nghĩ chúng tôi nên kiểm tra lại cả con đường chúng tôi gặp Xương Chạc hôm qua nữa.

“Tớ cá là nó thường lang thang ở đây,” nó quả quyết.

“Có thể.” Tôi gạt những cây cỏ cao sang hai bên rồi nhảy phóc qua cái rãnh nông bên vệ đường. “Nhưng bác Gus bảo tớ là nó có thể lang thang khắp nơi,” tôi nói.

Chúng tôi cứ mãi miết tìm kiếm, leo trèo lên những thân cây đổ và phải luôn tay gạt những dây leo đầy gai nhọn trên đường. Nhưng sau một hồi kiếm tìm, cả hai đứa đều thấy nóng và mệt lử mà vẫn chẳng thấy tăm hơi Xương Chạc đâu. Thế nên Howard rút tấm bản đồ và chiếc bút chì ngắn tũn của nó ra để đánh dấu tất cả những nơi chúng tôi đã tìm kiếm, rồi chúng tôi quyết định về nhà nghỉ ngơi.

Ngày hôm sau, tôi mặc chiếc váy mới đến trường Chúa Nhật và ngồi

xuống cạnh con bé Audrey. Tôi chủ động nói, “Chào cậu,” nhưng con bé đó vờ như tôi vô hình. Tôi nghĩ nó đã quên tôi cũng là một phần trong cộng đồng nhà thờ của nó.

Đầu giờ học, chúng tôi lại chơi trò Thám tử Kinh thánh, và Howard lại thắng đậm. Tôi thì chẳng tài nào nhét nổi đồng kiến thức về Kinh thánh vào đầu như nó.

Anh trai của thánh Moses tên là gì?

Lũ quạ mang thức ăn đến cho Elijah mấy lần trong ngày?

Audrey cũng giơ tay nhiều gần bằng Howard, mấy chiếc vòng tay của nó leng keng khi nó reo lên đầy phấn khích, “Em biết! Em biết!” Sau đó, cô Mackey nói rằng chúng tôi có nhiệm vụ trang trí bảng tin trong phòng giao lưu, và thành quả của chúng tôi sẽ được gọi là *Khu vườn Phước lành*.

“Chúng ta sẽ làm một vườn hoa phước lành,” cô Mackey nói. Cô ấy giải thích rằng chúng tôi sẽ làm hoa bằng giấy thủ công và viết một phước lành bất kì lên mỗi đóa hoa giấy đó.

Thú thực là tôi chưa hiểu rõ yêu cầu của cô ấy cho lắm, nhưng tôi cứ theo chân mọi người và được nhận một tập giấy thủ công nhiều màu cùng hồ và kéo. Tôi cố tình làm thật chậm để xem mọi người làm thế nào. Một lát sau, con bé Audrey đã gấp xong đóa hoa đầu tiên. Đó là một đóa hoa cúc vàng bự chẳng. Sau đó nó lấy bút sáp xanh dương viết dòng chữ “Gia đình của tôi” lên một cánh hoa.

Dạ dày tôi thắt lại, và mặt thì nóng bừng. Tôi đặt hai bàn tay lên đùi để không ai thấy chúng đang run rẩy.

Đóa cúc vàng của Audrey nhắc tôi nhớ rằng mình không thuộc về nơi đây. Nhờ có nó, tôi nhận ra rằng dù tôi có đến nhà thờ trong bộ cánh mới thì tôi cũng chẳng có phước lành nào cả.

“Em xin phép ạ,” tôi nói với cô Mackey. Nhưng tôi thậm chí còn chẳng

đợi cô trả lời. Tôi vội lao ra khỏi căn phòng đó và chạy ra ngoài bãi đỗ xe.

Nhưng phước lành đã đến trước khi tôi kịp bắt đầu thấy tủi thân. Tôi chợt nhìn thấy một chú chim hồng tước lông đỏ thẫm đậu vắt vẻo trên dây điện ngang đường. Tôi nhắm mắt, khạc ba lần, rồi thề ước.

Chín

“Ngày mai tan học cậu qua nhà tớ nhé,” Howard hẹn tôi trên xe buýt sáng hôm sau. “Tớ có kế hoạch rồi.”

“Kế hoạch gì cơ?” tôi tò mò.

“Kế hoạch để bắt con chó đó.”

“Xương Chạc,” tôi vặc lại. “Tên nó là Xương Chạc.”

Howard cắn một miếng bánh mì nướng nó đem theo. “Sao cũng được,” nó đáp. “Tụi mình cần có một kế hoạch cẩn thận hơn cái bản đồ đó.”

“Tớ không hiểu sao tụi mình không thể...” tôi ngồi thẳng dậy và túm lấy đầu gối của Howard. “Đừng cử động,” tôi nói.

Nó tròn xoe mắt. “Sao vậy?”

“Cậu cởi kính ra,” tôi nói. “Thật chậm rãi nhé.”

“Tại sao?”

“Cậu cứ làm vậy đi,” tôi hơi to tiếng ngắt lời nó dù không cố tình.

Nó cởi kính rồi nheo mắt nhìn tôi.

“Có một sợi lông mi ở ngay đó kìa,” tôi chỉ vào một bên mắt kính dày cộm của nó. “Tớ cần sợi lông mi đó.”

“Tại sao?”

“Để ước.”

“Ước á?”

“Nếu cậu thôi sợi lông mi, cậu có thể ước một điều.” Tôi lấy cặp kính trên tay nó và dí ngón tay vào mắt kính. Tôi giờ cao mắt kính lên để Howard nhìn thấy sợi lông mi màu đỏ bé xíu. “Cậu thấy chưa?” tôi nói.

Sau đó tôi nhắm mắt, thầm ước, rồi thổi phù một cái để sợi lông mi đó biến mất vào không trung. Có lẽ nó sẽ hạ cánh xuống sàn xe buýt cùng với đồng bụi bẩn, bã kẹo và những bài kiểm tra đánh vần bị lũ nhóc trên xe giày xéo.

“Cậu vừa ước gì thế?” Howard tò mò.

“Tớ không kể cho cậu được,” tôi đáp.

“Sao lại không chứ?”

Tôi ngả người vào lưng ghế và đảo mắt. “Trời ạ, Howard,” tôi ca cẩm.

“Gì?”

Tôi giải thích rằng nếu bạn tiết lộ điều ước của mình cho người khác, thì điều ước sẽ không bao giờ thành sự thật được nữa. “Cả thế giới đều biết điều đó mà,” tôi nói.

Howard lấy vạt áo phong lau kính rồi lại đeo lên.

“Từ hồi lớp bốn, ngày nào tớ cũng ước,” tôi nói.

Howard trở mắt nhìn tôi. “Chắc cậu muốn có nhiều thứ lắm nhỉ.”

Tôi lắc đầu. “Không, chỉ một thứ thôi,” tôi đáp. “Ngày nào tớ cũng chỉ ước đúng một điều.”

Tôi biết mình đã lỡ lời ngay khi thốt ra câu đó. Tôi biết chắc chắn tiếp theo nó sẽ nói gì, và nó đã nói vậy thật.

“Ồm, nếu cậu ước đi ước lại một điều, thì chắc chắn nó không thành hiện thực được đâu,” nó nói. “Thế thì ước để làm gì? Tớ thấy việc đó thật ngớ ngẩn.”

Tôi thấy mặt mình đỏ bừng, và cảm xúc giận dữ quen thuộc lại bắt đầu

sục sôi trong ruột. “Vì chắc chắn một ngày nào đó nó sẽ trở thành hiện thực!”. Tôi hét lớn nên bị mấy đứa hàng trên quay đầu lại nhìn chòng chọc.

Howard nhìn tôi qua cặp kính dày cộp và nói, “Dứa.”

Tôi đá mạnh vào ba lô của nó, khiến chiếc ba lô bay ra tận giữa lối đi. Thú thực là tôi đã hơi hối hận một xíu khi thấy những đứa nhóc khác cười hệnh hếch vì cái ba lô đó. Nhưng thằng Howard chỉ nhặt cái ba lô lên, rồi phúi bụi trên đó và nói, “Dứa, Charlie. Cậu nhớ chứ?”

Tôi tiếp tục giận nó cả buổi sáng hôm đó, và tôi lúc nào cũng chực lườm nó mỗi khi có cơ hội, hoặc cố tình va vào người nó thật mạnh khi đang cầm gọt bút chì. Đáng lẽ tôi không nên kể về điều ước của mình cho nó. Tôi chưa từng kể chuyện đó với ai, và bây giờ sau khi kể cho thằng Howard thì tôi thấy nó ngớ ngẩn thực sự. Làm gì có ai ngày nào cũng ước đi ước lại một điều dù biết nó sẽ chẳng bao giờ thành hiện thực? Có lẽ tôi nên bỏ cuộc thôi.

Nhưng sau đó bạn biết tôi đã thấy gì không? Tôi ngược lên nhìn đồng hồ, và nó điểm đúng 11 giờ 11 phút. Tôi liền nhắm chặt mắt và thầm ước điều mình hằng mong muốn.

Đến khi về nhà, tôi đã hoàn toàn hết giận Howard. Tôi thấy rất vui vì nó đã lập kế hoạch bắt Xương Chạc. Khi tôi nói với bác Bertha rằng hôm sau tôi sẽ đến nhà nó, bác ấy mừng ra mặt. Bác ấy cứ nhắc đi nhắc lại rằng tôi thật tốt khi làm bạn với Howard, vì những đứa trẻ khác đều trêu chọc nó.

“Ngay cả lũ trẻ ở nhà thờ,” bác ấy nói. “Cháu thấy kì không?”

Tôi chỉ nghĩ trong đầu chứ không nói với bác ấy rằng tôi thấy chuyện đó hết sức bình thường, vì bọn nhóc ở cái nhà thờ kia chắc cũng đều giống con bé Audrey Mitchell cả thôi.

Chiều hôm đó, Howard ngồi phịch xuống cạnh tôi trên xe buýt và nói, “Cậu có thể mượn xe đạp của anh Lenny.”

“Để làm gì?”

“Để về nhà chứ làm gì. Còn hơn là phải đi bộ.” Nó lôi từ trong ba lô ra một gói vụn bím bím khoai tây và dốc toàn bộ đồng đó vào miệng. “Tớ có kế hoạch này hay lắm,” nó nói. “Kế hoạch đi bắt Xương Chạc ấy.”

Đúng là chỉ có Howard mới sẵn lòng giúp đỡ tôi, dù chỉ mới hôm qua thôi, tôi vẫn còn giận dữ đá ba lô và đối xử thật tệ với nó.

Khi xe buýt dừng ở trước nhà Howard, tôi đã theo chân nó và Dwight bước qua khoảng sân cỏ mọc um tùm lên những bậc thang ọp ẹp, đi qua chiếc tràng kỷ chuột gặm cũ kĩ để vào căn nhà thảm hại đó. Khi vào đó, tôi chẳng biết mình nên nhìn vào đâu trước. Chiếc lồng chuột hamster trên bàn nước. Bộ trống trong góc nhà. Sách báo chất thành chồng dọc theo mấy bức tường. Một cái cây được trồng trong một chiếc xô gỉ sét bên cửa sổ. Trên sàn nhà vương vãi đầy những chăn, gối, giày dép, cờ bàn, và những chiếc bát nhựa vẫn còn chút bóng ngô và vụn bánh pretzel dưới đáy.

Những bức tường trong căn nhà dán chi chít những tác phẩm nghệ thuật vẽ bằng sáp màu trên giấy thủ công, những bài kiểm tra ở trường có hình dán ngôi sao vàng và lời khen “Làm tốt lắm” của các thầy cô trên đầu mỗi bài. Có thể thấy câu thần chú “củ cải cực cứng” của mẹ Howard không hiệu nghiệm lắm khi áp dụng với đứa em trai Cotton của nó, vì dưới chân tường có rất nhiều hình vẽ bằng bút dạ.

Howard bước qua đồng chăn gối và những thứ khác trên sàn nhà, và ra hiệu gọi tôi theo nó vào bếp.

“Mẹ ơi,” nó nói, “Charlie đến này.”

Bác gái đang đứng ở bồn rửa bát liền quay người lại và mỉm cười rạng rỡ. “Ồ, chào cháu!” Bác ấy lau tay lên tạp dề, rồi vòng tay ôm tôi. “Howard đã kể với bác rằng hai cháu là Bạn Kèm Cặp ở trường,” bác ấy nói. “Và về chú chó Xương Chạc đó nữa.” Sau đó bác ấy tiếp tục nói rằng bác Gus và

bác Bertha đã vui mừng khôn xiết khi được đón tôi về Colby, và dãy Blue Ridge thật xứng đáng được gọi là thiên đường trên trần thế. Bác ấy lấy một chiếc bánh ga tô có những đóa hoa kem bơ màu hồng và tím từ trong chiếc hộp của hàng tạp hóa, rồi đặt lên bàn bếp và mời chúng tôi ăn. Tôi còn chưa kịp định thần thì mấy đứa con trai đã lao vào căn bếp, xô đẩy và chen lẫn nhau để được ăn bánh. Tụi nó thậm chí còn chẳng cần dùng đến đĩa hay nĩa, mà chỉ cần cắt lấy một miếng rồi dùng tay bóc ăn ngay tại đó. Và mặc dù tụi nó làm vương vãi đầy vụn bánh lên sàn nhà, nhưng bác gái có vẻ chẳng hề bận tâm.

Burl là anh cả, ông là người duy nhất có tóc đen trong mấy anh em. Burl là kiểu người ăn to nói lớn, ông có gương mặt khá thân thiện và đã bắt đầu lún phún rìa mép. Kế tiếp là Lenny đang mặc chiếc áo dín đầy vết dầu mỡ. Hai cánh tay dài, khăng khiu và đầy tàn nhang của ông đang cố thui Dwight và xô đẩy Burl. Sau Lenny là Howard và Dwight, hai đứa chỉ hơn kém nhau khoảng một hay hai tuổi gì đó, và nếu Howard không đeo kính và không bị cà nhắc, thì trông tụi nó cũng giống sinh đôi ra phết. Đứa bé nhất nhà là Cotton với khuôn mặt nhem nhuốc và lấm lét. Hai chân nó chỉ chút vết xước, vết bầm và băng cá nhân.

Bác gái đưa cho chúng tôi những cốc giấy đựng nước và lần lượt ôm hôn từng đứa con trai trong nhà. Chẳng cần là thiên tài, tôi cũng hiểu được rằng bác Bertha có lý khi nói về lòng tốt của người nhà Odom. Bất chợt tôi thấy mình thật ngại ngùng và lạc lõng giữa những tiếng ồn ã, năng lượng dồi dào và lòng tốt ngập tràn trong căn nhà đó.

Howard và tôi ngồi trên chiếc tràng kỷ ngoài hiên, và nó giải thích kế hoạch bắt Xương Chạc cho tôi. Nó đã viết tất cả mọi thứ trong một cuốn sổ, thậm chí còn cẩn thận vẽ hình minh họa và tô màu nữa.

“Cậu nghĩ liệu kế hoạch sẽ thành công chứ?” tôi hỏi.

“Chắc chắn rồi.” Howard gập cuốn sổ rồi ôm chặt nó vào lòng. Chúng

tôi im lặng ngắm Lenny và Cotton nhặt đầy một xô đá và kéo chiếc xô đó ra mép sân để xây tường thành.

Dwight thì đi xe đạp lòng vòng làm cả khoảng sân mù mịt bụi đất đỏ, còn Burl thì rầy la bắt nó dừng lại, vì ông đang muốn thay dầu xe tải.

Một lúc sau, tôi và Howard quyết định ra ngoài tìm Xương Chạc thêm chút nữa. Chúng tôi dành cả nửa buổi chiều còn lại lang thang tìm Xương Chạc khắp rừng và dọc vệ đường, nhưng cuối cùng hai đứa đành bỏ cuộc. Đến khi chúng tôi về đến nhà Howard thì bác gái đang gọi mọi người đi rửa tay chuẩn bị ăn tối.

“Cháu ở lại nhà bác ăn tối nhé, Charlie,” bác ấy nói.

Trước khi tôi kịp mở miệng thì bác gái đã nói tiếp, “Bác sẽ gọi điện hỏi ý kiến bác Bertha xem sao nhé. Bác trai đang trên đường chở đồng gỗ xe sang Charlotte, nên cháu có thể ngồi vào chỗ của bác ấy này.”

Vậy là chúng tôi ngồi vào bàn, và trước khi tôi kịp định thần thì đã bị Howard nắm lấy tay phải, còn Dwight nắm tay trái, và tất cả mọi người đều cúi đầu trong khi Burl nói lời tạ ơn. Ông tạ ơn Chúa vì tất cả mọi thứ dưới vòm trời này, kể cả món trứng “quy”* trên chiếc đĩa trước mặt ông.

Sau đó mọi người đồng thanh nói “Amen,” rồi tập trung ăn uống như thể cả tuần nay chưa có gì bổ bụng vậy.

Bác gái liên tục đứng lên để lấy thêm sườn heo, hay rót thêm sữa, và có vẻ bác ấy chẳng bao giờ quên vỗ vai hay thơm nhẹ lên đỉnh đầu các con mỗi lần đi ngang qua chúng.

Tôi thử tưởng tượng mình mời Howard đến chơi nhà ở Raleigh. Cả căn nhà đều im lặng và tối tăm. Bài kiểm tra của tôi không được dán lên tường nhà, và mẹ cũng chẳng bao giờ thơm lên đỉnh đầu tôi. Cũng chẳng có chiếc bánh ga tô với những đóa hoa tím hồng nào cả. Và nếu Howard ở lại ăn tối, thì tôi và nó sẽ cùng nhau ăn món thịt heo hầm đậu đóng hộp, hoặc bim bim

khoai tây, hoặc bánh mì kẹp xúc xích bologna trước màn hình tivi, và sẽ chẳng có ai trong nhà tôi nói tạ ơn Chúa trước khi ăn.

Tới thời điểm nên rời đi, tôi cảm ơn bác gái, rồi đạp xe của Lenny về nhà. Khi đạp xe ra đến đường cái, tôi quay người nhìn ngôi nhà của Howard một lần nữa. Lần đầu tiên nhìn thấy căn nhà này qua cửa sổ xe buýt, tôi đã nghĩ nó trông thật buồn bã. Nhưng khi tưởng tượng lũ con trai được người mẹ yêu thương, vồ về trong căn bếp nhỏ xíu đó, tôi chẳng thấy căn nhà đó buồn bã hay thảm hại chút nào nữa.

Mười

Khi về đến nhà, tôi đã kể cho bác Gus và bác Bertha về kế hoạch bắt Xương Chạc của Howard.

“Chúng cháu sẽ làm một chiếc bẫy thật lớn,” tôi dang rộng hai cánh tay để ánh chừng kích thước của chiếc bẫy. “Bằng những đoạn dây kẽm trong xưởng của bố Howard.”

Bác Gus nhướn đôi lông mày, “Một chiếc bẫy á?”

Tôi gật đầu. “Vâng, đại loại thế ạ. Thực ra nó giống một chiếc chuồng chó to. Tụi cháu sẽ đặt chiếc chuồng ra chỗ bìa rừng cạnh nhà kho trong vườn, sau đó tụi cháu sẽ gắn cành và lá cây lên đó để ngụy trang.”

Tôi tiếp tục giải thích cơ chế hoạt động của chiếc bẫy: tụi tôi sẽ cho một ít thức ăn vào đó, và khi Xương Chạc mò vào chén đồng thức ăn, chúng tôi sẽ sập cửa bẫy lại.

“Nó thích thịt băm,” bác Bertha nói. “Bánh mì kẹp xúc xích. Và xúc xích bologna nữa.” Bác ấy ném vài thanh cá chiên giòn còn thừa sau bữa tối cho hai chú mèo đang nằm trên sàn nhà. “Giờ thì, Charlie à, bác không muốn dập tắt hy vọng của cháu đâu, nhưng nhớ nó là chó dữ thì sao? Nhớ nó cắn thì sao? Hay nhớ nó có bệnh truyền nhiễm gì đó?”

“Nó không cắn đâu ạ. Nó thích cháu mà,” tôi bỏ qua câu hỏi về bệnh tật.

“Anh Gus,” bác Bertha nói, “anh kể cho Charlie về chú chó anh nuôi hồi nhỏ đi.” Và không chờ bác Gus đáp lại, bác Bertha tiếp tục liên thoảng

về chú chó tên Skeeter của bác Gus. Chú chó đó thường đi bắt thỏ về cho bác Gus và các em gái của bác ấy đùa nghịch. “Có lần nó còn leo lên thùng xe tải chở hàng và đi đến tận Hendersonville cơ. Thế mà sáng hôm sau nó lại xuất hiện trên hiên nhà với lông nhím cắm tua tủa trên người. Phải không, anh Gus?”

Bác Gus gật đầu. “Đúng vậy.”

“Rồi có lần nó đụng trúng tổ ong bắp cày nữa chứ,” bác Bertha nói. “Chắc chú chó đó phải có đến chín mạng giống như loài mèo ấy.”

“Có thể lắm,” bác Gus đáp.

“Anh kể cho con bé chuyện ngày nào nó cũng chờ anh ngoài cổng trường đi.” Bác Bertha ôm một chú mèo vào lòng. “À, anh kể cả chuyện Skeeter thường ăn vụng gan gà ngay trên chảo rán nữa ấy.”

“Chúng ta sẽ làm cô nhóc tội nghiệp này chán chết mất thôi, Bertie ạ,” bác Gus đáp và nháy mắt với tôi. “Nhi, Butterbean?”

Thi thoảng bác Gus lại gọi tôi là Butterbean. Cái tên đó khiến tôi thấy mình giống một đứa trẻ, nhưng tôi không ý kiến gì cả. Sau đó bác Bertha kể chuyện hôm nay ở cửa hàng tạp hóa có một bà ngất xỉu trước quầy ngũ cốc, nhưng tôi không tập trung nghe bác ấy kể chuyện lắm vì còn mải nghĩ về Xương Chạc. Tôi tưởng tượng cảnh nó đợi tôi ngoài cổng trường hằng ngày. Sau đó nó sẽ đuổi theo chiếc xe buýt của trường như hôm tôi thấy nó đánh nhau. Mà rất có thể bác tài sẽ cho nó lên xe cùng tôi vì nó rất thông minh, và nó sẽ biểu diễn đủ trò khiến tụi nhóc trên xe buýt đều phải trầm trồ.

Nó sẽ ngủ trên giường cùng tôi hằng đêm, và tôi hát bài “Noah Tốt bụng” để ru nó ngủ. Tôi sẽ mặc cho nó chiếc áo đồng phục cấp ba cũ của Jackie ở Raleigh, và có khi nó sẽ chịu để tôi sơn cho nó một bộ móng chân màu đỏ nữa. Tôi sẽ dạy nó đi ra đầu đường mỗi sáng Chủ nhật để lượm báo

về nhà trước khi chúng tôi đến nhà thờ. Nó canh gác khu vườn, khiến bọn thỏ không bao giờ dám bén mảng vào đó nữa. Và nó sẽ ngồi ngoài hiên ngắm cảnh cùng chúng tôi mỗi tối. Tôi vẫn thấy hơi sợ hãi mỗi khi nghĩ đến việc mẹ sẽ nổi giận lôi đình khi thấy tôi đem Xương Chạc về Raleigh, nhưng tôi luôn cố dẹp nỗi sợ đó đi.

Đến lúc bác Bertha đứng dậy để vào trong bếp lấy hộp bánh quy giòn, những suy nghĩ về Xương Chạc khiến tôi vô cùng nóng lòng muốn bắt được nó và yêu thương nó. Tôi thực sự mong kế hoạch của Howard sẽ thành công.

“Bác cháu mình cùng ra vườn lấp vòi tưới nhé,” bác Gus nói với tôi, rồi giật chiếc mũ lưỡi trai bám đầy bụi đất.

Tôi theo chân bác ra ngoài, theo sau chúng tôi là ba chú mèo thơ thẩn bước nhịp nhàng. Tôi giúp bác ấy gỡ ống dẫn nước và kéo nó ra vườn. Trong lúc bác ấy lấp vòi tưới vào ống dẫn nước, tôi đi dạo dọc theo những luống cây đậu que, bí và cà chua đang lớn lên từng ngày. Tôi đi chân đất, nên cảm nhận được đất trong vườn rất xốp mềm và ấm áp. Đột nhiên, một chú bọ rùa đậu lên cánh tay tôi! Tôi chìa ngón tay để nó bò lên. Sau đó, tôi giơ ngón tay ra và thầm thì, “Bọ ơi, bọ à, bay về nhà đi nhé”. Tôi nhìn nó bay lên trời, rồi thầm ước.

Tối đó Jackie đã gọi điện cho tôi. Bà kể là bà đã đi nhuộm một lọn tóc xanh dương, và bây giờ mọi người ở trường đều học theo một của bà.

“Chị thề đấy, Charlie,” bà nói. “Bây giờ tất cả mọi người ở Raleigh đều nhuộm một lọn tóc xanh giống chị.”

Sau đó bà kể là vừa gặp một anh chàng chơi ghi ta trong ban nhạc, và ông anh này còn xỏ khuyên mũi nữa. Tên ông là Cockroach, và Arlo, bạn trai hiện tại của Jackie, không thích anh chàng Cockroach này cho lắm.

“Gián á?” tôi hỏi vặn lại, vì tôi còn có thể nói gì đây?

Nhưng Jackie vẫn tiếp tục thao thao bất tuyệt. Bà nói rằng đang rất háo hức mong đến ngày tốt nghiệp để rời khỏi cái trường đó. Có lẽ sau khi tốt nghiệp, Jackie và một chị bạn tên Shayla sẽ chuyển đến Fort Lauderdale, nếu như ông bác của Shayla có thể xin cho hai người một chân trong nhà hàng Mexico của ông. Nhưng nếu kế hoạch đó không thành, thì có lẽ bà sẽ nộp đơn xin học làm trợ lý nha khoa.

Jackie có đến hàng tỉ kế hoạch, nhưng chẳng kế hoạch nào có tôi.

“Chị có định đến thăm em không?”, tôi rụt rè hỏi, giọng lí nhí như một đứa trẻ lên ba.

“Chắc chắn rồi, Charlie,” bà đáp. “Khi nào chị có thời gian đã nhé.”

Tôi đoán là bà thà dành thời gian cho ông bạn Cockroach hơn là cho tôi.

Tôi đó, ngoài hiên nhà, bác Bertha kể chuyện trong ngày cho bác Gus, còn tôi lại thử tâm linh tương thông để truyền suy nghĩ qua những tán lá cây đến chỗ Xương Chạc. Tôi muốn nó biết rằng ở đây có người quan tâm đến nó rất nhiều, và mong nó đừng làm kẻ không gia đình như tôi mãi thế. Và tôi muốn được trở thành gia đình của nó.

Rồi tôi nghĩ tới gia đình Odom. Tôi tự hỏi lúc này họ đang làm gì. Chắc họ đang cùng nằm trên sàn nhà, ăn bỏng ngô và chơi trò *Crazy Eights**. Tôi nghĩ bác gái đang dán những bài kiểm tra của tụi con trai lên tường, và nói rằng bác rất tự hào về chúng. Và bác ấy phải đọc thần chú “củ cải cực cứng” để Cotton không lấy bút dạ vẽ lên tường nữa.

Bác Gus cắt ngang mạch suy nghĩ của tôi khi đứng dậy vươn vai và nói, “Chúng ta vào nhà thôi.”

Tôi ghét phải nghĩ đến việc đi học ở trường. Cái xe buýt tồi tệ đó, bã kẹo cao su trên ghế, và những đứa nhóc cười rinh rích mỗi khi tôi đi qua chúng. Cô Willibey thì luôn nhăn trán cau mày với tôi, và thở dài khi quăng bài kiểm tra chỉ chút đầy lỗi của tôi lên bàn. Trong căng tin, tụi nó toàn hát

đậu vào người nhau và hoàn toàn phớt lờ tôi. Thực ra cũng chỉ còn vài tuần nữa là đến kì nghỉ, nhưng với tôi thì vài tuần đó giống như hàng trăm năm vậy.

Không còn nghi ngờ gì nữa. Xương Chạc chính là thứ tôi cần nhất lúc này.

Mười một

Ngày hôm sau ở trường, tôi có cảm giác cái đồng hồ trong lớp bị hỏng, và cả ngày hôm đó tôi bị mắc kẹt trong vòng quay tra tấn vô tận của toán học, khoa học xã hội và thể dục. Kể cả bữa trưa và giờ ra chơi cũng giống như phim quay chậm ấy. Cuối cùng thì tiếng chuông tan học cũng reo lên, và tôi chạy thật nhanh ra xe buýt. Tôi vào ngồi đúng hàng ghế thường lệ và chờ Howard. Chắc nó đang chơi vui lắm, vì tụi nhóc dần ngồi kín hết chỗ trên xe buýt mà tôi vẫn chưa thấy nó xuất hiện. Đột nhiên, tôi thấy Audrey Mitchell đi giữa hai hàng ghế, mất đảo qua lại để tìm chỗ ngồi. Tôi thật không thể ngờ là nó đến ngồi cạnh tôi. Nó lại còn đặt ba lô ở giữa hai đứa để không bị lây chấy rận từ tôi nữa chứ.

“Bạn không được ngồi đây,” tôi nói.

Nó bấu môi lè lưỡi với tôi, “Được chứ.”

“Không được!” tôi hét lớn.

Nó hơi ngạc nhiên và do dự khi thấy tôi nổi cáu. “Bạn không được giữ chỗ,” nó nói. “Luật ở đây là thế.”

Dừa.

Dừa.

Dừa.

Nhưng cái mếu ngớ ngẩn của Howard chẳng hề hiệu nghiệm, vì ngay sau đó tôi đã đẩy Audrey ra khỏi ghế, khiến nó ngã chổng quèo giữa lối đi.

Và tất nhiên tôi thấy hối hận ngay khi đẩy con bé đó. Tất cả mọi người đều thích Audrey. Đáng lẽ tôi phải mang kẹo cho nó và nịnh hót về mái tóc đẹp để của nó, thay vì đẩy nó ngã xuống sàn xe buýt. Thật may là Audrey không nóng tính như tôi và ông bố Thích Gây Gổ của tôi. Nó chỉ ré lên một tiếng, đứng dậy phủi bụi, rồi chửi tôi là con điên và chuyển sang chỗ khác.

Đến lúc Howard lên xe buýt, thì cơn giận của tôi đã dịu xuống đôi chút.

Nó ngồi phịch xuống ghế. “Lần này cậu lại tức giận vì chuyện gì đấy?” nó tò mò.

Tôi quay mặt ra ngoài cửa sổ để nó không nhìn thấy khuôn mặt vẫn đỏ bừng vì giận dữ của tôi.

“Tớ chẳng bức tức gì hết,” tôi đáp.

Nó đẩy gọn kính và “Hừ” một tiếng. Sau đó nó lục lọi trong ba lô rồi lôi ra một nửa chiếc bánh kẹp phô mai. Nó lôi miếng phô mai ra cuộn thành quả bóng nhỏ, rồi cho vào miệng. Với bánh mì cũng vậy, nó cũng vê miếng bánh thành những quả bóng nhỏ trước khi ăn.

Khi xe buýt bắt đầu chuyển bánh, tôi nghĩ về việc làm bầy bắt Xương Chạc, và tôi không còn bức tức nữa. Thay vào đó, tôi chỉ thấy vô cùng phấn khích.

Khi chúng tôi tới nhà Howard, bác gái đang ngồi ngoài hiên cùng Cotton. Bác ấy mỉm cười và vẫy tay chào bác tài xế. Howard, Dwight và tôi cùng ngồi trên mấy bậc thềm khi bác ấy hỏi chuyện ở trường: Cô Willibey đã sửa được cửa sổ thông gió chưa? Bài kiểm tra của Dwight có khó không? Hội phụ huynh lại bán bánh cupcake ở trường à?

Sau đó Howard lôi mấy bài kiểm tra từ trong ba lô ra cho bác gái và cười toét miệng. “Ta-đaaa!” Bác ấy khen nó nhiều đến mức có khi người ngoài nhìn vào lại nghĩ mấy bài kiểm tra đó là vàng ròng không chừng. Tôi có một đồng bài kiểm tra điểm kém bị nhét tọt sâu dưới đáy cặp nặng trĩu

đang đặt trên đùi mình. Tôi ước mình cũng có một bài điểm tốt để được reo lên “ta-đa” như Howard.

Thực ra Howard chẳng cần phải làm Bạn Kèm Cặp của tôi nữa, vì giờ tôi đã biết hết lối đi trong trường và thuộc hết các luật lệ rồi. Nhưng nó vẫn đề nghị giúp tôi làm bài tập. Và tôi luôn từ chối, bởi chuyện đó thì có ích gì chứ? Tôi luôn nhắc nó rằng tôi không hề có dự định nán lại ngôi trường đó lâu. Mỗi lần như thế, nó đều xì mặt và nói, “Cậu không biết được đâu. Có thể lắm chứ.”

Tôi luôn phớt lờ câu nói đó và nhét tập bài kiểm tra điểm kém vào ba lô, ngoài mặt tỏ ra không hề quan tâm. Nhưng khi ngồi trên hiên nhà cùng mẹ Howard, tôi đã ước mình chịu nghe Howard giảng bài.

Sau khi chúng tôi ăn món bánh pudding chuối, Howard và tôi đi ra cái gara xiêu vẹo sau nhà nó. Tôi thề, cái gara đó trông như sắp sập đến nơi thật ấy. Nó nghiêng hẳn sang một bên, và cánh cửa lung lay cố níu vào tường bằng chiếc bản lề duy nhất còn sót lại. Bố Howard ngồi bên chiếc bàn làm việc trong góc gara, bác ấy ngược đầu nhìn khi tụi tôi bước vào. Và khi bác ấy đứng dậy, tôi cứ nghĩ đầu bác ấy sẽ chạm trần nhà vì thân hình bác ấy quá đồi cao lớn. Bác ấy có đôi bàn tay đồi mòi to, mái tóc đồi rục và đồi mắt xanh dương tinh anh. Từ người bác ấy tỏa ra mùi cỏ, mùn cưa và xăng dầu.

“Chào hai đứa.” Giọng nói sang sảng của bác trai vang vọng trong bốn bức tường gara, khiến tôi cảm tưởng những chiếc cửa và xềng cuôc đất treo trên tường cũng lung lay theo giọng nói ấy.

Tôi đã gặp bố Howard ở nhà thờ, khi bác ấy dùng khăn tay lau khuôn mặt nhễ nhại mồ hôi trong lúc hát bài *Giờ danh sách tuyên đọc* (When the Roll Is Called Up Yonder), nhưng tôi chưa từng nói chuyện với bác ấy lần nào. Trong lúc những người lớn khác uống cà phê và tám chuyện trong phòng giao lưu, bố Howard cùng một vài bác trai nữa ra ngoài và kiểm tra động cơ xe tải của nhau, hoặc ngồi xem mấy cậu thiếu niên chơi bóng rổ

trong bãi đỗ xe.

“Chà, trông cháu kìa,” bác ấy nói với tôi. “Cháu trông giống mẹ mình như đúc ấy.”

Mẹ tôi á?

Tôi thật sự không ngờ đấy.

“Thật ạ?” tôi hỏi lại.

“Chắc chắn rồi. Hai người giống nhau như hai giọt nước ấy.”

“Ý bác là cháu giống bác Bertha ạ?” tôi hỏi.

“Không, bác nói về Carla mà,” bác trai đáp, “Mẹ cháu ấy.”

“Bác quen mẹ cháu ạ?”

“Cũng không hẳn là quen,” bác ấy đáp. “Bác từng gặp mẹ cháu khoảng một, hai lần thôi.”

“Bác gặp mẹ cháu ở Raleigh ạ?”

“Không, ở nhà anh chị Gus và Bertha chứ.” Bác ấy phúi đồng mùn cưa trên ngực áo sơ mi. “Cứ ngỡ như mới hôm qua, nhưng bác biết là không phải thế.”

“Ồ,” tôi đáp. Nhưng những suy nghĩ trong đầu tôi bắt đầu rối tung rối mù lên hết cả. Mẹ tôi đến nhà bác Gus và bác Bertha khi nào? Sao không ai kể cho tôi chuyện đó?

“Howie nhà bác kể về cháu suốt đấy,” bác ấy nói, và nháy mắt với Howard.

Tôi ngượng chín mặt.

“Thế hai đứa định bắt con chó săn già nua gầy guộc đó hả?” Bác ấy hỏi.

“Vâng, thưa bác.”

“Tất cả mọi người ở quanh đây đều không ưa nó. Bác chắc chắn đấy. Mọi người đều đã nhả mặt nó quanh mấy chuồng gà, hay thùng rác ở

Colby rồi.”

“Tên nó là Xương Chạc bố ạ,” Howard nói.

Bác trai cười khúc khích. “Cái tên đó hay đấy.”

“Nó thích cháu bác ạ,” tôi quả quyết.

“Charlie sẽ nuôi nó,” Howard nói. “Nhưng trước tiên tụi con phải bắt được nó đã.”

Bác trai dạy tụi tôi cách chằng dây thiếc vào tấm gỗ và cách lắp bản lề cho cánh cửa. Chỉ một lúc sau, tụi tôi đã hoàn thành chiếc bẫy hoàn hảo cho Xương Chạc. Khi Burl đi làm ở trạm xăng về, ông đã giúp tụi tôi khênh chiếc bẫy lên thùng xe tải, rồi chở tụi tôi về nhà bác Gus và bác Bertha. Trong đầu tôi, những luồng suy nghĩ vẫn đang đánh nhau điên loạn, có lúc tôi nghĩ về Xương Chạc, lúc khác tôi lại nghĩ đến chuyện mẹ đã đến nhà bác Gus và bác Bertha. Nhưng vì Burl mở nhạc quá to, nên tôi chẳng tập trung suy nghĩ được chuyện gì quá lâu.

Khi về đến nhà bác Gus và bác Bertha, chúng tôi đã đặt chiếc bẫy gần những bụi cây ở mép sân. Trong lúc Howard và tôi lượm lá và cành cây để ngụy trang cho chiếc bẫy, bác Bertha liên tục hỏi Burl cả đồng chuyện.

“Cháu nghĩ mẹ cháu có thích ăn mướp tây muối không? Khi nào thu hoạch được bác sẽ làm tặng mẹ cháu.”

“Lenny còn tham gia đội nghi thức diễu hành không?”

“Bà cháu đã phẫu thuật hông chưa?”

Burl liên tục đáp: “Có, thưa bác,” “Không, thưa bác,” và “Rồi ạ, thưa bác.”

Cuối cùng thì Howard và tôi cũng xong việc, và tôi thề, cái bẫy đó gần như vô hình sau khi được chúng tôi gắn lá ngụy trang. Tôi chạy vào nhà lấy hộp thức ăn tôi để dành cho Xương Chạc. Một miếng thịt xông khói. Một chiếc bánh quy. Vài miếng nui xào cá ngừ. Tôi đặt hộp thức ăn tặn trong

góc chuông và nói, “Xong rồi, giờ chúng ta chỉ cần ngồi đợi thôi.”

Mười hai

Tôi và Howard đợi hoài mà chẳng thấy Xương Chạc xuất hiện. Thi thoảng bác Gus lại ra ngoài ngồi với tụi tôi, nhai một cây tằm và vuốt ve một chú mèo đen gầy gò cuộn người trên đùi bác ấy. Thi thoảng bác Bertha lại ló đầu qua cửa trước và hỏi, “Hai đứa bắt được nó chưa?”

Khi đó, chúng tôi chỉ đưa ngón trỏ lên môi khẽ “suyt” với bác ấy, và bác ấy liền che miệng lại, “Ồi. Bác xin lỗi nhé.”

Khi mặt trời từ từ khuất dạng sau núi, và những chú đom đóm bắt đầu lập lòe sáng trong khu vườn, bác Gus từ tốn đứng dậy và hỏi, “Cháu có cần bác đưa cháu về nhà không, Howard?”

“Dạ không, thưa bác.” Howard đáp. “Cháu sẽ đi bộ ạ.”

Tôi thầm thắc mắc không biết bác Gus có nghĩ giống tôi không. Liệu để Howard tự đi bộ cả quãng đường về nhà với đôi chân cà nhắc thế kia có an toàn không nhỉ? Nhưng bác Gus chỉ vờn vai và đáp, “Được rồi,” rồi thông thả quay bước vào nhà.

“Hẹn gặp sau nhé,” Howard nói với tôi rồi tiến về phía đường cái.

Tôi ngồi cạnh chiếc bẫy và ngược nhìn ngôi nhà nhỏ cheo leo bên vách núi của bác Gus và bác Bertha. Sao bác Bertha không kể với tôi là mẹ đã đến đây nhỉ? Mẹ có thích ngôi nhà này không? Mẹ có ra vườn hái đậu que cùng bác Gus không? Mẹ có giúp bác Bertha làm món dưa chuột muối không? Buổi tối mẹ có ngồi ngoài hiên ngắm chòm sao Phi Mã không? Mẹ

có ngủ trong căn phòng đầy hũ thủy tinh đó không?

Cuối cùng, tôi quyết định đứng dậy và trở vào nhà. Tôi nhìn mọi thứ trong phòng khách: chiếc ghế tràng kỷ cũ của bác Gus, chiếc bàn nước phủ bụi bày la liệt tạp chí và cốc cà phê, rồi cả chiếc tivi có bát hoa quả nhựa bên trên. Liệu mẹ có từng ngồi trên chiếc ghế đó không nhỉ? Liệu mẹ có từng gác chân lên cái bàn đó trong lúc ngồi xem phim truyền hình trên chiếc tivi đó không?

Tôi nghe thấy tiếng bác Gus và bác Bertha đang trò chuyện ngoài hiên. Thi thoảng, tôi lại nghe thấy tiếng cười giòn giã của bác Bertha lọt qua khe cửa kính. Cuối cùng, tôi quyết định ra ngồi trên chiếc ghế gấp bên cạnh hai bác ấy. Ánh sáng trong bếp nhẹ nhàng tỏa ra bao trùm cả hiên nhà. Tôi hít một hơi thật sâu và hỏi, “Mẹ cháu từng đến đây một lần, phải không ạ?”

Hai bác ấy nhìn nhau. Bác Gus hắng giọng và thay đổi tư thế ngồi. Bác Bertha thì nhoài người về phía tôi, và nhẹ nhàng đặt bàn tay bác ấy trên bàn tay tôi.

“Ừ, mẹ cháu đã đến đây,” bác ấy đáp.

“Ồ.” Tôi quan sát chú mèo đang vờn bướm đêm lượn lờ quanh hiên. “Khi nào vậy ạ?”

“Từ lâu lắm rồi,” bác Bertha đáp.

“Nhưng là khi nào ạ?”

“Từ khi cháu còn nhỏ xíu,” bác ấy nói.

“Vậy lúc đó cháu cũng đến đây cùng mẹ ạ?”

Từ dưới rừng cây, một chú ếch ương cất tiếng ộp oạp, vang vọng cả mấy dãy núi. Dưới chân chúng tôi, lũ dế mèn rúc rích trong đám cỏ rối dưới hiên nhà.

Bác Bertha nhìn tôi buồn bã. “Không,” bác ấy nói. “Lúc đó cháu không đến đây cùng mẹ.”

“Vậy còn Jackie?” tôi hỏi. “Chị ấy có đến không ạ?”

“Không, Jackie cũng không đi cùng mẹ cháu.”

“Thế lúc đó cháu và Jackie đang ở đâu?” tôi sốt sắng. “Vậy còn bố cháu? Bố cháu có đến đây không?”

Bác Bertha rướn sát người về phía tôi hơn nữa. Người bác ấy có mùi bột tan*. Bác ấy nói, “Charlie à, mẹ cháu đã đến đây. Nhưng khi ấy mẹ bỏ lại cả cháu, Jackie và bố cháu ở lại. Hôm đó lúc nửa đêm, mẹ cháu đột nhiên xuất hiện trước cửa nhà bác và chỉ mang theo một túi nilon đen chát đầy quần áo.”

“Mẹ cháu chỉ đến chơi thôi ạ?”, tôi hỏi bác ấy. Nhưng trong thâm tâm, tôi đã biết câu trả lời.

“Không, Charlie ạ,” bác Bertha đáp. “Mẹ cháu quyết định trốn chạy, bỏ lại tất cả mọi người ở Raleigh và dự định không bao giờ quay lại đó nữa.” Giọng bác Bertha đột ngột thay đổi. Chua chát hơn, và pha thêm cả chút giận dữ. Tôi chưa từng nghĩ bác Bertha có thể tức giận đến thế.

“Ồ,” tôi đáp.

Bác Bertha tiếp tục nói, giọng bác ấy trở nên ngày càng chua chát và giận dữ hơn. “Khi bác hỏi mẹ cháu, ‘Em nghĩ sao mà lại bỏ trốn như vậy’, thì mẹ cháu chỉ nhìn xoáy vào mắt bác và nói, ‘Em chán ngấy cuộc sống nhàm chán này rồi. Em sẽ làm lại cuộc đời mình.’”

Một tia chớp rạch ngang bầu trời qua dãy núi, kèm theo một tràng sấm nổ đùng đùng.

“Sau đó thì sao ạ?” tôi hỏi tiếp.

Bác Bertha thở dài. “Cuộc đời mới của mẹ cháu không kéo dài lâu cho lắm.”

“Nghĩa là bao lâu ạ?”

“Vài tháng.”

“Nhưng đã có chuyện gì ạ?”

“Bác đã nêu ý kiến của mình về cuộc đời mới của mẹ cháu, và bác nhận ra rằng mẹ cháu không thích điều đó. Mẹ cháu không muốn lắng nghe suy nghĩ của bác về một người mẹ bỏ rơi con mình để trốn chạy. Thế nên mẹ cháu đã dùng dùng nỗi giận và quyết định về với các cháu. Nhưng kể từ đó bác không gặp mẹ cháu lần nào nữa.”

Một tràng sấm nữa vang vọng phía dưới thung lũng.

“Bác đã thử liên lạc, nhưng mẹ cháu không muốn nói chuyện với bác,” bác Bertha nói. “Bác đã gửi thiệp cùng với quà cho cháu và Jackie, nhưng mẹ cháu đều trả lại hết. Sau nhiều lần như vậy, bác đành bó tay.” Bác ấy vỗ nhẹ hai đầu gối tôi. “Bác rất xin lỗi khi phải kể cho cháu những điều này, Charlie à.”

Tôi nhún vai, vờ như chuyện đó không phải vấn đề gì to tát. Nhưng có lẽ chiếc cảm run rẩy đã phản bội tôi. Bác Bertha quỳ trước mặt tôi, nắm lấy cả hai bàn tay tôi và nói, “Mẹ cháu yêu thương cháu rất nhiều, Charlie à. Mẹ chỉ thi thoảng lạc lối chút thôi.”

Lạc lối ư? Tôi rất sẵn lòng vẽ ra tám bản đồ để chỉ đường cho mẹ trở về làm người mẹ đúng nghĩa của tôi.

Tôi đưa mắt nhìn cánh rừng tối dưới chân, và cố gắng truyền tâm tư qua những ngọn cây và nhánh sông, xuống những con đường trong thị trấn và bất cứ nơi đâu có Xương Chạc. Tôi muốn nó biết rằng tôi thực sự cần có nó, và chúng tôi sẽ chung sống cùng nhau thật vui vẻ. Tôi chẳng bận tâm liệu mẹ có nổi giận vì Xương Chạc hay không nữa.

“Không biết tối nay Xương Chạc có đến không bác nhỉ,” tôi nói.

“Nếu nó mà không đến thì nó đúng là đồ đại ngốc,” bác Gus nói. “Nhưng bác có linh cảm là chú chó này không ngốc đâu, Butterbean ạ.”

Lần này, khi bác Gus gọi tôi là Butterbean, tôi không cảm thấy mình

như một đứa trẻ nữa, mà thay vào đó, tôi bất giác mỉm cười khe khẽ, dù trong lòng tôi mọi thứ vẫn đang rối bời khi biết được mẹ tôi đã bỏ chúng tôi chạy trốn. Sau đó, tôi chúc bác Gus và bác Bertha ngủ ngon rồi quay lại phòng ngủ. Tôi ngồi bên cửa sổ và ngắm những tia chớp rạch ngang trời. Xương Chạc đang ở đâu nhỉ? Nó đang đuổi bắt gà nhà người ta ư? Hay nó lại đánh nhau với chú chó nhỏ lông đen cạnh máy căn nhà lưu động? Hoặc, rất có thể lúc này nó đang ở ngay trong chiếc chuồng dưới sân nhà tôi và chén món nui xào cá ngừ.

Tôi trèo lên giường và nghĩ về mẹ. Không biết khi đó mẹ định làm lại cuộc đời như thế nào nhỉ? Liệu mẹ có định ở lại Colby mãi mãi không? Liệu mẹ có định làm một cô giáo, thủ thư, hay mở một tiệm làm đẹp trên đường Black Mountain? Mẹ có định tìm một người chồng mới ít gây gổ hơn bố không? Liệu mẹ có sinh thêm em bé, và sau giờ học mẹ có cho chúng ăn những chiếc bánh bông lan được trang trí với những đóa hoa màu hồng và tím không?

Nhưng nghĩ như vậy thì có ích gì? Mẹ đã quyết định trở lại với chúng tôi, và giờ mẹ đang ở đó, còn tôi ở đây, và giờ gia đình tôi đã tan đàn xẻ nghé.

Ngoài kia, mưa đã bắt đầu rơi. Đầu tiên màn mưa chỉ như một màn sương mù mỏng nhẹ, thưa thớt, sau đó mưa ngày càng nặng hạt. Gió cũng mạnh dần lên, và luồng khí lạnh ẩm ngoài trời len vào phòng qua khe cửa sổ. Tôi đột ngột đứng dậy, và tim đập thình thịch. Hôm nay tôi vẫn chưa ước! Tôi bắt đầu lục tìm trong đầu một cách ước nguyện. Giờ trên trời chẳng còn sao nữa. Trong phòng cũng không có bộ rùa. Không có nhánh cỏ bốn lá, đồng xu hay hoa bồ công anh nào hết. Và sau đó... thật khó tin! Một tiếng chim nhại từ đằng xa vọng đến tai tôi. Nghe tiếng chim hót trong mưa cũng là một cách ước nguyện trong danh sách của tôi. Vậy nên tôi đã nhắm mắt và thầm ước điều mình hằng mong muốn.

Mười ba

Và cứ thế, tôi lại tiếp tục cuộc sống buồn tẻ ở thị trấn Colby miền bắc Carolina. Hằng ngày ngồi xe buýt cùng Howard đến trường. Có phốt lò những đứa trẻ chẳng bao giờ niềm nở với tôi. Chơi trò Thám tử Kinh thánh ở nhà thờ. Chờ đợi Xương Chạc đến ăn xúc xích trong bữa. Ngồi ngoài hiên ngắm sao cùng bác Gus và bác Bertha mỗi tối. Và ngày nào tôi cũng ước.

Thi thoảng Jackie lại gọi điện để ba hoa về cuộc sống hạnh phúc của bà ở Raleigh. Bà sẽ đi dạ tiệc cùng anh chàng bạn trai Arlo này. Có thể hè này bà và bà Carol Lee sẽ làm việc ở Tiệm bánh Waffle. Và bà vừa dán hình xăm giả hình con bướm trên mắt cá chân nữa.

Tôi kể cho Jackie chuyện Xương Chạc, và nói rằng tôi sẽ nuôi nó, nhưng bà chỉ hỏi liệu tôi làm vậy có ổn không. Tôi nói, chuyện đó quá tốt đấy chứ, và sau đó chúng tôi cúp máy.

Tôi đã gặp Xương Chạc thêm ba lần nữa. Một lần là khi nó sục sạo thùng rác trong bãi đậu xe của cửa hàng Dairy Freeze. Lần tiếp theo tôi thấy nó chạy dọc theo Quốc lộ 14 trong màn mưa. Và một lần nữa khi nó đang ăn một thứ gì đó trong túi giấy dưới chiếc bàn ăn ở khu cắm trại suối Brushy.

Chiếc khuôn bánh đựng đồ ăn trong bữa đã hai lần được chén sạch sẽ, nhưng cả hai lần tôi đi tìm xung quanh đều không thấy bóng dáng Xương Chạc đâu. Thật may là tôi chỉ phải đi học hai tuần nữa thôi, sau đó tôi sẽ có

cả ngày rảnh rỗi để canh bầy. Nhưng tôi lại bắt đầu thấy lo rằng mình sẽ không bao giờ bắt được Xương Chạc. Có lẽ tôi đang lãng phí thời gian vô ích rồi.

“Đêm qua tớ nghe thấy tiếng Xương Chạc sủa đấy,” một hôm Howard nói với tôi khi hai đứa ngồi ăn kem trên chiếc tràng kỷ ngoài hiên nhà nó.

“Sao cậu biết đấy là Xương Chạc?” tôi hỏi lại, mắt vẫn nhìn thẳng bé Cotton nhảy ra nhảy vào cái thùng đựng sữa đặt trong sân. Nước từ que kem đá vị cam chảy dài từ cằm xuống cái bụng trần của nó.

“Linh tính mách bảo thôi,” Howard đáp.

“Chắc chúng ta không bao giờ bắt được nó đâu,” tôi than vãn. “Bác Gus nói đúng đấy. Chắc nó thích làm chó hoang hơn.”

“Đừng nhụt chí thế chứ,” Howard nói.

“Tớ có nhụt chí đâu.”

“Có mà.”

Tôi hục hặc giậm chân. “Tớ không nhụt chí!”

Howard liếm nước kem đá chảy dọc bàn tay nó và nói, “Dứa.”

Tôi ngả phịch người vào lưng ghế rồi quăng que kem ra ngoài sân. Câu thần chú dứa ngu xuẩn của nó bắt đầu khiến tôi bực mình.

“Trời đất, Charlie,” Howard nói. “Đừng hờn dỗi như em bé thế.”

“Tớ không phải em bé!” tôi la lên.

Howard nhún vai. “Nhưng cậu đang cư xử hết như một đứa con nít vậy.”

Đúng lúc đó, mẹ Howard ra ngoài hiên và lau tay bằng chiếc khăn lau bát. Nhưng cơn tức giận đã xâm chiếm toàn bộ cơ thể tôi, và tôi không thể chống cự được. Tôi đã buột miệng nói, “Ồ, ít ra thì tôi không phải đứa nhà quê ăn thịt sóc như cậu.”

Sau đó, tôi dùng dùng đi về phía xe đạp của Lenny và phóng như bay về nhà bác Gus và bác Bertha. Khi về đến nơi, tôi vớt chiếc xe xuống sân và định lao thẳng vào nhà. Nhưng khi vừa đặt chân đến cửa, tôi nghe thấy có tiếng động trong chiếc bẫy. Tôi quay người về phía đó, và tôi không tin nổi vào mắt mình nữa! Xương Chạc đang đứng trong chuồng ăn ngẫu nhiên món thịt băm và khoai tây chiên.

Không chân chừ thêm nữa, tôi liền chạy như bay đến cái bẫy và đóng “sầm” cửa lại. Xương Chạc bất ngờ “ăng” lên một tiếng, rồi nhảy dựng lên. Sau đó nó lùi vào trong góc và gục đầu xuống, đôi tai dài rủ xuống tận mặt đất. Tôi thấy thật buồn khi khiến nó sợ hãi đến thế.

“Chào, Xương Chạc,” tôi thăm thì.

Nó cố huých thật mạnh đám dây thép đến mức tôi cứ sợ nó sẽ phá hỏng cái bẫy và trốn đi mất.

“Chị vẫn còn nhiều thịt băm lắm,” tôi nói.

Nó ghéch đầu nhìn tôi.

“Đứng đây chờ nhé,” tôi nói. “Chị sẽ quay lại ngay.”

Tôi cài then cửa và chạy thật nhanh vào nhà để gọi bác Bertha. Chúng tôi suýt đâm sầm vào nhau khi tôi phi như bay vào trong bếp.

Bác Bertha ôm tim và thốt lên, “Charlie! Lạy Chúa! Cháu làm bác sợ gần chết!”

“Cháu bắt được nó rồi!”, tôi reo lên mừng rỡ. “Cháu bắt được Xương Chạc rồi!”.

Tôi mở toang cửa tủ lạnh và lấy một ổ thịt băm bọc giấy nhôm, sau đó lại chạy ra sân. Bác Bertha đuổi theo tôi và nói. “Bác biết mà! Bác biết ngay là phải dùng món thịt băm của bác thì mới bắt được nó!”

Khi chúng tôi đến nơi, Xương Chạc đang đào hố cạnh hàng rào dây thép, cứ như thể nó đang đào đường hầm để chạy trốn sang Trung Quốc ấy.

Đám bụi đất và sỏi đá dần chôn lấp phía sau lưng nó. Khi thấy chúng tôi, nó liền ngưng đào bới và lại lùi vào góc chuồng.

Tôi bóc giấy nhôm. “Chị đem thêm thịt băm này,” tôi nói.

Nó rên lên khe khẽ thật đáng thương. Bác Bertha khuyên tôi phải cẩn thận, và đừng thò tay qua hàng rào thép hay đại loại thế. Nhưng tôi chỉ chăm chú nhìn Xương Chạc và dỗ dành nó đừng hoảng sợ. Sau đó, tôi đưa một miếng thịt băm qua mắt lưới gần chỗ nó và chờ đợi.

Nó chun mũi hít hà mùi thịt băm thơm nức. Nó quyết định đứng dậy và đánh hơi kĩ hơn một chút.

“Nào, Xương Chạc,” tôi nói. “Cho mi cả đấy.”

Nó tiến thêm một bước, mắt vẫn dán chặt vào miếng thịt. Nó thận trọng tiến thêm bước nữa, và cứ thế bước đến chỗ tay tôi. Sau đó nó đớp gọn miếng thịt băm, nuốt chửng trong một nốt nhạc, rồi vẫy đuôi.

Vẫy.

Vẫy.

Vẫy.

Ba cái vẫy đuôi thật nhẹ, có lẽ nó muốn nói cảm ơn tôi vì miếng thịt đó.

Tôi quay sang bác Bertha. “Bác có thấy không ạ?” tôi hỏi.

Bác ấy gật đầu. “Chắc chắn rồi. Thú thực là bác đã nghĩ nó sẽ đớp mất một hay hai ngón tay của cháu cơ đấy.” Bác ấy thò tay vào túi tạp dề và lấy ra hai chiếc bánh quy mặn. “Cháu cho nó đi,” bác ấy nói.

Tôi đưa bánh cho Xương Chạc, và sau khi chén bánh gọn ghẽ, nó lại ngược lên nhìn tôi và vẫy đuôi lần nữa.

Bác Bertha tìm giúp tôi chiếc vòng cổ được Bác Gus chế từ chiếc thắt lưng cũ. Chúng tôi lấy một đoạn dây thừng từ trong nhà kho rồi chằng vào vòng cổ. Rồi tôi lại chạy vào trong nhà lấy thêm chút thức ăn. Một ít ngũ cốc. Một miếng bánh mì nho. Và vài lát xúc xích bologna.

Sau đó, tôi lại phi như bay ra chỗ cái bầy, còn bác Bertha cố gắng đuổi kịp tôi. Bác ấy vừa chạy vừa hỏn hên, “Đợi bác với nào!”.

Mười bốn

Xuong Chạc không thích cái vòng cổ đó chút nào. Nó lỏng lẻo như ngựa hoang, cái đầu quấy lắc liên tục khi bị tôi tròng chiếc vòng vào cổ. Sau đó, nó ngồi xuống và khoanh chân hết như một chú la bướng bỉnh khi tôi nắm dây thừng và cố kéo nó ra khỏi chiếc bẫy. Nhưng sau một hồi kiên nhẫn rải từng lát xúc xích bologna trên đường giống như Hansel và Gretel* rải vụn bánh mì, Xuong Chạc cũng chịu theo chân tôi vào nhà. Khi chúng tôi vào hẳn trong nhà, bác Bertha liền khóa cửa và tôi tháo đoạn dây thừng buộc vào vòng cổ của nó. Chúng tôi cùng ngồi trên tràng kỷ quan sát nó khám phá căn nhà.

Nó đánh hơi mọi thứ trong nhà. Cái thảm xanh lông xù trước cửa ra vào. Ghế tựa của bác Gus. Giỏ len của bác Bertha. Sau đó, nó thận trọng kiểm tra phần còn lại của căn nhà: ngửi cái giá treo áo cạnh cửa hậu, rồi liếm sạch vụn bánh dưới gầm bàn bếp. Nó cất tiếng sủa khi nhìn thấy một con mèo trên bậu cửa sổ. Chú mèo đó liền cong người và rít lên. Nhưng Xuong Chạc không gây sự với nó mà tiếp tục khám phá chỗ khác, nên tôi thấy nhẹ nhõm. Bác Bertha đã lo rằng nó sẽ đuổi bọn mèo, và thú thực là tôi cũng đã hơi lo lắng về chuyện đó.

Sau một hồi đánh hơi chán chê, Xuong Chạc đến nằm ngủ cạnh tràng kỷ. Tôi khẽ nhón chân đến bên nó, rồi vuốt ve và khẽ gọi tên nó. Tôi thật không thể tin được là mình đã có một chú chó.

Tối đó, bác Gus về nhà và tỏ ra hết sức hài lòng khi nhìn thấy Xương Chạc ngồi đợi bác Bertha nấu món lườn gà chiên và đậu trắng trong bếp.

“Ồ, ngạc nhiên thật đấy!” bác Gus thốt lên.

Tôi cứ vuốt ve Xương Chạc mãi. Tôi vỗ nhẹ đầu nó, vuốt nhẹ đôi tai dài và gãi bụng nó.

“Trông nó cũng bảnh phết bác nhỉ?”

Bác Gus gật đầu. “Chắc chắn rồi.”

“Nó cũng hơi ra phết đấy,” bác Bertha chun mũi. “Ngày mai cháu phải đưa nó ra sân và tắm cho nó thật sạch nhé.”

“Vâng ạ.”

Ngày mai là thứ Bảy, nên tôi có thể dành cả ngày cho Xương Chạc. Tôi sẽ tắm cho nó, rồi dắt nó đi dạo. Có thể tôi sẽ dạy nó một mệnh lệnh nào đó, như ngồi hay nằm xuống chẳng hạn. Có thể tôi sẽ đưa Xương Chạc đến nhà Howard, nếu ngày mai tôi hết giận nó vì gọi tôi là kẻ nhụt chí và đưa con nít. Nhưng sau đó tôi chợt nhớ rằng mình đã gọi Howard là đứa nhà quê ăn thịt sóc trong khi bác gái đang đứng ngay gần tôi. Ruột gan tôi thất lại, và mặt tôi nóng bừng khi nghĩ về câu nói đó. Tôi biết Howard chẳng giận tôi đâu, vì nó là kiểu người chẳng bao giờ thù dai. Nhưng tôi chắc chắn là từ hôm đó mẹ Howard ghét tôi rồi. Tôi cá là bác ấy không muốn tôi xuất hiện trong căn nhà đó nữa, bởi những từ ngữ cộc cằn, thô lỗ của tôi chỉ tỏ làm vấy bẩn lòng thánh thiện của họ mà thôi.

Đêm đó, tôi dắt Xương Chạc ra ngồi ngoài hiên cùng bác Gus và bác Bertha. Thi thoảng nó lại ghéch tai lên nghe ngóng tiếng thỏ, hoặc tiếng con gì đó sột soạt trong rừng. Nhưng một lúc sau, nó quyết định nằm xuống và gác cằm lên mấy ngón chân tôi. Nó còn chẳng thèm bận tâm tới lũ mèo đang lang vảng xung quanh.

“Bác nghĩ cháu có một chú chó ngoan đấy, Charlie,” bác Gus nói.

Tôi cười với Xương Chạc. “Cháu cá là nó cũng ngoan như con Skeeter của bác vậy,” tôi đáp.

Bác Gus gật đầu tán thành. “Bác cũng nghĩ vậy.”

“Hai bác cháu biết em thích nhất điều gì về loài chó không?” bác Bertha lên tiếng.

Bác Gus và tôi chờ đợi câu trả lời.

“Chúng luôn yêu thương người chủ vô điều kiện.” Bác Bertha cười với Xương Chạc. “Hừm, em biết có những kẻ gàn dở, hợm hĩnh, và thậm chí cả những kẻ hai mặt đều có, thế mà tụi chó vẫn yêu thương và tôn thờ những kẻ đó, như thể người chủ của chúng là thánh thần vậy. Hai người hiểu ý em không?”

Bác Gus gật đầu và đáp, “Ừm.”

“Em ghét phải thú nhận điều này,” bác Bertha tiếp tục, “nhưng em tin là một nửa đám mèo kia sẽ bỏ em nếu ai đó đem cá mòi đến dụ chúng, và nếu đã đi rồi thì chúng sẽ chẳng quay lại với em nữa đâu.”

Tôi cúi người và luồn tay xuống dưới mạn sườn Xương Chạc. Lông của nó thật mềm mại và ấm áp, và nó đang khe khẽ ngáy trong giấc ngủ say sưa. Sau đó, tôi ngược nhìn bầu trời và thấy biết ơn vô hạn. Đã lâu lắm rồi tôi không có cảm giác này. Tôi biết ơn vì có một chú chó, và biết ơn vì chú chó đó sẽ mãi yêu thương tôi vô điều kiện.

Sáng hôm sau, việc đầu tiên khi tôi vừa mở mắt dậy là đi kiểm Xương Chạc để chắc chắn chuyện xảy ra hôm qua không phải là mơ. Và tất nhiên, nó vẫn nằm đó, cuộn tròn người trên sàn nhà ngay cạnh giường tôi. Tôi đã cho nó một chiếc gối, và nó liền nằm ngay lên đó mà chẳng hề do dự.

Cả buổi sáng hôm đó tôi tắm rửa, chải chuốt, gấp gai nhọn găm vào đuôi Xương Chạc và bắt ve rận trong đôi tai dài của nó. Tôi biết nó không thích, nhưng nó vẫn để tôi kiểm tra từng bộ phận cơ thể. Khi tôi xong việc,

Xương Chạc trông vô cùng bảnh bao và thơm tho, nên bác Bertha cứ xuýt xoa mãi, và bác ấy cứ chạy ra chạy vào để lấy thêm gan gà cho nó. Xương Chạc gầy đến mức bạn chỉ cần nhìn cũng có thể đếm được từng chiếc xương sườn trên người nó.

“Chúng ta phải tắm rửa cho nó thôi,” bác Bertha nói.

Sau bữa trưa, tôi tập dượt nó đi dạo với chiếc dây thừng chằng vào vòng cổ của nó. Đầu tiên, nó tỏ vẻ không thích ra mặt. Nó liên tục lúc lắc đầu, hoặc lì lợm ngồi xuống và không chịu nhúc nhích. Nhưng tôi đã thử sẵn một túi nilon đầy phô mai, thịt muối và mấy thứ ăn vặt khác để dụ nó đi theo, nên một lát sau, nó đã có thể đi dạo bên tôi vô cùng thuần thục. Chúng tôi đi quanh sân. Trong khu vườn. Đến đầu đường rồi quay lại. Sau đó, tôi buộc dây thừng vào cây sồi to đậu cheo leo trên vách núi sau hiên nhà để Xương Chạc nằm ngủ, và bác Bertha đặt một tấm khăn trải bàn ngay cạnh chỗ nó nằm. Chúng tôi ăn trưa bằng món bánh mì kẹp phô mai ớt ngọt, và uống trà ngọt. Bác Bertha kể cho tôi câu chuyện về ông già Cooter từng là thị trưởng ở Colby.

“Ông ta lúc nào cũng đeo súng,” bác ấy nói. “Và nếu ai đó đỗ xe không đúng quy định trước tòa thị chính, ông ta sẽ bắn xẹt lốp xe họ.”

“Thật à?”

“Thật đấy. Và hồi trước vợ ông ta giặt quần lót xong toàn buộc vào ăng ten xe hơi, rồi lái xe vòng quanh thị trấn để hong khô quần nữa đấy.”

Tôi chun mũi và thốt lên, “Eo ơi.”

Bác Bertha cười phá lên. “Công nhận là ghê thật! Mỗi lần bác thấy cái quần chíp to cỡ xì đó bay phàn phật trong gió, bác đều tưởng tượng nó là quốc kỳ của Xứ sở Mông to đấy.”

Tôi và bác Bertha bật cười ha hả sau câu nói đó. Thi thoảng, Xương Chạc lại khẽ giật cẳng chân và thở dài trong lúc ngủ say. Tôi thắc mắc liệu

có phải nó đang mơ về việc được chạy nhảy tự do vì bị tôi tròng dây xích không. Tôi hy vọng là không phải vậy.

Tôi nhấp một ngụm trà ngọt và ngấm lỗ ong mật rập rờn giữa đám cỏ ba lá.

Cỏ ba lá! Có thể tôi sẽ tìm thấy một nhánh cỏ bốn lá trong đám đó. Nên khi bác Bertha tiếp tục kể chuyện vợ chồng ông Cooter mua một mỏ vàng ở Nevada rồi chuyển nhà tới đó, tôi bắt đầu tìm kiếm trong đám cỏ. Và tất nhiên tôi đã tìm thấy một nhánh cỏ bốn lá. Nhưng tôi không ngắt nhánh cỏ đó. Nếu bạn ngắt cỏ bốn lá, thì bạn sẽ gặp may mắn, nhưng nếu bạn để nó tiếp tục sống, thì bạn có thể ước một điều, nên tôi đã thầm ước với nhánh cỏ bốn lá đó.

Sau bữa trưa, tôi quyết định sẽ đến làm lành với Howard, nên tôi đã buộc dây thùng xích Xương Chạc vào ghi đông xe đạp của Lenny rồi đạp xe về phía nhà Odom. Có vẻ Xương Chạc rất thích chạy theo xe đạp của tôi. Đôi tai dài của nó bay phấp phật trong gió, còn lưỡi thì lè ra để thở.

Khi tôi tới nhà Howard thì nó, Dwight và Cotton đang chơi một trò gồm ném lon và đâm nhau trong sân.

“Này, mọi người!” Tôi reo lên. “Xem tớ mang ai tới này!”

Tụi nó chạy như bay đến chỗ tôi, rồi đứng túm tụm quanh Xương Chạc và thi nhau vuốt lưng và vỗ về đầu nó.

“Woa, Charlie,” Howard nói. “Cậu bắt được nó rồi!”

Tôi cười toét miệng đầy tự hào. “Đúng vậy!” tôi nói. “Nó thật bảnh phải không?”

Howard gãi nhẹ tai Xương Chạc. “Hình như nó lai giống chó săn thỏ đấy,” nó nói. “Tớ thích đôi tai của nó.”

Khi cả lũ con trai nặng xị vì Xương Chạc, nó chỉ ngồi im lặng và lim dim mắt mỉm cười.

Tụi tôi chơi cùng Xương Chạc cả chiều hôm đó. Cotton ném bóng ngô cho nó đóp, còn Dwight cầm dây thừng dẫn nó đi vòng quanh sân, và lệnh cho nó nhảy lên ngồi trên một chiếc thùng ướp lạnh cũ. Howard thậm chí còn dạy Xương Chạc bắt tay nữa, và nó tiếp thu rất nhanh!

“Nó thông minh thật!” Howard thán phục, và tất cả chúng tôi đều gật đầu tán thành.

“Tụi mình đưa nó đến chỗ mẹ biểu diễn đi,” Howard nói, rồi đi cà nhắc lên hiên nhà.

Bởi mọi người đều nhặng lên khi thấy Xương Chạc, nên tôi đã quên bém điều tôi nói hôm qua trong cơn giận dữ. Và tôi đã sực nhớ ra những lời lẽ xấu tính đó khi bác gái xuất hiện ngoài sân để gặp Xương Chạc. Mặt tôi nóng bừng vì xấu hổ, và tôi không tài nào nhìn thẳng vào mắt bác ấy.

Howard cho bác gái xem Xương Chạc diễn trò ngồi trên thùng ướp lạnh và bắt tay.

“Nó thật thông minh, mẹ nhỉ?” Howard nói.

“Chắc chắn rồi,” bác ấy đáp. “Và nó thật may mắn khi tìm được người bạn tốt như Charlie.”

Tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm. Có lẽ mẹ Howard không hề giận tôi.

“Con sẽ đi lấy chút đồ ăn vặt để dạy nó lăn,” Howard nói.

“Ý hay đấy.” Bác gái xoa đầu tôi. “Món bánh thịt sóc của mẹ vừa mới ra lò đấy.”

Khi nghe bác ấy nói thế tôi chỉ ước mặt đất nứt ra một lỗ để tôi chui xuống. Hoặc tôi có thể đột nhiên biến mất vào thinh không. “*Bam!*” một tiếng. Rồi biến mất. Nhưng tất nhiên tôi chẳng có khả năng đó, nên tôi cứ đứng trân trân ngoài hiên với khuôn mặt nóng bừng và ruột gan quặn thắt.

Dwight và Cotton la hét và đập bôm bốp vào đầu gối phản đối, “Bánh thịt sóc á?”

Bác gái quàng tay lên vai tôi, và khi tôi có đủ dũng khí để ngược lên, thì bác ấy đã nháy mắt với tôi. “Bác rất vui khi ở đây có thêm một cô gái nóng nảy để giúp bác quản lý mấy đứa con trai này. Bác mong mãi mới có được một cô gái về phe mình đây.”

Về phe bác ấy ư? Bác gái cần tôi về phe mình á?

Tôi ước mình có thể lưu lại mãi mãi khoảnh khắc đẹp đẽ trong khoảng sân um sùm cỏ đó: một mình tôi đứng giữa những người nhà Odom tốt bụng và trước mặt là Xương Chạc ngồi trên thùng đá. Tôi ước mình có thể đóng khoảnh khắc đó vào một trong những chiếc hũ thủy tinh bác Bertha chất đầy phòng tôi. Và sau này, bất cứ khi nào tôi thấy bản thân tồi tệ, hoặc cảm thấy quá tải vì phiền muộn, tôi có thể mở chiếc hũ đó ra để hít hà cái khoảnh khắc tốt lành, trong trẻo này, bởi nó có thể khiến tôi thấy phần chân hơn.

Nhưng tôi chẳng thể lưu lại khoảnh khắc đó. Howard mang một miếng gà trong bếp ra, và chúng tôi đã thử dạy Xương Chạc lăn. Nhưng nó chỉ nhăm nhe chén miếng gà đó thôi.

“Căn nhà ở Raleigh của tớ có hàng rào bao quanh, nên khi nào về đó Xương Chạc có thể tha hồ chạy nhảy trong sân,” tôi nói.

Khuôn mặt tươi cười của Howard xị xuống, và nó nói, “Cậu nghĩ liệu mẹ cậu có cho phép cậu nuôi Xương Chạc không?”

Chết tiệt! Tôi đã mong nó không hỏi câu đó, vì đây chính là nỗi lo âu thường trực trong tôi mấy hôm nay - dù tôi đã cố gắng hết sức để kìm nén nó lại. Thực ra tôi biết thừa mẹ sẽ phản ứng thế nào nếu tôi dẫn Xương Chạc về nhà. Nhưng tôi đã xoay xở gạt nỗi lo đó đi và đáp, “Chắc chắn rồi. Mẹ tớ chắc chắn sẽ thích nó.”

“Bao giờ cậu đi?” Howard lí nhí hỏi tiếp. Giọng nó có vẻ hơi run rẩy.

Tôi nhún vai. “Tớ chẳng biết,” tôi nói. “Sớm thôi. Chắc vậy.” Nhưng

trong thâm tâm, tôi biết rằng mẹ tôi vẫn chưa hề bình ổn trở lại. Kể từ khi đến Colby, tôi vẫn chưa nhận được tin gì từ mẹ, dù là những thứ vô cùng nhỏ bé tầm thường như một tấm bưu thiếp hay một cuộc gọi. Tôi biết mẹ vẫn đang nằm bệt trong căn phòng tối, mặc áo choàng tắm, uống nước có ga không đường trừ bữa, và chẳng mảy may nghĩ đến tôi.

Sau đó Howard yên lặng, nên một lúc sau tôi lại buộc dây xích Xương Chạc vào ghi đông rồi đạp xe quay về nhà bác Gus và bác Bertha. Khi tôi về tới nơi, bác Gus đang ngồi bên bàn bếp, còn bác Bertha bận thái những quả ớt chuông xanh trong vườn và nói liến thoắng về cái hiệu thuốc “sang chảnh” người ta mới xây trên Đường 26.

“Ồ, hai đứa về rồi này,” bác Gus nói khi thấy tôi và Xương Chạc. “Cô bé Butterbean và chú chó Xương Chạc.” Sau đó bác ấy lục tìm trong túi áo rồi chìa một vật về phía tôi. Đó là một chiếc thẻ tên cho chó hình khúc xương, phía trên được khắc chữ Xương Chạc. Bác ấy lật chiếc thẻ tên lại để cho tôi xem số điện thoại được khắc trên mặt đó.

“Gus!” bác Bertha reo lên. “Anh đúng là chàng hoàng tử trong nhà này.” Bác ấy thom nhẹ vào má bác Gus. “Bác ấy đúng là một chàng hoàng tử nhỉ, Charlie?”

Tôi gật đầu.

“Thế thì chắc anh phải là vua mới đúng, hai người nhìn cái kia đi,” bác Gus gật đầu về phía cây treo áo cạnh cửa hậu. Bên cạnh những chiếc áo mưa và áo khoác len là một chiếc dây dắt chó màu đỏ.

“Bác nghĩ nó cần một chiếc dây bằng da xịn thay vì cái dây thùng cũ xì đó,” bác Gus nói.

Bác Bertha lại thom má bác Gus lần nữa. “Giờ thì anh là vua thật rồi,” bác ấy nói. “Nhỉ, Charlie?”

Tôi vẫn chưa hết ngạc nhiên khi bác Gus đối tốt với tôi hết lần này đến

lần khác như vậy. “Dạ, thưa bác,” tôi tán thành. “Đúng vậy ạ.”

Sau đó bác Gus tháo vòng cổ của Xương Chạc, gắn thẻ tên lên đó, rồi đeo lại cho nó. Khi nhìn Xương Chạc đeo chiếc vòng cổ và chiếc thẻ mang tên nó, tôi cảm thấy nó sẽ mãi thuộc về mình. Ngay lúc này ở bên tôi, nó không còn là chó hoang nữa rồi.

Và ngay giữa khoảnh khắc hạnh phúc đó, đột nhiên tâm trí tôi nảy ra một suy nghĩ khiến tôi phải vội vã gạt bỏ ngay. Và suy nghĩ đó là: *Tôi* thực sự thuộc về nơi đâu trong thế giới rộng lớn này?

Mười lăm

Hôm sau, trước giờ học trường Chúa Nhật, tôi chạy tới bảng tin trong phòng giao lưu để xem Khu vườn Phước lành. Tôi tìm kiếm trong đồng hoa cho đến khi tìm thấy đóa hoa của mình. Tôi nghĩ chắc những đóa nhóc khác có nhiều phước lành lắm, vì tụi nó đã làm rất nhiều hoa. Tôi chỉ viết đúng dòng chữ “Tôi khỏe mạnh,” vì Audrey cũng viết như vậy lên một trong những đóa hoa của nó. Tôi nhẹ nhàng gỡ đóa hoa của mình xuống, và dùng cây bút sáp màu tím viết thêm: “Tôi có một chú chó tên là Xương Chạc.”

Khi tôi tới trường Chúa nhật, tôi đã cố kể chuyện Xương Chạc với tụi nhóc ở đó, nhưng có vẻ chẳng đóa nào quan tâm đến chuyện của tôi. Tụi nó còn đang mãi liệt kê ra đủ loại tội lỗi để cô Mackey ghi lên bảng.

Chửi rủa.

Bắt nạt.

Nói dối.

Không vâng lời cha mẹ.

Những tội lỗi bay lượn khắp căn phòng hết như những con quạ đen bay lượn trên cánh đồng ngô vậy.

“Charlie,” cô Mackey gọi tôi. “Em có nghĩ ra tội lỗi nào không?”

Tôi tin là việc mẹ tôi bỏ rơi các con để bắt đầu làm lại cuộc đời cũng là một tội lỗi. Nhưng tất nhiên tôi không định nói ra chuyện đó, nên tôi chỉ đáp, “Không ạ, thưa cô.”

“Thế còn đá và xô ngã bạn thì sao?” Audrey lên tiếng.

Khi ấy Howard đang ngồi cạnh tôi, và nó lập tức thì thầm vào tai tôi câu thần chú “*Dừa. Dừa. Dừa.*”

Có thể vì khi ấy chúng tôi ngồi trong trong nhà thờ, nên một điều kì diệu đã xảy ra. Tôi đã kiềm chế được cơn giận của mình và nén chặt nó vào lòng. Tôi mỉm cười và mím môi để không buột miệng nói điều gì tệ hại trong khoảnh khắc kì diệu ấy. Sau đó, một điều kì diệu hơn nữa đã đến bên tôi, và thúc giục tôi nói với Audrey, “Là tớ đã sai khi đá vào chân và xô ngã cậu như vậy, Audrey ạ. Tớ xin lỗi.”

Câu nói đó khiến Audrey vô cùng bất ngờ. Lông mày nó rướn cao, còn miệng thì há hốc, và sau đó nó đáp, “Không sao mà.”

Trên đường trở về phòng giao lưu sau giờ học, Howard đã vỗ lưng tôi và nói, “Làm tốt lắm, Charlie. Tớ đã nói là câu thần chú trái dừa của tớ sẽ hiệu nghiệm mà.”

Tôi đếm ngược từng giây phút đến ngày cuối cùng của học kì. Cuối cùng ngày đó cũng tới, và tôi lại xỏ đôi boot diễu hành của Jackie đến trường. Dù đôi boot đó nóng và khiến tôi trầy gót chân, nhưng tôi mặc kệ. Tôi hiên ngang bước giữa hai hàng ghế xe buýt và nháy mắt với mấy đứa con gái cười khúc khích y như lời Jackie dặn.

“Cứ nháy mắt với bọn nó,” Jackie khuyên tôi qua điện thoại. “Em mà nháy mắt thì tụi nó sẽ bối rối và không biết phải làm gì tiếp đâu.”

Vài đứa vẫn tiếp tục khúc khích cười khi tôi ngồi phịch xuống cạnh Howard và đưa cho nó một chiếc bánh muffin chuối của bác Bertha.

“Cảm ơn cậu,” nó đáp. Sau đó nó bẻ đôi chiếc bánh, nhặt ra những quả nho khô rồi xếp thành một đống giữa hai đứa.

“Hôm qua Xương Chạc đã đào mấy cây đậu lên đây,” tôi nói.

“Chà, chà.” Howard cắn một miếng bánh rồi nhăn mặt. Nó lòi ra một

quả nho khô trong miệng rồi xếp tiếp lên chồng nho trên ghế. “Bác Gus có bọc không?”

“Không. Bác ấy chỉ bảo lần sau tớ không được cho Xương Chạc vào vườn nữa thôi.”

“Thế bác Bertha có bọc không?”

Tôi lắc đầu. “Bác ấy chỉ kể chuyện về chú chó nhà hàng xóm của bác ấy hồi trước thôi. Chú chó đó có thể ăn ngô ngay trên cây trong vườn nhà ông ngoại của bác hàng xóm đó, và nó đã ăn nhiều đến mức suýt chết vì bội thực.”

Khi xe buýt xuống núi, tôi bắt đầu nghĩ ngợi miên man về ngôi trường cũ ở Raleigh. Tôi cảm giác mình đã ở Colby lâu lắm rồi. Và kể từ khi tôi chuyển đến đây, chưa đưa bạn nào ở Raleigh liên lạc với tôi trừ Carlene Morgan. Nó gửi cho tôi một tấm bưu thiếp có hình tòa nhà Quốc hội, nơi cả lớp tôi được đi tham quan.

Cậu may mắn vì không phải đi chuyến này đây, nó viết trong bưu thiếp. Chỗ đó chán òm ả mà. HAHA.

Jackie kể là đã gặp Alvina, bạn thân của tôi ở rạp chiếu phim cùng vài thành viên trong đội Nữ Hướng đạo sinh.

“Nó có hỏi thăm em không?” tôi hỏi.

“Không, nhưng chị nói với nó là em sống rất ổn,” Jackie nói.

Sống rất ổn á?

Ha!

Sao Jackie biết tôi ổn hay không ổn cơ chứ? Bà còn đang mãi mê đắm chìm trong cuộc sống hoàn hảo cùng Carol Lee thì làm gì có thời gian mà nghĩ đến tôi. Thậm chí bây giờ bà gần như còn chẳng liên lạc với tôi nữa ấy chứ.

Hồi lớp Ba, có lần tôi đã cùng bố đến nghĩa trang thăm mộ ông nội.

Chúng tôi tìm đến tấm bia đá có khắc tên *Albert Eugene Reese*. Ở phía trên còn khắc dòng chữ *Đời đời tưởng nhớ*. Tôi thì chưa nằm dưới sáu tấc đất như ông nội Albert, nhưng tôi cảm thấy mình cũng giống như một người đã chết, nhưng khác với ông nội - tôi bị tất cả mọi người lãng quên mất rồi.

Bác Bertha lúc nào cũng gợi ý rằng tôi nên mời bạn cũ ở Raleigh đến Colby chơi hè này. Tôi không muốn làm bác buồn đâu, nhưng thú thực tôi thấy ý tưởng đó khá tệ. Chúng tôi sẽ làm gì ở đây chứ? Ngồi nhìn cây bí mọc trong vườn à? Ra ngồi ngoài hiên ngắm chòm Phi Mã cả tối ư? Rồi tụi nó sẽ ngủ ở đâu? Cả lũ sẽ cùng chen chúc tranh nhau cặp gối Lọ Lem trên cái giường bé tí của tôi à? Không, tụi con gái Raleigh mà đến Colby thì sẽ chán chết mất.

Khi tiếng chuông cuối cùng của học kì vang lên, tôi đã cố hết sức lao thật nhanh ra khỏi lớp. Ngày nào tôi cũng đếm từng phút để chờ đến lúc được về nhà cùng Xương Chạc. Bác Bertha nói rằng nó luôn đứng trước cửa và rên rỉ mỗi khi tôi đi học. “Thật đấy,” bác ấy khẳng định. “Bác mà nói dối thì sẽ bị sét đánh trúng đầu luôn.”

Khi chiếc xe leo dốc, tôi ngắm khung cảnh ngoài cửa sổ, còn Howard vẫn đang mải thao thao bất tuyệt về chuyện Burl vừa mua xe máy, và mẹ nó đã nổi cơn giận dữ chưa từng thấy.

Và bạn biết sao không? Tôi đã thấy ba chú chim đậu cheo leo trên dây điện dọc đường. Ba chú chim đậu trên dây điện cũng là một trong những cách ước nguyện trong danh sách của tôi. Theo lời bác Ray bạn bố, thì phải có chính xác ba chú chim mới có thể ước nguyện được. Nên tôi đã nhanh chóng thâm ước trước khi một trong số chúng bay đi mất.

Mười sáu

“Cháu đoán xem bác có gì này?” bác Bertha nói khi tôi vừa đặt chân đến cửa nhà. Bác ấy thò tay vào túi tạp dề và rút ra một phong thư. “Bố cháu gửi thư đây!”

“Thật ă?” Tôi nhìn thật kĩ phong thư trong tay bác ấy. Đúng là chữ của bố già Thích Gây Gở rồi, không thể lẫn vào đâu được. Trên phong thư là những hàng chữ in lượn sóng, to đùng, hết như chữ viết của trẻ con lớp một ấy.

Tôi mắc dây xích vào vòng cổ của Xương Chạc và dắt nó ra trước sân. Tôi ngồi vào chiếc ghế gấp của bác Gus đặt cạnh khu vườn, và quan sát phong thư thật kĩ.

Cô Charlie Reese

Nếu như mẹ gửi thư cho tôi (nhưng tôi biết thừa mẹ chẳng bao giờ làm điều đó), thì mẹ sẽ viết tên tôi là *Cô Charlemagne Reese* để khiến tôi thêm bức mình. Và có thể trong thư mẹ sẽ nói là tạm biệt nhé, mẹ đã bỏ con để bắt đầu làm lại cuộc đời mẹ rồi.

Tôi quan sát thật kĩ phong thư thêm lần nữa. Ở góc trên cùng có dòng chữ *Trung tâm Cải tạo Quận Wake*.

Chà, cụm từ đó nghe không đến nỗi tệ như *nhà tù quận*. Tôi nghĩ là mấy người trong nhà tù quận sẽ phải ở lại đó lâu hơn. Nhưng nếu bố tôi chỉ bị cải tạo, thì chắc bố sẽ sớm được thả thôi.

Tôi ngửi thử phong thư xem có mùi nước hoa cạo râu của bố không, nhưng nó chẳng có mùi gì. Tôi rút ra tờ giấy sỏ gấp đôi rồi vuốt thẳng trên đùi mình.

Charlie yêu quý,

Chào con, bố già Thích Gậy Gõ của con đây. Con vẫn khỏe chứ?

Bố vẫn ổn.

Nơi này cũng được, ngoại trừ món nước sốt thịt lợn nhón và mấy chiếc gối có rận thôi.

Hôm trước Jackie đã đến thăm bố và mang sô cô la Hershey với kem đánh răng cho bố đây.

Bố đoán chắc là con ở nhà bác Gus và bác Bertha rất vui. Con nói với hai bác là khi nào bố kiếm được tiền, bố sẽ gửi cho hai bác ấy nhé.

Yêu con,

Bố già Thích Gậy Gõ của con.

Tôi lật mặt sau tờ giấy để xem bên đó còn gì không.

Chẳng có gì cả.

Chỉ có vậy thôi.

Tôi nhìn vào chữ “yêu”, rồi dùng ngón tay chạm nhẹ những chữ cái đó. Sau đó tôi gấp lá thư lại và nhét nó vào phong bì.

Ngày hôm sau, tôi mới ở nhà từ sáng đến trưa mà đã thấy chán òm. Tôi đã luyện cho Xương Chạc trò ngồi và giữ nguyên tư thế. Tôi đã giúp bác Bertha đếm số quả mướp tây để tính xem chúng tôi cần bao nhiêu chiếc hũ mới muối hết được đồng đó. Tôi đã đi tìm cỏ bốn lá sau nhà, nhưng lại chẳng tìm được nhánh nào. Sau đó tôi đã chia cho Xương Chạc nửa chiếc bánh kẹp bơ lạc, và thế là hết việc. Tôi chẳng còn gì để làm nữa.

Vậy nên tôi đã quyết định đạp xe của Lenny sang nhà Howard chơi. Tôi

móc dây xích của Xương Chạc vào ghi đông, và sau đó chúng tôi khởi hành.

Khi tôi tới nơi, nhà Odom đang nhộn nhịp hết như một tổ ong vậy. Thằng bé Cotton đang chế tạo thứ gì đó bằng đá và cành cây trong một khoảng nhỏ râm mát cạnh hiên nhà. Burl và Lenny đang cùng ngắm động cơ chiếc xe máy Burl mới tậu trên lối vào gara. Thi thoảng, một trong hai người lại lấy cờ lê đập thứ gì đó. Dwight thì tập ném bóng vào chiếc rổ lắp trên cột đèn đường ngay sát mép sân. Còn Howard á? Tôi thật sự không tin nổi khi thấy trò nó đang làm. Trời ạ! Ông tướng đó đang ngồi trên chiếc tràng kỷ cũ rách ngoài hiên chơi giải ô chữ! Đứa trẻ nào lại ngồi chơi cái trò đó vào ngày đầu tiên của kì nghỉ hè cơ chứ?

“Chào cậu,” nó nói, rồi chỉnh lại gọng kính.

Xương Chạc nhảy phóc lên ngồi bên nó trên tràng kỷ, và nằm phịch xuống thở hổn hển.

“Chào,” tôi vén tóc sau gáy rồi lấy tay quạt cho mát. “Trời nóng phết nhỉ,” tôi nói.

“Cậu muốn ôn tập cho trò Thám tử Kinh thánh không?” Howard hỏi.

Trò Thám tử Kinh thánh á?

Tôi suýt buột miệng, “Cậu điên à?” nhưng tôi đã kiềm chế được mình, “Không, giờ tớ không có tâm trạng học Kinh thánh cho lắm.”

“Tớ sẽ cho cậu vài đồng xu Thám tử,” nó nói.

Tôi lắc đầu. “Không cần đâu.”

“Thế cậu muốn làm gì?”

Tôi nhún vai. “Tớ vừa nhận được thư của bố.”

Howard ngồi thẳng dậy. “Thật á?” Nó đặt trò giải ô chữ sang một bên. “Bố cậu gửi thư từ trong nhà tù á?”

“Không phải nhà tù,” tôi chỉnh lại. “Đây là trung tâm cải tạo.”

“Cũng giống nhau cả mà,” Howard nói.

“Không giống!”

“Giống mà.”

“Không phải!” Tôi nói to đến mức khiến Xương Chạc giật mình thảng thốt. Nó ngóc đầu nhìn tôi như thể tôi bị điên vậy.

Dừa.

Dừa.

Dừa.

Tôi không muốn giận dữ Howard ngay trong ngày đầu tiên của kì nghỉ hè đầu.

Thú thực là mặc dù tôi và Howard chỉ mới quen nhau chưa lâu, nhưng nó hiểu rõ tôi như đi guốc trong bụng vậy. Nó nhận ra tôi đang phải vật lộn chiến đấu với cơn giận dữ của mình, nên đã lập tức chuyển chủ đề. “Chà, thật tốt khi bố cậu gửi thư.” Nó gãi tai Xương Chạc. “Thế bố cậu bảo sao?”

Tôi muốn kể cho Howard rằng bố nói rất nhớ tôi, và bố rất mong được về nhà để lại được xem chương trình *Vòng quay May mắn* cùng tôi. Rằng bố sẽ nấu một bữa tối sang chảnh cho mẹ, với nến sáng lung linh trên bàn và giọng hát của Willie Nelson vọng ra từ chiếc đài nhỏ, và có thể mẹ sẽ mặc chiếc váy đỏ bố thích. Và khi Jackie có bằng lái xe hơi, bố tôi sẽ cho bà lái xe chở cả nhà tôi về vùng quê để mua ngô và đậu tây ở một quầy nông sản bên đường. Sau đó chúng tôi sẽ về nhà và tổ chức tiệc nướng trong sân. Có thể chúng tôi sẽ nắm tay cùng tạ ơn Chúa trước khi ăn giống nhà Howard. Nhưng tôi không nói vậy. Tôi đã nói với nó sự thật.

“Bố tớ bảo ở đó có món sốt thịt lợn nhón, và gói thì có rận.”

“Tệ quá nhỉ.”

Tôi suýt kể với Howard rằng bố tôi đã kết thư bằng hai chữ *yêu con*, nhưng sau đó tôi nghĩ rằng chuyện đó nghe khá ngớ ngẩn đối với đứa con

trai ngày nào cũng được bố mẹ thương yêu từ khi mới lọt lòng như nó.

“Này, có thể hôm nào đó mẹ tớ sẽ giúp tui mình nướng bánh quy để gửi cho bố cậu.”

“Thật á?”

“Chắc chắn rồi,” Howard nói. “Cậu muốn ra sông chơi không?”

“Cũng được.”

Vậy là tôi, Howard và Xương Chạc đi ra phía sau gara và dò dẫm men theo con đường mòn hẹp uốn lượn giữa cánh rừng mát mẻ và ẩm ướt. Tôi thích ngửi mùi đất và rêu trong không khí, và cảm giác nhột nhột khi đám lá dương xỉ bên đường khẽ cọ vào cẳng chân. Xương Chạc đi ngay kế bên tôi, thì thoảng nó lại dừng chân để đánh hơi một cái cây hay đoạn rễ bị phủ kín bởi những chiếc lá rụng. Tôi thắc mắc liệu trước đây nó đã từng đi qua con đường này chưa. Tôi nghĩ nó biết rõ khu rừng này hơn bất cứ ai. Có khi trước đây nó đã từng ngủ dưới những tán cây này rồi ấy chứ.

Tôi rất muốn tháo xích để nó được chạy nhảy tự do, nhưng lại thấy sợ. Nhỡ nó chán tôi và quyết định chạy trốn để lại được làm chó hoang thì sao?

Khi chúng tôi ra đến bờ sông, suýt chút nữa Xương Chạc đã kéo tôi ngã theo khi nhảy ùm xuống dòng nước trong vắt, róc rách. Howard và tôi cởi giày, rồi nhảy từ hòn đá này sang hòn đá khác, và Xương Chạc cũng chạy nhảy bì bõm khiến nước lạnh bắn lên tung tóe.

“Vui thật đấy,” tôi nói.

“Đúng vậy.” Howard cười toét miệng khi đứng trên một phiến đá trơn. Tôi cứ nghĩ nó sẽ ngã nhào, nhưng thật may là nó vẫn đứng vững. Xương Chạc kêu lên một tiếng rất ngộ, và liên tục dớp vào dòng nước. Nó đang cố bắt những chú cá tuế nhỏ xíu bơi cực nhanh xung quanh mấy tảng đá.

“Trông nó kìa!” chúng tôi cùng thốt lên. Tôi nhảy từ phiến đá lên bờ sông rồi vẫy tay gọi Howard. “Đến đây nhanh nào,” tôi hét lớn. “Ngóắc tay

tớ đi.”

“Gì cơ?”

“Ngoắc tay,” tôi nói. “Chúng ta đều được ước một điều.”

“Thật hả?”

Tôi gật đầu. “Nếu hai người cùng lúc thốt lên một câu, họ có thể ngoắc tay và ước một điều,” tôi nói. “Jackie dạy tớ đấy.”

Thế là Howard cũng nhảy lên bờ sông, và chúng tôi cùng ngoắc tay. Tôi nhắm mắt và thầm ước.

“Cậu có ước gì không?” tôi tò mò.

“Không.”

“Sao lại không?”

Howard cúi người quờ tay trong làn nước làm mấy con cá tuế sợ hãi lao vút đi. “Thực ra tớ chẳng có điều gì để ước cả,” nó nói.

Tôi lắc đầu. Làm gì có ai không có điều gì để ước cơ chứ? Ý tôi là, có thể bạn chỉ ước những điều nhỏ xíu như không bị mụn cơm trên ngón cái, hay không phải ăn cháo yến mạch cho bữa sáng, đối với tôi như vậy cũng là *có cái* để ước rồi.

“Ồ, chán thật đấy, Howard,” tôi nói. “Chắc phải có gì đó chứ.”

“À, thực ra tớ cũng có một điều ước đấy.”

Sau đó chúng tôi lại ngoắc tay lần nữa, và Howard nhắm mắt lại.

“Cậu ước chưa?” tôi hỏi.

“Rồi.”

“Tớ nghĩ mình biết cậu vừa ước gì.”

“Tớ không thể nói ra được, nếu tớ nói ra thì làm sao nó thành hiện thực được. Cậu không nhớ à?”

“Ừ, cậu không được nói,” tôi nói. “Nhưng tớ thì được. Nếu tớ nói thì

không sao cả.”

Tôi không chắc có được làm thế không, nhưng tôi nghĩ là được.

“Cậu đừng nói tớ đúng hay sai là được,” tôi nói.

“Được rồi.”

“Cậu đã ước mình không bị cà nhắc,” tôi nói.

Khi vừa thốt ra những lời đó, tôi thực sự đã nhìn thấy chúng lướt nhanh trong không khí về phía Howard như những lưỡi dao lam sắc bén.

Mặt Howard chuyển thành trắng bệch, và nó cúi gằm xuống đất.

Tôi đã làm gì vậy?

Sao tôi lại nói thế chứ?

Tôi chỉ muốn rút lại những lưỡi dao lam đó, nhưng tôi biết mình không thể.

Đột nhiên tôi cảm thấy mọi thứ xung quanh ngưng lại. Vạn vật đều im lặng như tờ. Như thể nước dưới sông kia đột nhiên ngừng chảy, và lũ chim cũng ngừng hát. Như thể những đám mây trên đầu chúng tôi ngừng trôi lững lờ trên những dãy núi. Và ngay cả Xương Chạc cũng ngồi im như tượng bên tôi.

Nhưng Howard đã phá vỡ sự im lặng đó. Nó túm lấy đôi giày rồi đi một mạch về nhà, bỏ lại tôi một mình ngoài đó với trái tim trĩu nặng đầy xấu hổ.

Tôi ngồi lại bên bờ sông và bắt đầu đâm mình vào bể hồi hận. Jackie thường nói thế mỗi khi tôi thấy thương hại bản thân.

“Vì Chúa, Charlie,” bà nói, “đừng chìm đắm trong cái bể hồi hận của em nữa.”

Nhưng tôi không thể ngừng suy nghĩ. Sao tôi lại nói mấy lời khùng khiếp đó với đứa nhóc duy nhất ở Colby đối tốt với tôi? Nó là đứa muốn cho tôi những đồng xu Thám tử, và gửi bánh quy cho bố tôi đấy. Là đứa

nhóc chịu nghe tôi trút bầu tâm sự cơ mà?

Tôi lại tưởng tượng cái dây phơi quần áo treo đầy phiên muộn, và thấy mình bị treo lên một cái dây phơi khác. Tôi ngồi lại bên dòng sông và vô cùng hối hận khi nghĩ về việc mình đã hủy hoại ngày hè của Howard. Nhưng chuyện sau đó còn tệ hơn nữa. Một con sóc nhỏ lưng sọc bất ngờ lao ra từ thân cây mục ven sông, và Xương Chạc đã giật phăng dây xích trong tay tôi để đuổi theo con sóc đó. Trước khi tôi kịp phản ứng, thì Xương Chạy đã chạy mất dạng vào rừng.

Mười bảy

Tôi đã tìm Xương Chạc khắp rừng đến tận lúc tối mịt. Tôi đã gọi tên nó đến khản cả giọng. Tôi đã đi qua đi lại dọc quãng đường đến khi hai chân mỏi nhừ. Cuối cùng, tôi đành quay về nhà Howard để vào sân lấy xe đạp của Lenny. Tôi nghe tiếng gia đình họ đang ăn tối trong nhà, ai nấy cũng cười và nói “Chuyện bơ đi” hay đại loại thế. Tôi đã thử tưởng tượng cảnh họ quây quần bên nhau quanh bàn bếp. Tụi con trai xô đẩy để tranh giành chiếc bánh cuối cùng. Bác gái rán thêm gà và hôn nhẹ lên đỉnh đầu tụi nó. Đôi mắt bác trai lấp la lấp lánh khi nhìn ngắm gia đình hạnh phúc của mình. Tôi thắc mắc liệu Howard có kể cho mọi người điều độc ác tôi vừa nói với nó chiều nay không. Và nếu nó kể thật, thì không biết những người nhà Odom tốt bụng đó sẽ nghĩ thế nào về tôi nhỉ?

Khi về tới nhà, tôi liền đi thẳng vào phòng mình và lặn vào cái bể hơi hện lớn nhất đời. Tôi nằm lên chiếc gối của Xương Chạc trên sàn nhà, gửi mùi người nó còn vương lại trên gối, và khóc đến khi vô tình ngủ thiếp đi.

Tôi choàng tỉnh khi bác Bertha khẽ gọi tên tôi. Cả căn phòng tối om, chỉ có chút ánh sáng yếu ớt từ phòng khách lọt vào qua khe cửa.

Tôi liền nhắm chặt mắt để vờ như mình vẫn đang ngủ. Tôi không muốn kể cho bác Bertha về những chuyện đã xảy ra hôm nay. Chuyện Xương Chạc chạy trốn vì không muốn ở cùng tôi nữa. Và chuyện tôi đã nói ra những lời ác ý với Howard.

Tôi đã nghĩ bác Bertha sẽ ra ngoài, nhưng bác ấy vẫn ở lại. Bác ấy khẽ lay người và gọi tên tôi.

“Cháu ra ăn chút gì đi,” bác ấy nói.

“Cháu không đói,” tôi úp mặt vào gối làm bằm.

“Bác nấu món cháo yến mạch với phô mai và thịt xông khói cháu thích đấy.”

Tôi lắc đầu. Tôi thấy mình giống hết một đứa nhóc đang hồn dỗi. Thậm chí tôi còn muốn mút ngón tay nữa. Hồi ở Raleigh, mỗi khi tôi cư xử như thế mẹ tôi thường nói, “Đừng có rên rỉ như em bé thế nữa, không là mẹ đánh cho đấy.”

Nhưng bác Bertha lại nói: “Cháu biết đấy, thi thoảng nếu cháu có một ngày xui xẻo, thì món cháo yến mạch sẽ làm cháu thấy phần chán hơn.” Bác ấy dùng khuỷu tay khẽ huých tôi. “Kinh nghiệm của bác đấy.”

Tôi ngồi dậy, hai tay ôm đầu gối. Tôi nhích người gần hơn về phía bác Bertha, đến khi tay và đầu gối tôi chạm vào tay và đầu gối của bác ấy. Bác ấy có mùi như một người đã đứng bếp nấu ăn cả ngày. Người bác ấy tỏa ra mùi thịt xông khói, cà phê và quế. Nhưng trông bác ấy lại giống một người đã làm việc ngoài trời cả ngày. Làn da rám nắng và thân hình rắn rỏi. Và những đầu móng tay dính đất.

“Xương Chạc đi mất rồi ạ,” tôi lí nhí.

Bác Bertha gật đầu và vén một lọn tóc ra sau tai. “Bác Gus đang đi tìm nó rồi,” bác ấy nói. “Cháu có thể tin tưởng bác ấy mà.”

Tôi cảm thấy đỡ buồn hơn một chút. Tôi tin lời bác ấy. Bác Gus đúng là người tôi có thể trông cậy được.

“Nhưng nhờ Xương Chạc lại muốn làm chó hoang thì sao ạ?”

Bác Bertha ngồi thẳng dậy và nâng cằm tôi. “Nè Charlie Reese,” bác ấy nói. “Cháu nghĩ chú chó đó không phân biệt được tốt xấu sao?”

“Cái gì tốt cơ ạ?” tôi rầu rĩ.

Bác ấy giờ tay lên đếm. “Thứ nhất là nó được ăn xúc xích bologna mỗi sáng này. Thứ hai là nó được nằm trên gối. Và thứ ba là nó được một thiên thần yêu thương.”

Thiên thần á?

Ha!

Tôi quyết định hủy hoại hình tượng thiên thần của mình ngay trước mặt bác Bertha. “Cháu đã nói với Howard một điều rất ác độc,” tôi lí nhí.

Im lặng.

Sao tôi lại kể với bác ấy điều đó chứ? Tôi ước mình có thể rút lại điều mình vừa nói. Tôi muốn dùng lưới vớt hết những từ đó lại như người ta đi bắt bướm ấy. Và bảo toàn hình tượng thiên thần trong mắt bác Bertha.

Sau đó tôi lại suy nghĩ tiêu cực. Nhỡ điều bác Bertha nói về chuyện tụi chó thương yêu chủ vô điều kiện là sai thì sao? Nhỡ Xương Chạc chạy trốn vì thấy tôi xấu tính thì sao?

Tôi cảm nhận hơi ấm của bác Bertha, và nghe tiếng thở nhẹ nhàng của bác trong bóng tối tĩnh mịch bao trùm căn phòng nhỏ đó. Cuối cùng bác ấy vỗ nhẹ đầu gối tôi và nói, “Cháu phải ăn chút cháo yến mạch đi.”

Sáng hôm sau, khi vừa tỉnh giấc, tôi liền nhìn ngay xuống chiếc gối trên sàn nhà, và mong được nhìn thấy Xương Chạc nằm đó.

Nhưng chỗ đó trống không.

Tôi lao vào bếp. Bác Bertha đang tước vỏ đậu bên bàn bếp.

“Bác Gus đâu ạ?”

“Bác ấy đi làm rồi.”

Tôi ngồi vào chiếc ghế đối diện bác ấy. “Chắc bác ấy không tìm thấy Xương Chạc ạ?”

Bác Bertha buồn bã nhìn tôi và lắc đầu. “Ừ, bác ấy chưa tìm thấy nó. Nhưng bác Gus nhờ bác nhắn lại với cháu là chúng ta có thể tiếp tục tìm kiếm nó khi bác ấy đi làm về. Đêm qua bác Gus đã dựng lại chiếc bẫy của cháu, và bác đã đặt một ít thức ăn vào trong đó, nên giờ chúng ta có thể ngồi canh bẫy. Và đừng quên là Xương Chạc có thể tên trên vòng cổ đây nhé. Chắc chắn người ta sẽ liên lạc với chúng ta ngay khi họ thấy nó.” Bác ấy đẩy hộp ngũ cốc về phía tôi. “Cháu ăn sáng đi.”

Nhưng làm sao tôi nuốt nổi với cái bụng dạ rối bời thế này? Tôi còn một vấn đề khác nữa. Đó là Howard. Tôi phải làm sao với Howard đây?

Tôi lại cảm thấy tội lỗi sục sạo trong lòng khi quan sát bác Bertha tước vỏ đậu. Thi thoảng bác ấy lại ngược lên nhìn tôi, và mỗi lần như thế tôi lại liếc thật nhanh sang chỗ khác. Ở phía bên kia chiếc bàn, bác Bertha đang nghĩ tôi là một thiên thần. Nhưng ở phía này, tôi biết chắc chắn rằng mình còn lâu mới làm thiên thần được.

“Bác không định hỏi xem cháu đã nói gì độc ác với Howard ạ?” tôi thắc mắc.

Bác ấy lắc đầu. “Không, bác không tò mò chuyện đó đâu.”

“Sao lại thế ạ?”

Bác Bertha ném một nắm đậu vào trong bát và nhào người về phía tôi. “Charlie à,” bác ấy nói. “Ta không thể đánh giá một người qua lỗi lầm của họ được. Ta phải xem cách họ sửa chữa lỗi lầm đó chứ.” Bác ấy vỗ bàn tay tôi. “Vớ lại, cháu nghĩ bác chưa từng lỡ lời nói điều gì xấu xa ư?” bác Bertha nháy mắt. “Cháu không tin thì cứ hỏi bác Gus ấy.”

Tất nhiên bác Bertha từng nói rất nhiều thứ trong đời rồi, bác ấy hay chuyện thế cơ mà. Nhưng tôi tin chắc là bác ấy chưa từng thốt ra điều gì xấu xa như điều tôi đã nói với Howard. Bác Bertha và xấu xa chẳng ăn nhập gì với nhau hết.

“Nào, cháu đi thay quần áo đi, rồi chúng ta sẽ tiếp tục nghĩ cách tìm Xương Chạc nhé,” bác Bertha nói.

Nhưng trước khi tôi kịp nghĩ xem mình nên bắt đầu cái ngày tồi tệ này thế nào, thì có người gõ cửa, và đó là Howard! Bạn thử tưởng tượng xem khi đó tôi đã bất ngờ đến mức nào!

Tôi vẫn đang mặc bộ quần áo ngủ, đi chân đất và đầu tóc rối bù như tổ quạ. Khi thấy Howard, tôi đã bối rối không biết nên nói gì. Nhưng bác Bertha đã chạy tới và nói, “Chà, xem ai đến nhà mình này, Charlie!”. Bác ấy giữ cánh cửa mở toang. “Chắc là Howard Odom đến ăn món bánh mì quế của bác đây,” bác Bertha nói. “Hay là ngũ cốc. Trứng. Hoặc món cháo yến mạch. Cháu ăn chút cháo yến mạch nhé, Howard?”

Nó bước vào trong và lắc đầu. “Dạ không, thưa bác.” Sau đó nó quay sang nói với tôi, “Cậu muốn đi hái dâu đại không?” Nó giơ một thùng sữa các tông rỗng không nắp lên. “Tớ biết chỗ này có nhiều dâu lắm.”

“À... Ờm..” tôi gạt tóc trên mắt. “Tớ... ờm..”

“Hai đứa cứ đi hái dâu đi,” bác Bertha nói. “Bác sẽ canh chừng mấy thứ ở nhà,” Bác ấy gạt đầu về phía chiếc bẫy ở mép sân.

Sau đó, tôi đã rầu rĩ ngồi sụp xuống tràng kỷ và kể cho Howard chuyện Xương Chạc chạy mất. Khi dứt lời, tôi chỉ muốn nằm khóc, nhưng Howard lại nói, “Thế cậu còn ngồi đây làm gì? Tội mình đi tìm nó thôi!” Dứt lời, Howard liền đi ngay ra ngoài lấy xe đạp, còn tôi chạy vào phòng thay quần áo rồi lật đật chạy theo nó.

Mười tám

Cả buổi sáng hôm đó, tôi và Howard đạp xe lòng vòng đường núi để tìm Xương Chạc. Chúng tôi cuốc bộ trong rừng, đi xuyên qua những bụi cây um tùm và nhảy qua những bụi cây gai. Chúng tôi đã quay lại con sông sau nhà Howard những ba lần, cùng huýt sáo và gọi tên Xương Chạc. Chúng tôi tìm cả dưới những hiên nhà, trong những cái kho và chuồng trại lân cận. Cái nắng buổi đầu hè nóng như thiêu khiến mặt đường nhựa cũng phải chảy ra, và sau lưng chúng tôi, mồ hôi đã chảy ròng ròng ướt áo.

Chúng tôi hầu như chẳng nói năng gì với nhau, và tôi thấy ớn. Tôi cứ suy nghĩ xem mình nên xin lỗi Howard chuyện hôm qua thế nào. Nhưng mỗi khi tôi nghĩ là lúc để xin lỗi, thì miệng tôi lại khô khốc, cổ họng thất lại, và những lời tôi muốn nói chẳng thể nào thoát ra ngoài được.

Chúng tôi cũng quay lại nhà bác Gus và bác Bertha vài lần để kiểm tra chiếc bẫy, nhưng đồng thức ăn vẫn còn nguyên trong đó. Chúng tôi cùng ăn trưa trên chiếc tràng kỷ ngoài hiên nhà Howard, với món xúc xích viên, thịt heo và đậu đóng hộp trong những chiếc đĩa giấy đặt trên đùi. Ngoài sân, Dwight và Cotton đang chơi ném đá vào hòm thư. Mỗi lần tụi nó ném trúng, cái hòm thư kim loại lại kêu “choang” một tiếng và có thêm một vết lõm. Mẹ Howard ra ngoài và bắt hai đứa nó dừng trò đó lại, sau đó bác ấy ngồi xuống tràng kỷ và an ủi tôi đừng lo lắng. Bác ấy nói là chắc chắn Xương Chạc sẽ quay về.

“Cháu phải nghĩ lạc quan lên chứ.”

“Dạ, thưa bác,” tôi lí nhí.

Liệu bác ấy có biết điều tôi đã nói với Howard không nhỉ? Nếu bác ấy biết điều tôi nói, thì tôi đảm bảo là bác ấy sẽ không muốn kéo tôi về phe mình nữa đâu.

Chiều hôm đó, Burl lái xe chở tụi tôi đi tìm Xương Chạc trong các bãi đổ xe và bãi rác trong thị trấn. Dwight và Lenny đã làm vài tờ rơi tìm chó lạc để tụi tôi ghim chúng lên các cột điện và hàng rào.

Khi tôi và Howard đạp xe về nhà bác Gus và bác Bertha để kiểm tra chiếc bẫy thêm lần nữa thì cũng đã gần đến giờ ăn tối. Tôi và nó cùng nhau ngồi trên ghế xếp ngoài vườn và ngắm mấy con chuồn chuồn rập rờn bay lượn trên những đóa cúc vạn thọ.

Trong đầu tôi thầm nghĩ, “Howard, tớ xin lỗi vì đã nói như vậy về điều ước của cậu. Về tật cà nhắc của cậu ấy?”

Và sau đó tôi sẽ nói, “Giời ạ, chả ai thèm quan tâm đến cái tật cà nhắc của cậu đâu.”

Nhưng tất nhiên nó sẽ biết là tôi nói dối, vì nó đã từng bị biết bao nhiêu đứa nhóc không cho nó nhập hội chơi đá bóng, hay cố tình chen hàng ngay trước mặt nó và coi nó là người vô hình rồi.

Thế nên tôi ngồi im lặng cùng mớ suy nghĩ hỗn độn trong đầu. Có thể nó chẳng bận tâm đến điều tôi nói đâu. Ý tôi là, hiện tại nó vẫn đối xử rất tốt với tôi mà. Nó vẫn giúp tôi đi tìm Xương Chạc mà.

“Trông cậu sầu thảm thật đấy,” Howard nói.

Tôi không biết liệu có đứa trẻ nào khác trên đời này dùng từ sầu thảm không. Nhưng đó là từ chính xác để diễn tả tâm trạng tôi lúc ấy.

Sầu thảm.

Trước bữa tối, Jackie đã gọi điện và kể chuyện bà đến thăm bố trong tù,

và chuyện bố vừa có hình xăm mới.

“Em không muốn biết bố xăm hình gì à?” bà thắc mắc khi không thấy tôi nói năng gì.

“Ừm, có chứ.”

“Một con chim,” bà nói. “Một con chim đen bị nhốt trong lồng. Ở ngay trên mu bàn tay. Kì quặc nhỉ?”

“Ừm, em đoán vậy.”

Sau đó bà tiếp tục nói về chuyện bà đã vỡ mộng hoàn toàn sau khi tốt nghiệp trung học, và chuyện bà ghét công việc ở Tiệm bánh Waffle ra sao.

“Người ta làm rớt đầy si rô ra bàn rồi mặc kệ cho người phục vụ dọn dẹp,” bà nói. “Rồi có những khách còn mang mấy đứa con nít khóc nhè đến, và đòi chị phải làm xong bánh kẹp việt quất bằng vận tốc ánh sáng nữa cơ.”

Bà kể rằng anh chàng Arlo, bạn trai bà, đã làm hỏng xe hơi, và hóa ra ông là một kẻ thất bại toàn tập.

“Có lần Carol Lee thấy hẳn đi cùng Darla Jacobs trong siêu thị,” bà nói, “và chị đã bảo hẳn là chào nhé, đồ khốn, và sau đó...”

“Chị không định hỏi thăm em và Xương Chạc à?” tôi nói.

“Gì cơ?”

Lần nào Jackie gọi, tôi cũng kể chuyện về Xương Chạc. Tôi kể là nó thật thông minh, và nó đã học được trò ngồi và giữ nguyên tư thế, và hôm nào nó cũng ngủ trên giường cùng tôi.

“Xương Chạc,” tôi nói. “Chó của em ấy. Chị có định hỏi thăm nó không?”

“Ồ, ừm, tất nhiên rồi,” bà nói. “Xương Chạc thế nào rồi?”

“Đi mất rồi!” tôi la lên. “Nó đi mất rồi.” Và sau đó tôi buột miệng kể

toàn bộ chuyện nó chạy mất, và tôi đã tìm kiếm nó khắp nơi, và cả chuyện tôi nghĩ nó thà làm chó hoang còn hơn phải ở cùng tôi. Tôi muốn ngừng lại nhưng không thể. Và tôi tiếp tục nói rằng Xương Chạc cũng giống mọi người, tất cả đều không muốn ở cùng tôi, và tôi bảo Jackie cứ tiếp tục vui vẻ với cuộc sống hiện tại và mặc kệ tôi mắc kẹt ở Colby cùng lũ trẻ nhà quê ăn thịt sóc. Sau đó tôi đập máy, rồi ngồi bệt xuống sàn, tựa lưng vào tường. Bác Bertha đang khuấy món gì đó trên bếp, và bác ấy giả bộ không nghe thấy những điều tôi vừa nói.

Khi chuông điện thoại reo lần nữa, tôi chỉ nhìn trân trân chiếc ống nghe nằm trong tay mình.

Bác Bertha ngừng khuấy.

Reng.

Reng.

Reng.

“A lô?” tôi run rẩy trả lời điện thoại.

“Charlie à...” Là chất giọng nhẹ nhàng nhưng rắn rỏi của Jackie truyền từ Raleigh đến Colby. Tôi tưởng tượng giọng nói đó phát ra từ căn nhà lát gạch xa hoa của Carol Lee, qua những con đường cao tốc, những ngọn cây, rồi tiếp tục vòng qua những con đường quanh co vào trong ngõ hẻm, đến căn nhà nhỏ cheo leo bên vách núi này, và cuối cùng là đến tai tôi - đứa em gái đang ngồi bệt trên sàn nhà và cần nghe giọng nói đó hơn bao giờ hết.

“Chị rất tiếc về Xương Chạc,” Jackie nói. “Thật đấy. Chị mong nó sẽ trở về với em.”

Tôi nhìn một con ruồi bay vù từ ngoài cửa sổ đến chỗ bóng đèn, rồi lao thẳng lên trần nhà.

“Charlie này?” Jackie nói.

“Gì ạ?”

“Chị biết tình hình này rất khó khăn đối với em.”

Tình hình á?

Phải vậy không? Có thể gọi đồng rắc rối này là tình hình ư?

“Chị nghĩ tình hình của mẹ bắt đầu khá hơn rồi,” Jackie nói. “Hôm qua chị vừa nói chuyện với mẹ, mẹ có vẻ ổn định hơn rồi.”

Nghĩa là sao? Mẹ đã ra khỏi giường được rồi ư? Mẹ đã ổn định hơn? Nghĩa là mẹ quan tâm đến tôi sao? Nghĩa là tôi sẽ trở lại Raleigh, và gia đình vụn vỡ của tôi sẽ biến thành một gia đình thật sự, và các thành viên trong gia đình đó sẽ cùng nắm tay cảm tạ Chúa ư?

“Có thể chị sẽ đến thăm em sớm thôi,” Jackie tiếp tục. “Vài tuần nữa chị lấy được bằng lái rồi. Chị đã kể cho em chưa nhỉ? Carol Lee được bố mẹ tặng xe mừng tốt nghiệp đấy. Em có tin không? Nếu chị được nghỉ phép thì chị sẽ đến Colby. Tụi mình có thể đến Asheville chơi. Ở đó có nhà hàng đồ chay đấy. Em biết nhà hàng đó không? Chị đang định ăn chay trường, và chị tin là nếu..”

Jackie tiếp tục huyền thuyên về những điều tụi tôi có thể cùng nhau thực hiện ở Colby, nhưng bà không hề nhắc đến chuyện bà sẽ trở lại Raleigh và tiếp tục sống cuộc đời hoàn hảo, và tôi sẽ vẫn phải ở lại đây mà không có Xương Chạc, và ước rằng mình đã không lỡ miệng nói lời cay nghiệt với Howard.

Tối đó, khi bác Gus đi làm về, cả ba chúng tôi đã lái xe vòng quanh để tìm kiếm Xương Chạc. Chúng tôi đã lái xe đến trường và quay về nhà để ăn tối. Sau đó chúng tôi lại tiếp tục lái xe tới bãi cắm trại và khắp các ngõ hẻm. Trong khi bác Gus lái xe, bác Bertha kể chuyện bác ấy từng đọc trên báo về một chú chó vô tình bị ngã từ thùng xe tải xuống đường cái ở bang Bắc Carolina, vậy mà nó vẫn mò về được nhà chủ ở tận bang Indiana.

“Gần bốn trăm dặm đấy!” bác ấy nói. “Khi ấy gia đình nhà chủ nó đã

đến thung lũng Maggie nghỉ mát. Thật không thể tin được.”

Bác Gus lặng im và liên tục đẩy chiếc tấm qua lại trong miệng, mắt bác ấy vẫn chăm chú quan sát hai bên vệ đường, các bãi đỗ xe và quanh khu rừng. Thi thoảng bác ấy lại trấn an tôi, “Cháu đừng lo, Butterbean à, chúng ta sẽ tìm được nó mà.” Nhưng tôi thì nghĩ, có lẽ đây là thời điểm thích hợp để tôi thay đổi điều ước của mình. Có lẽ lần tới, nếu có cơ hội, tôi sẽ ước Xương Chạc quay về với mình.

Đến khi trời tối mịt, và chúng tôi không thể nhìn đường được nữa, bác Gus đành lái xe đưa chúng tôi về nhà. Khi bác ấy đánh xe vào con đường nhỏ dẫn vào nhà, cái xe cà tàng của bác ấy lại được dịp xóc nảy và kêu lên cọt két khi đi qua những ổ gà và tiếng bánh xe ma sát trên đường sỏi vang lên trong bóng tối tĩnh mịch. Ánh sáng từ chiếc đèn pha của bác ấy nhảy múa trên tán cây nguyệt quế và anh đào dại bên đường.

Cuối cùng, ngôi nhà cũng hiện ra trong tầm mắt, và tim tôi suýt vọt ra khỏi lồng ngực khi thấy con vật đứng trước mặt mình.

Đúng là Xương Chạc rồi! Nó vẫy đuôi mừng ríu rít và chạy thật nhanh về phía chúng tôi, chiếc dây dắt chó trên mặt đất cũng được nó kéo theo.

Mười chín

Quét một tuần sau đó, tối nào Xương Chạc cũng được ăn xúc xích gan và trứng bác. Nó học được cách lăn, xoay vòng, hất bánh quy từ trên mũi xuống và đóp gọn trước khi miếng bánh chạm đất. Kể từ hôm đó nó không ngủ trên sàn nhà nữa. Nó được ngủ trên giường cùng tôi. Tôi chẳng bận tâm đến hơi thở mùi xúc xích gan của Xương Chạc chút nào. Tôi yêu bộ lông mềm mại, ấm áp của nó và tiếng tim đập nhịp nhàng trong lồng ngực nó mỗi khi ôm nó vào lòng.

Sau bữa tối, tôi cùng bác Gus và bác Bertha ngồi ngoài hiên, Xương Chạc ngáy ro ro đầy hạnh phúc khi tôi dùng bàn chân trần chà lên tấm lưng ấm áp của nó. Thi thoảng nó lại nháy dựng lên sủa một tiếng khi nghe thấy tiếng động dưới khu rừng. Có thể đó là tiếng một con gấu mèo, hay ôpôt*, hoặc chỉ là tiếng lá cây khẽ xào xạc trong gió.

“Nó đang rất hạnh phúc đây, Butterbean,” bác Gus nói.

Và sau đó bác Bertha lại bắt bác Gus kể thêm chuyện về chú chó Skeeter.

“Còn cái lần Skeeter ngã xuống sông trong lúc tụi anh đang câu cá, và em trai anh nhảy theo nó khiến chiếc thuyền bị lật ấy?” bác Bertha nói.

Bác Gus cười khúc khích, nhưng trước khi bác ấy kịp đáp lời thì bác Bertha đã tiếp tục: “À, em biết rồi! Anh kể cho Charlie chuyện em gái anh mặc đồng phục Nữ Hướng đạo sinh cho Skeeter đi.”

Gần như ngày nào tôi cũng dắt Xương Chạc qua nhà Odom chơi. Tôi vẫn chưa nói xin lỗi Howard vì chuyện hôm trước, nên trong lòng tôi lúc nào cũng thấy nhộn nhạo. Howard chưa từng nhắc lại chuyện hôm đó, nhưng tôi vẫn thấy giận mình vì không chủ động xin lỗi nó. Tôi cứ nghĩ mãi về điều bác Bertha nói, chuyện đánh giá một con người qua cách họ sửa chữa lỗi lầm ấy. Và tôi biết rõ mình không giỏi sửa chữa lỗi lầm cho lắm.

Bất cứ khi nào tôi và Xương Chạc xuất hiện trước cửa nhà Odom, một người trong gia đình họ đều niềm nở chào chúng tôi và vẫy tay mời chúng tôi vào nhà. Sau đó, tôi thường bị cuốn vào không khí tập nập của gia đình đó, cảm tưởng như một cái vòi rồng ấy.

Tôi và Howard chơi trò cá ngựa bên bàn bếp. Ngay cửa bếp là chiếc quạt kêu vo vo, còn Xương Chạc thì sục sạo khắp căn bếp để tìm những bánh quy hay nước ép hoa quả bị rớt trên sàn nhà. Sau đó, Cotton chạy đến dí sát mặt vào lồng quạt và hú lên như Tarzan. Gió quạt làm giọng nó rung rung như tiếng rô bốt, và tất cả tụi tôi đều phá lên cười.

Burl và Lenny vào bếp làm một ít bánh kẹp cà chua, và để lại dấu vân tay dầu nhót đen xì lên tất cả mọi thứ hai ổng chạm vào. Hình như hai người đó lúc nào cũng thích chế tạo và sửa chữa động cơ thì phải. Từ xe hơi. Xe máy. Đến máy cắt cỏ. Thi thoảng lại có tiếng chửi ngoài sân, và bác gái sẽ đích thân ra ngoài để bắt mấy kẻ “tội đồ” ngừng chửi bậy ngay lập tức.

Dwight tham gia trại hè bóng chày ở YMCA. Nó về nhà trong bộ dạng nhể nhại mồ hôi và toàn thân lem luốc đất đỏ. Hầu như ngày nào nó và Cotton cũng vật nhau hoặc thi nhau ném gỏi tựa vào người đứa kia, cho đến khi Cotton khóc toáng lên và đi mách mẹ mới thôi.

Có những ngày trời nóng đến mức tôi và Howard chỉ nằm ngả ngón trên hiên nhà, đặt vài viên đá lạnh trên trán và chơi đồ chữ. Một hôm, bác trai đặt tám bát vào trong thùng xe bán tải rồi đổ đầy nước vào đó làm thành

một chiếc “bể bơi” nhân tạo. Sau đó tất cả tụi tôi, trong bộ quần đùi áo phông, đều ngồi trong chiếc “bể bơi” ấy và ăn kem soda cốc giấy.

“Ước gì tụi mình được đến bể bơi thật nhỉ,” Howard nói.

“Khi nào về Raleigh,” tôi nói, “Tớ sẽ tiếp tục đi học bơi giống mùa hè năm ngoái.”

“Thế bao giờ cậu về Raleigh?”

Tôi nhún vai. “Tớ không chắc nữa. Tớ chỉ nói là... khi nào tớ về thôi...”

“Nếu cậu còn ở lại Colby, thì hôm nào bố tớ sẽ lái xe đưa tụi mình ra hồ,” Howard nói. “Tụi mình có thể đưa Xương Chạc đi cùng. Tớ tin là nó thích bơi lắm đấy.”

“Có thể.”

“Tụi mình ra sông đi,” Howard nói.

Tôi thở dài. Một ngày nay Howard đều rủ tôi ra con sông sau nhà nó chơi, nhưng tôi thấy lo lắng.

“Nhờ Xương Chạc lại chạy mất thì sao?” tôi nói.

“Cậu nắm dây thật chắc vào,” Howard đáp. “Nhưng thực sự nó không muốn chạy trốn cậu đâu, Charlie ạ. Lần trước nó lỡ làm thôi mà.” Nó ném bánh quy mặn xuống sàn cho Xương Chạc. “Nó đã quay về với cậu mà, phải không?”

Nên cuối cùng tôi đành đồng ý, và cả ba chúng tôi cùng đi bộ ra sông. Những chiếc lá dương xỉ trên đường khẽ cọ vào chân chúng tôi, và Xương Chạc lại đánh hơi tất cả mọi thứ trên đường. Nhưng khi đến nơi, lòng tôi đột nhiên nặng trĩu.

Tôi không thấy những con cá tuế thân bạc lượn lách giữa những tảng đá rong rêu, mà chỉ thấy khuôn mặt Howard khi tôi nói, “Cậu ước mình không bị cà nhắc phải không?” Mặc dù nó luôn tỏ vẻ không bận tâm về câu nói đó, nhưng với tôi, lỗi lầm to lớn đó vẫn tiếp tục lơ lửng giữa hai đứa như đám

mây giông vậy.

Tôi thấy một viên đá cuội xuống sông khiến mặt nước gợn sóng và tụi cá tuế bơi toán loạn dưới nước. “Tớ xin lỗi vì chuyện hôm nọ nhé, Howard.”

Khi thấy nó có vẻ bối rối, tôi nói thêm: “Chuyện tớ nói là cậu ước chân không bị tật cà nhắc ấy.”

“À.” Howard cũng thấy một hòn đá cuội xuống dòng nước. Sau đó Xương Chạc cũng nhảy tồm xuống khiến nước lạnh dưới sông bắn lên tung tóe.

“Tớ biết câu nói đó thật độc ác, và tớ không nên thốt ra điều đó. Tớ xin lỗi,” tôi nói.

Tôi đã đợi Howard đáp, “Không sao mà,” nhưng nó không nói vậy.

Tôi đã đợi nó nói, “Đừng bận tâm chuyện đó,” nhưng nó cũng chẳng nói vậy.

Tôi mong nó nói, “Ôi giờ, Charlie, tớ quên bém chuyện đó rồi,” nhưng nó cũng không hề nói thế.

Nó chỉ im lặng hồi lâu, sau đó nhún vai và nói, “Tớ đã quá quen với những điều độc ác mà mấy đứa khác nói về tướng đi của tớ rồi.”

Oạch!

Câu nói đó vừa đâm thẳng vào tim tớ đây, Howard ạ!

Tôi cảm thấy mình vừa bị ném toẹt vào giữa nhóm trẻ con xấu tính ở Colby.

Và tôi thấy mình thật giống con sâu bị vùi xuống tận vũng bùn lầy.

Trong khi cố gắng nghĩ xem mình nên đáp lại Howard ra sao, tôi đưa mắt nhìn hết cái cây này, sang phiến đá khác, rồi lại nhìn dòng sông, cảnh dương xỉ. Và tôi phát hiện ra một chiếc lông chim màu đen giữa đám lá cây và lá thông rụng ven sông.

“Nhìn này!” tôi chạy đến nhặt chiếc lông chim và giơ ra trước mặt Howard.

Nó nheo mắt rồi chỉnh lại gọng kính trên chiếc mũi tàn nhang.

“Có thứ đề ước này,” tôi nói. “Bạn đặt nó trên mặt đất là có thể ước một điều đấy.” Tôi đưa nó chiếc lông chim. “Này, cậu cầm đi. Hãy ước gì đi.”

Nó lắc đầu. “Không.”

“Sao lại không?”

Nó cởi kính và dùng vạt áo lau những giọt nước trên đó. Sau đó nó đeo kính lên và nói “Vì tớ biết điều ước của mình sẽ không bao giờ thành hiện thực.”

Chà, bây giờ thì đến lượt tôi thấy ngạc nhiên rồi đây. Nó lúc nào cũng là Quý ngài Tích cực cơ mà.

“Sao cậu biết?” tôi tò mò.

“Linh tính mách bảo tớ thế.”

“Bạn nhìn tớ này,” tôi nói. “Từ hồi lớp Bốn ngày nào tớ cũng ước đi ước lại một điều, và đến giờ nó vẫn chưa thành hiện thực đấy thôi.” Tôi vuốt ve cái đầu ướt sượt của Xương Chạc. “Nhưng nếu tớ ước đủ nhiều, thì một ngày nào đó điều ước của tớ sẽ thành hiện thực.”

“Vậy tớ hy vọng điều ước của cậu sẽ thành hiện thực,” Howard đáp.

Tôi lại giơ chiếc lông chim trước mặt nó lần nữa. “Cậu chắc không?”

Nó gật đầu.

Sau đó tôi đã đặt chiếc lông chim trên nền đất ướt ven sông, nhắm mắt, và thầm ước điều mình hằng mong mỏi.

Ngày hôm đó, trên đường về nhà, tôi thấy cảm giác tội lỗi trong lòng mình đã phần nào vơi bớt. Tôi không chắc mình đã sửa chữa được lỗi lầm chưa, nhưng ít ra tôi đã cố gắng.

Hai mươi

Khi bác Bertha nói Jackie sắp đến chơi, mọi suy nghĩ và cảm xúc trong tôi đều hỗn loạn. Một mặt, tôi cảm thấy vô cùng phấn khích vì cuối cùng cũng được gặp Jackie. Tôi nhớ bả phát điên, và luôn mong rằng bả cũng nhớ mình. Nhưng mặt khác, một chút nóng giận từ bố già Thích Gây Gổ lại sục sôi trong tôi. Có vẻ dạo này Jackie mãi sống sung sướng quá nên chẳng còn thời gian nghĩ đến tôi nữa.

Trước khi bác Gus lái xe đưa tôi và bác Bertha tới trạm xe buýt ở Asheville để đón Jackie, tôi đã dành cả sáng để ôn lại cho Xương Chạc những trò tôi từng dạy nó. Tôi muốn Jackie được tận mắt chứng kiến một chú chó Xương Chạc vô cùng thông minh và nó yêu quý tôi đến nhường nào. Sau đó tôi cố gắng dọn dẹp căn phòng để biến nó thành một phòng ngủ thực sự, chứ không phải cái nhà kho trữ đầy hũ thủy tinh của bác Bertha nữa.

Đầu tiên, tôi kéo ga trải giường lên để che đi hai chiếc gối Lọ Lem. Sau đó tôi dùng một chiếc khăn tắm phủ lên mấy chiếc hũ thủy tinh trên giá sách. Tôi xếp gọn đồ chơi của Xương Chạc trong một hộp giấy, rồi dùng bút dạ viết tên nó lên đó. Xương Chạc ghéch đầu quan sát tôi, thi thoảng nó lại lôi một trái bóng tennis, hay một cái xương cao su bắn từ trong hộp ra, và tôi phải xếp lại mấy thứ đó vào hộp.

“Chúng mình phải sắp xếp mọi thứ thật gọn gàng đẹp để còn đón

Jackie chứ,” tôi bảo Xương Chạc.

Tiếp đến, tôi đẩy mấy chiếc áo khoác và áo len cũ của bác Gus vào sâu trong góc tủ, rồi treo vài chiếc áo cộc tay của mình lên để vờ như tôi được độc chiếm cả chiếc tủ đó. Sau đó tôi phủ một chiếc khăn tắm lên chiếc máy khâu của bác Bertha, và treo ba lô của mình lên chiếc móc trên cửa tủ quần áo.

Khi hoàn thành, tôi đứng ở cửa và nhìn khắp căn phòng. Trông nó đồ lộn xộn hơn trước, nhưng tôi biết nó chẳng thể nào xịn như căn phòng của Carol Lee và Jackie được. Tôi đoán hai người đó có ga giường hoa lá tông tuyết tông với mấy chiếc gối tựa hình trái tim, và trên đầu giường thì dán đầy ảnh ngôi sao nhạc rock. Chắc chắn hai người đó có tủ xịn, khay đựng sơn móng tay đủ màu, và một hộp trang sức đầy vòng vèo các kiểu. Có lẽ hai bà đã rủ nhau mua những cuốn sổ nhật kí có khóa màu hồng điểm tuyết nhũ vàng lấp lánh, và giấu mấy gói bim bim khoai tây dưới gầm giường để ăn đêm khi cùng tám chuyện về cuộc sống hạnh phúc của hai bà. Và tôi chắc chắn trong phòng hai người đó chẳng có bất kì chiếc hũ thủy tinh nào hết. Không một chiếc nào.

Trên đường tới Asheville, bác Bertha đã giới thiệu thêm vài thứ lần trước bác ấy chưa kịp nói.

“Chỗ đó có món lạc luộc ngon nhất Bắc Carolina đây.”

“Đại lộ Blue Ridge ở đằng kia kìa cháu.”

“Con đường đó dẫn tới núi Blowing Rock, trên đấy có công viên giải trí Tweetsie Railroad này.”

Tôi đáp “Ồ” và “Vâng” và “Dạ,” nhưng thực ra trong đầu tôi chỉ nghĩ đến Jackie. Có lẽ tôi không nên sửa soạn phòng mình kĩ càng đến thế. Có khi nếu tôi cứ để nó lộn xộn như cũ, Jackie sẽ thấy thương hại tôi và đưa tôi về Raleigh cùng bà.

“Ôi, Charlie,” bà sẽ thốt lên như thế. “Em không thể ở trong căn phòng nhỏ xíu với hai chiếc gối Lọ Lem kia được.” Bà sẽ hất tóc ra sau vai và nói, “Này, có khi em chỉ cần hất xì hơi mạnh một cái, ngôi nhà này cũng sẽ đổ sụp xuống chân núi không chừng. Em nên về nhà cùng chị thôi.”

Trong khi bác Bertha liên thoảng thuyết minh về cây cầu treo Mile High trên núi Grandfather, tôi tưởng tượng mình và Xương Chạc được đến nhà Carol Lee. Nhưng ngay sau đó tôi bắt đầu lo lắng. Nhớ bố mẹ Carol Lee không thích chó thì sao? Nhớ hai bác ấy không thích tôi thì sao?

Trước khi tôi trở nên lo lắng tột độ, chiếc xe của bác Gus đã dừng trước trạm xe buýt.

Khi chúng tôi xuống xe, bác Bertha khẽ lắc vai tôi và hỏi, “Cháu thấy phấn khích không?”

“Cũng hơi hơi ạ,” tôi đáp, nhưng thực ra lúc đó ruột gan tôi đang náo loạn.

Chúng tôi ngồi vào hàng ghế nhựa chờ xe buýt của Jackie đến bên. Bác Bertha nói chuyện với mẹ của mấy đứa nhóc khó bảo đang chạy nhảy lung tung quanh trạm xe. Tụi nó thậm chí còn làm đổ kệ báo mà cô ấy chẳng nói năng gì cả. Bác Gus chỉ mới ngồi chờ được vài phút đã bắt đầu buồn ngủ, đầu bác ấy gà gật, rồi một lúc sau bác ấy ngoẹo hẳn đầu sang một bên và bắt đầu thổi bong bóng theo mỗi nhịp thở đều đặn. Tôi hy vọng bác ấy không gọi tôi là Butterbean trước mặt Jackie.

Sau một hồi chờ đợi thì cuối cùng chú ở quầy bán vé cũng thông báo, “Xe buýt số 94 từ Raleigh sắp vào bên!”.

Trước khi tôi kịp định thần, thì Jackie đã lao đến trước mặt tôi. Thân hình bà cao ráo, rám nắng và trên môi là nụ cười tươi tắn. Dù chỉ bằng mắt thường, tôi cũng nhìn thấy rõ ánh hào quang hạnh phúc tỏa ra từ người bà.

Điều đầu tiên Jackie làm là nghiêng đầu qua một bên cho tôi xem lộn

tóc xanh dương giữa đám tóc đen và hỏi: “Em thích nó không?”

“Ừm, cũng được,” tôi đáp.

“Bố đã cạo nhặng xị lên đấy.” Bà cười toe. “Nhưng nhóc biết chị nói gì với ông không?” Bà lắc đầu và hất mái tóc ra sau lưng. “Chị bảo là, Bố nghĩ gì cũng được, con chẳng quan tâm đâu. Vì đây là con người mới của con.”

Con người mới ư?

Jackie nói vậy là sao?

Cái đó có giống việc mẹ *làm lại cuộc đời* không?

Có lẽ Jackie cũng đi tìm cho mình một cuộc đời mới giống mẹ tôi từng làm nhiều năm về trước. Một cuộc đời không có tôi.

Khi chúng tôi lái xe quay về Colby, Jackie và bác Bertha chuyện trò rôm rả cứ như thể họ đã thân nhau từ lâu lắm rồi. Khi chúng tôi về đến nhà, hai người họ đã lập xong kế hoạch cho mỗi ngày, mỗi giờ trong kỳ nghỉ của Jackie.

Bác Bertha sẽ dạy Jackie làm món gà chiên và may khóa kéo cho chân váy.

Hai người họ sẽ đến cửa hàng đồ cũ ở Fairview để tìm mua một chiếc áo đồng phục bóng bầu dục để Jackie mặc biểu diễn trong vở kịch nhà thờ.

Hai người họ sẽ cùng thu hoạch bí trong vườn để Jackie mang về Raleigh, và bác Bertha sẽ truyền dạy cho bà bí kíp nấu món bí hầm kem nấm tuyết-mật của bác ấy.

Hai người cứ tiếp tục trò chuyện.

Huyền thuyên, liên thoảng.

Ơ, này? Tôi nghĩ. Thế còn tôi thì sao? Có ai muốn đi đâu hay làm gì cùng tôi không?

Chắc bác Bertha đọc được suy nghĩ của tôi, hoặc bác ấy đã nhìn thấy

đôi vai thông xuống của tôi, bởi khi chúng tôi ra khỏi xe, bác ấy nói, “Và bác tin là Charlie đang mong được đưa cháu đi thăm thú thị trấn Colby lắm đấy. Giờ con bé thành dân thổ địa ở đây rồi.” Bác ấy nháy mắt với tôi. “Nhi, Charlie?”

“Chắc vậy ạ.”

“Và cháu sắp được gặp Xương Chạc ngay bây giờ đấy!” bác Bertha nói. Ngay khi chúng tôi vừa bước chân vào nhà, Xương Chạc mừng rỡ lao như bay về phía chúng tôi, đôi tai dài bay phàn phật, còn cái đuôi nó thì vẫy riu rít. Tôi quỳ xuống cho nó liếm mặt mình.

“Eo ơi,” Jackie nói. “Đừng để nó liếm miệng em đấy.”

“Nó thơm em thôi mà.” Tôi chạm má vào mũi Xương Chạc. “Nó yêu em lắm.”

Jackie nhăn mặt.

“Chị xem này,” tôi nói. Tôi lệnh cho Xương Chạc ngồi xuống, bắt tay và lăn người.

“Chà, Charlie,” Jackie nói. “Chị không biết em lại có tài huấn luyện chó đấy.”

“À, dạy Xương Chạc dễ lắm, tại nó thông minh sẵn rồi. Đến khi tụi em quay về Raleigh, thì em tin là nó còn biết nhiều hơn thế này ấy chứ.”

Jackie nhướn đôi lông mày và mím chặt môi, nhưng sau đó bà chẳng nói thêm gì hết. Bà đi dạo quanh căn phòng khách bé xiu, nghiên cứu đồng ảnh chụp những ông bà già đặt trên chiếc bàn cạnh tràng kỷ, nhòm chiếc rổ len của bác Bertha, rồi ngó vào bếp.

“Cháu thích căn nhà này lắm bác ạ,” Jackie nói với bác Bertha.

“Ngôi nhà này do chính tay ông nội bác Gus xây đấy,” bác Bertha tự hào. “Phải không, anh Gus?”

Bác Gus hơi đỏ mặt, và gật đầu.

“Cháu ra đằng sau xem hiên nhà nữa này,” bác Bertha chỉ tay về phía cửa hậu.

Ngay sau đó, Jackie liền ra đó trầm trồ về quang cảnh ngoài hiên và những dãy núi và tất cả những thứ ngoài đó. Tôi ngồi bệt trên sàn phòng khách với Xương Chạc đang rúc vào lòng, lắng nghe thật kĩ những điều con người mới của Jackie đang nói và tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với Jackie ngày xưa. Một Jackie từng đến dự buổi biểu diễn khiêu vũ của tôi khi bố mẹ ở nhà quát mắng nhau. Một Jackie từng lấy tiền tiêu vặt để mua cho tôi chiếc vòng tình bạn giống mấy đứa con gái khác ở trường. Một Jackie từng nướng bánh cupcake để tôi mang tới lớp vào ngày sinh nhật mình, trong khi mẹ tôi vẫn nằm bệt xem phim truyền hình trong tấm áo choàng tắm.

Jackie trong ký ức của tôi đã biến mất, thay vào đó là Jackie mới có lọn tóc xanh và đang đứng ngoài hiên nói với bác Bertha rằng bà vô cùng thích quang cảnh dãy Blue Ridge. Và sau đó Jackie mới tiếp tục nói ra một câu chẳng hề giống Jackie ngày xưa chút nào:

“Charlie *thật* may mắn khi được đến đây sống cùng hai bác.”

May mắn ư? Bà nghĩ tôi *may mắn* khi phải rời khỏi nơi duy nhất tôi từng biết trong đời và chuyển đến sống cùng những người trước đó tôi chưa từng gặp mặt ư? Tôi *may mắn* khi cả gia đình tan vỡ, và mỗi người đi một nẻo ư?

Sau đó bác Bertha đáp, “Không, bác và bác Gus mới là những người may mắn chứ, phải không, anh Gus?”

“Đúng vậy,” bác Gus đáp.

Khi ba người họ trở vào nhà, bác Bertha nói, “Charlie à, cháu đưa Jackie về phòng để chị cất đồ nhé.”

Tôi dẫn Jackie vào căn phòng bé xiu của mình, và chờ đợi bà nói ra những điều tôi tưởng tượng trước đó, ví dụ như căn phòng này thật khủng

khiếp chẳng hạn. Ngay cả khi tôi đã cố gắng dọn dẹp gọn gàng, bà sẽ nói căn phòng này quá bé. Bà sẽ lật tung những chiếc khăn tắm lên và thấy đồng hồ thủy tinh, và khi đó bà sẽ nói rằng tôi nên trở về Raleigh cùng bà.

Nhưng không. Jackie mới đã nói, “Chị thích căn phòng này, Charlie ạ. Nhóc sướng thật đấy, được độc chiếm cả căn phòng mà không phải chia sẻ như tụi mình ở nhà hồi trước.”

Ồ, ngạc nhiên chưa? “Nhưng em thích ở chung phòng với chị cơ,” giọng tôi đầy thê lương.

Tôi đang định cho Jackie xem đồng quần áo của bác Gus bị tôi nhét vào góc trong cùng của chiếc tủ quần áo thì bà đã ngồi phịch xuống giường: “Ừa, nhưng có phòng riêng vẫn thích hơn. Sẽ không có ai vứt tất bẩn lên sàn, hay chiếm hết chỗ trong tủ quần áo của em.” Bà đá đôi xăng đan xuống đất rồi tựa lưng vào tường. “Nhóc đừng hiểu lầm chị nhé. Chị thích Carol Lee, và mọi thứ trong căn nhà đó. Nhưng đôi khi chị muốn được ở một mình. Chị không muốn nó lục lọi đồ của chị, hay tự tiện dùng mấy món đồ trang điểm của chị mà không hề xin phép.”

Bà hất tóc qua vai và nói tiếp, “Chị quý bác Gus và bác Bertha lắm, còn em thấy thế nào?”

Thú thực là câu hỏi đó đã khiến tôi giật mình. Và tôi còn ngạc nhiên hơn nữa khi thấy mình trả lời Jackie không chút do dự, “Em cũng vậy.”

Tôi quý bác Gus và bác Bertha thật sao? Thực sự trước đây tôi chưa từng nghĩ về điều đó, nhưng có lẽ là tôi quý hai bác ấy thật. Nhưng, ở đây ai mà chẳng yêu quý hai bác ấy, vì hai người đó thực sự rất đáng quý mà.

“Và em còn có một chú chó nữa chứ, Charlie!” Jackie chà bàn chân trần dọc lưng Xương Chạc. “Có vẻ mọi chuyện ở đây đều tốt đẹp đấy chứ. Em có phòng riêng, rồi lại có cả chó nữa này. Em lại còn được ở cùng hai người siêu tốt bụng không bao giờ chửi rửa và cãi nhau hằng ngày như bố mẹ

mình nữa.”

Sau đó bà đứng dậy và nói, “Nè nhóc, đưa chị ra xem khu vườn nào.”

Tối hôm đó, bác Bertha làm món bánh kẹp phô mai nướng và salad khoai tây, sau đó chúng tôi cùng ngồi ngắm bầu trời hồng cam điểm xuyết những vệt mây xanh xám ngoài hiên. Đâu đó phảng phất mùi mưa hòa cùng hương hoa kim ngân ngọt ngào, và văng vẳng tiếng đé rúc rích trong những bụi việt quất mọc ven bìa rừng.

Bertha và Jackie cùng bàn tán về tụi con trai. Và nếu tôi chưa từng quen biết hai người đó, thì thật khó để nhận ra đâu là người đã trưởng thành, còn người nào vẫn là trẻ vị thành niên. Bác Bertha kể cho Jackie về lần đầu tiên bác ấy gặp bác Gus trên Đường 14. Khi ấy bác Gus đã sửa lốp xe xịt của ông ngoại tôi.

“Bác chưa từng thấy cậu thanh niên nào đẹp trai đến thế trong đời,” bác Bertha nói. “Cô bạn Jayme của bác cũng thử tán tỉnh bác Gus, nhưng bác biết mình mới chính là người lọt vào mắt xanh của bác ấy. Đúng không anh Gus?” Bác Bertha khẽ huých tay bác Gus, và bác Gus vừa gật đầu vừa tiếp tục nhai tằm.

Đến tối muộn, tôi cùng Jackie quay về phòng và chơi trò Crazy Eights. Bà kể cho tôi về anh chàng bạn trai mới tên Scooter của bà. Ông là nhà vô địch súng sơn quận Wake, và ông đang định mai mối cho Carol Lee một ông anh họ làm lính thủy đánh bộ.

Jackie mang theo cả sơn móng tay, nên tụi tôi đã ngồi sơn móng tay cho nhau, và hỏi nhau mấy câu đố chữ tụi tôi đã chơi cả tỉ lần.

“Quả cà búng học gọi là gì?” Jackie nói.

“Cà búng*,” tôi đáp. “Thế người ta gọi nơi có nhiều cành cây là gì?”

“Cánh đồng*.”

Chúng tôi cười phá lên như thể đó là những câu đố chữ hài hước nhất

thế giới vậy. Đây là lần đầu tiên trong ngày, kể từ khi Jackie bắt đầu khoe lọn tóc xanh với tôi ở trạm xe buýt, tôi mới lại được thấy Jackie của ngày xưa. Và tôi nhận ra mình thực sự nhớ bà nhường nào.

Jackie ngủ thiếp đi ngay sau khi tôi tắt đèn. Tiếng ngáy khe khẽ của bà nhẹ nhàng lơ lửng trong không khí, gợi nhớ trong tôi những đêm hai chị em còn ở cùng nhau. Tôi nhớ đến cảnh hai đứa tụi tôi nằm nghe tiếng bố mẹ cãi cọ và đánh nhau trong căn phòng tôi. Khi còn bé, thi thoảng tôi lại bò lên giường nằm trong lòng Jackie, và khi ấy bà thường hát cho tôi nghe để những tiếng chửi rủa và quát tháo của bố mẹ không lọt vào tai tôi. Giờ chúng tôi lại được ngủ chung phòng, nhưng Jackie nằm trên giường, còn tôi thì nằm trong túi cùng Xương Chạc trên sàn nhà. Lần này tôi không phải nghe tiếng bố mẹ rủa xả lẫn nhau, mà chỉ nghe thấy tiếng Jackie ngáy khe khẽ và tiếng éch ương ộp oạp dưới khu rùng. Sau đó tôi nghĩ miên man về chuyện Jackie trầm trồ khen căn nhà, cái hiên và căn phòng ngủ của tôi. Trong tâm trí, tôi vẫn nghe thấy tiếng bà nói rất quý bác Gus và bác Bertha, và bà nghĩ mọi chuyện ở đây đều tốt đẹp. Nhưng sau đó tôi lại nghĩ: chẳng lẽ bị đá ra khỏi chính ngôi nhà của mình, phải đến trường cùng lũ trẻ cười khúc khích châm chọc đó, và luôn cảm thấy trong thế giới này mình chẳng khác gì một chú chó hoang không nhà không cửa là tốt đẹp sao? Tôi ôm chặt Xương Chạc hơn chút nữa, rồi khẽ hôn lên mũi nó. Tôi cứ băn khoăn mãi về những điều đó, cho đến khi tâm trí mệt rã rời, và tự thiếp đi lúc nào không hay.

Hai mươi mốt

Vài ngày sau đó, Jackie đi khắp Colby như thể bà đã sống ở đây cả đời rồi ấy. Bà kể cho chú đưa thư về đội bóng bầu dục ở trường trung học, và đem món gà chiên trong tủ lạnh đến câu lạc bộ đàn len của bác Bertha. Bà còn mở một quầy bán rau ở cuối đường và trò chuyện với tất cả những người đến mua đậu và bí. Bà kể cho họ về Raleigh, về công việc bồi bàn và chiếc bằng lái xe mới đậu. Và trong cửa hàng đồ cũ ở Fairview, tôi thấy bà cười đùa với người chủ cửa hàng về chiếc mũ to đùng, xấu xí người ta vừa mang đến. Tôi cảm giác như vừa mới gặp Jackie lần đầu vậy. Có lẽ đây chính là con người mới của Jackie. Sao trước đây tôi chưa từng nhận ra mọi người đều yêu quý Jackie nhỉ? Ngay cả tụi mèo của bác Bertha cũng thích bà kinh khủng, lúc nào tụi nó cũng dụi đầu vào chân Jackie và kêu gừ gừ trong lòng bà.

Ngay cả mấy đứa con trai nhà Odom khi đứng trước mặt Jackie cũng đều đỏ mặt, líu lưỡi, và ganh tị, tranh giành nhau để được mở cửa xe hơi cho bà, hoặc để được mang nước chanh đá mời bà mỗi khi chúng tôi qua đó chơi.

“Tớ thật sự ngạc nhiên khi cậu biết lắp động cơ đấy,” bà nói với Burl ngay hôm đầu tiên hai người gặp mặt. Và sau đó, bà liền ra xem một bộ chế hòa khí hay một loại động cơ nào đó, và tỏ vẻ quan tâm như thể đó là thứ thú vị nhất bà từng thấy trên đời. Thi thoảng Jackie lại hất tóc ra sau vai, và

mỗi lần như thế tôi đều cảm tưởng Burl sắp tan chảy thành vũng bùn dưới chân bà đến nơi ấy.

Mẹ Howard mang bánh vòng phủ đường bột ra ngoài hiên, và chúng tôi cùng quây quần lại để nghe Jackie kể chuyện Tiệm bánh Waffle.

“Và có một lần,” bà nói, “có một bà già được tài xế riêng chở đến cửa hàng bằng xe limo.” Jackie phủi đường bột trên đùi. “Mọi người có tưởng tượng được cảm giác có tài xế riêng chở đi ăn bánh waffle bằng xe limo không?”

Tất cả mọi người đều công nhận rằng điều đó thật quá sức tưởng tượng.

“Nhưng bà già ấy boa cho cháu những hai mươi đô cho một chiếc bánh waffle giá bốn đô, nên cháu chẳng còn gì để phàn nàn nữa,” Jackie nói.

Howard và Dwight trở mắt thán phục, “Woa!”

Jackie kể rằng bà và một chị phục vụ khác gọi tiệm bánh đó là Tiệm bánh Tồi tệ, và cả lũ con trai rú lên cười, cứ như thể đó là điều buồn cười nhất họ từng được nghe trong đời vậy.

Sau đó bà kể về Raleigh. Bà nói rằng Raleigh thật rộng lớn, và có cực nhiều siêu thị, thẩm mỹ viện, và ở đó có cả một sân gôn mini trong nhà nữa.

“Nếu có dịp mọi người hãy đến chơi nhé,” bà nói. “Cháu vừa thi được bằng lái rồi, và khi mọi người đến cháu có thể mượn xe của Carol Lee.”

Mọi người đều gật đầu cười toe toét và nói rất muốn đến Raleigh chơi. Tôi thấy ghen tị và trở nên lúng túng đến nỗi chẳng biết nói gì.

Chiều hôm đó, tôi và Howard dẫn Jackie và Xương Chạc xuống sông chơi, và bà cởi ngay giày ra, rồi chẳng hề chần chừ lội xuống dòng nước mát lạnh. Tiếng cười giòn giã của Jackie vang vọng giữa những tán cây. Bà trả lời tất cả những câu hỏi hiếu kì của Howard mà chẳng hề đảo mắt, và đối xử với nó như thể ngày nào bà cũng đi chơi với mấy đứa cà nhắc như nó ấy.

“Chị thấy thế nào khi vào thăm bố trong tù ạ?” Howard tò mò.

Tôi chỉ muốn đâm ngay đầu xuống đất khi nó thốt ra câu hỏi đó, nhưng có vẻ Jackie chẳng hề bận tâm.

“Không ngẫu nhiên như trên tivi đâu, chị à,” bà đáp. “Bố và chị chỉ ngồi vào bàn, rồi nói về chuyện trường học và những thứ linh tinh khác. Bố than phiền với chị về mấy món ăn tù dở tệ, và nói rằng việc đầu tiên bố muốn làm sau khi được thả là đi ăn mười bốn cái bánh hăm-bơ-gơ liền.”

Tôi muốn hỏi liệu bố và Jackie có nói chuyện về tôi không, nhưng tôi sợ bà sẽ nói không, và nếu thế thật thì tôi sẽ trở thành đứa nhóc đáng thương trước mặt Howard mất.

Tôi định nhắc nhở Howard rằng bố tôi đang ở trại cải tạo chứ không phải nhà tù, nhưng nó và Jackie đã chuyển chủ đề sang trò Thám tử Kinh thánh ở trường Chúa Nhật.

“Chị đoán là Charlie chơi trò đó dở lắm,” bà huých tay tôi. “Ở nhà chị, mọi người chẳng đọc Kinh thánh mấy, Charlie nhỉ?” Jackie lại huých tay tôi lần nữa.

Đêm đó, mẹ Howard mời tôi và Jackie ở lại cùng ăn tối. Burl và Lenny đem hai chiếc ghế xếp kim loại từ ngoài sân vào cho chúng tôi, và hai người đó suýt chút nữa đánh nhau chỉ vì tranh giành chỗ ngồi cạnh Jackie. Bà giúp bác gái bày biện đĩa thịt heo, bát xà lách trộn và đậu hầm lên bàn ăn, và sau đó bà chẳng hề chớp mắt ngạc nhiên khi thấy mọi người cầm tay cầu nguyện. Dwight đã nói cảm tạ Chúa vì đã ban cho nó món đậu hầm và những người bạn mới.

Tôi thấy mình hết như người vô hình khi mọi người không ngừng huyên náo bên chiếc bàn ăn đó. Jackie kể chuyện từng tham gia đội diễu hành hồi lớp mười, và trong ngày Chiến sĩ Trận vong năm đó, đội của bà đã phải diễu hành trong màn mưa tầm tã.

“Hôm đó đúng là đen hơn mực!” bà nói, và mọi người phá lên cười. Sau đó Jackie hỏi bác trai về công việc lái xe chở gỗ của bác ấy. Khi bác ấy kể về công việc lái xe từ Colby đến Charlotte, tới Greenville và những địa điểm khác nằm giữa ba thành phố đó, Jackie liền trầm trồ, “Đi nhiều nơi như vậy chắc là vui lắm ạ.” Sau đó Jackie kể cho bác trai về chị bạn Loretta làm việc ca đêm ở bãi đỗ xe tải trên đoạn đường giao lộ giữa hai bang. Bà nói, ôi chà chà, chị bạn Loretta đó đã được nghe biết bao câu chuyện kinh điển về các bác tài xế luôn ấy.

Bác trai hơi đỏ mặt sau khi nghe câu đó, và bác gái chen ngang giữa câu chuyện để khoe Howard là quán quân trò Thám tử Kinh thánh ở nhà thờ.

“Thật ạ?” Jackie nói. “Sao em ấy chẳng kể với cháu chuyện đó nhỉ?” và thế là đến lượt Howard đỏ mặt.

Xương Chạc nằm trên sàn nhà ngay cạnh Cotton, vì nó biết Cotton sẽ làm rớt đồ ăn xuống đấy. Và nó chẳng phải chờ đợi lâu, bây giờ nó đang nhai ngấu nghiến mấy miếng thịt heo và ít vụn bánh mì ngô rồi. Jackie liền mắng nó, “Xương Chạc! Dừng lại ngay!”.

Nhưng bác gái chỉ cười, “Không sao mà. Chà, nó đang giúp bác dọn sạch sàn nhà đấy chứ.”

Jackie bật cười giòn giã, và trong khoảnh khắc đó, tôi muốn mình được trở thành bà. Tôi muốn mình có thể dễ dàng khiến mọi người yêu quý như bà. Tôi muốn được nhìn mọi thứ bằng con mắt tích cực như bà. Tôi muốn cả mái tóc đen óng mượt cùng lọn tóc xanh dương đó. Nhưng dù tôi khao khát đến mấy, thì tôi vẫn chỉ là Charlie thôi.

Hai mươi hai

Hôm Chủ nhật, bác Gus lái xe đưa tất cả chúng tôi đến nhà thờ. Jackie đã tết tóc đuôi cá cho tôi như hồi ở Raleigh bà vẫn hay làm, và sau đó bác Bertha cứ trầm trồ mãi.

“Bác thích Charlie để kiểu tóc này lắm!” bác ấy nói. “Jackie, cháu nên đi làm ở mấy thẩm mỹ viện ấy. Cháu thực sự có năng khiếu đấy.”

Jackie đập tay vào trán và nói sao trước đây bà chưa từng nghĩ đến điều đó nhỉ. “Có lẽ cháu sẽ thử tìm hiểu khi về Raleigh ạ,” bà nói.

Sau đó bác Bertha kể cho chúng tôi về một người bạn của bác ấy, bác Denise, từng bỏ học trường dạy nghề thẩm mỹ.

“Cô nàng đó đi học được đúng ba tuần rồi nghỉ hẳn để lên xe hoa với một anh chồng giàu có. Nhưng chỉ hai tháng sau, nàng ta đã lại chạy trốn đến Atlanta cùng người anh trai của ông chồng giàu có ấy.”

Jackie rất thích nghe những câu chuyện của bác Bertha, và bà luôn bật cười giòn giã, hoặc thốt lên “Không thể nào” hoặc “Thật không thể tin được,” còn tôi và bác Gus chỉ im lặng giả vờ quan tâm đến mấy câu chuyện đó.

Sau khi kết thúc hành lễ, Jackie lấy một nắm bánh quy trên bàn tiệc nhẹ trong phòng giao lưu rồi ra bãi đậu xe chơi cùng mấy người trạc tuổi, bà tỏ ra thân thiết với mấy người đó cứ như thể họ đã quen biết từ lâu lắm rồi. Sao Jackie và tôi lại khác biệt nhiều đến thế? Tôi chắc chắn bà chưa bao giờ

phải lo lắng về chuyện mọi người có thích mình hay không. Nhưng rõ ràng là ai cũng thích bà, nên bà việc gì phải lo lắng chứ?

Chiều hôm đó cả gia đình Odom tới nhà bác Gus và bác Bertha ăn tối. Đối với bác Bertha, bữa tối ngày chủ nhật luôn là bữa quan trọng nhất trong tuần. Nhưng vì hôm đó có cả nhà Odom tham gia, nên bác ấy đã chuẩn bị hẳn một bữa tiệc thịnh soạn.

Jackie và tôi cùng khênh mấy chiếc bàn nhỏ ra ngoài sân. Chúng tôi kê sát chúng vào nhau rồi phủ một tấm khăn trải bàn lên trên. Sau đó Jackie bày biện trang trí bàn ăn bằng những chiếc hũ thủy tinh cắm đầy hoa dại.

“Trông như thể Nữ hoàng Anh sắp ghé thăm nhà ấy nhỉ,” bác Gus nhận xét.

Bác Bertha bận rộn nấu ăn trong bếp, và không lâu sau đó, cả căn nhà bắt đầu tràn ngập mùi thức ăn thơm phức. Chiếc kệ bếp bắt đầu được lấp kín bằng những bát đậu trắng và củ cải turnip. Bí hầm và cà chua thái lát. Mướp tây chiên và món xào thập cẩm gồm ngô và các loại đậu. Bánh nướng xốp và nước sốt thịt. Bánh sô cô la hạnh nhân và bánh ga tô nhân đào. Sau đó bác Bertha lôi một con gà nướng bọc giấy từ trong lò ra và nói, “Xong hết rồi đó! Giờ bác chỉ cần đuổi tụi mèo đi là mình có thể đón khách được rồi.”

Trong lúc đó Xương Chạc ngồi chầu ngay cửa bếp; nó héch mũi lên ngửi mùi thức ăn thơm nức trong không khí và liên tục vẫy đuôi mừng hớn hở.

“Chưa được đâu, nhóc ạ,” tôi nói. “Lát nữa nhé.”

Sau đó chúng tôi nghe thấy tiếng xe tải của Burl lọc xọc trên con đường sỏi. Tôi và Xương Chạc đã chạy ra đó để đón gia đình Odom.

Mấy đứa con trai tóc đỏ nhảy phóc xuống từ sau thùng xe tải. Khoảng sân nhà bác Bertha bình thường luôn im lặng, thi thoảng lắm mới có tiếng

chim kêu hoặc tiếng vòi phun nước trong vườn; vậy mà giờ đây nó trở nên nhộn nhịp hơn bao giờ hết. Dwight và Lenny chạy đuổi vòng quanh, đá nhau và leo trèo hàng rào nghịch ngợm. Cotton thì đuổi theo lũ mèo. Bác gái mau chóng xắn tay vào nhà để phụ giúp bác Bertha công việc bếp núc. Bác trai ngồi cùng bác Gus trên ghế xếp và bàn luận về cuộc đua xe NASCAR ở Charlotte tuần trước. Còn tôi và Howard thì thi nhau ném bóng cho Xương Chạc bắt.

Một lúc sau, Jackie từ trong nhà bước ra, toàn thân lộng lẫy hết như hoa hậu nước Mỹ. Tôi nghĩ Burl suýt ngã xuống đất vì choáng quá. Mọi người ở đây đều mặc bộ trang phục đi nhà thờ*, ngoại trừ Jackie. Khi bà bước ra ngoài trong chiếc váy hai dây màu trắng và đôi chân trần, tôi nghĩ trước đây mình chưa từng thấy Jackie xinh đẹp đến thế. Tôi vẫn giữ mái tóc tết đuôi cá từ sáng, nên tôi nghĩ mình cũng khá xinh xắn dù đang mặc quần đùi và áo phông cũ. Tôi hy vọng vậy. Nhưng tôi biết mình chẳng bao giờ xinh bằng Jackie đâu.

Một lúc sau, bác Bertha gọi chúng tôi vào lấy thức ăn, và mấy đứa con trai nhao nhao chạy vào bếp. Sau đó tất cả chúng tôi ngồi vào bàn ăn ngoài sân và cùng nắm tay nhau khi bố Howard nói cảm tạ Chúa. Bác Gus và bác Bertha không có thói quen tạ ơn, nhưng tôi nghĩ hôm nay hai bác ấy chiều lòng khách. Bác trai có cả tá thứ để tạ ơn, từ chuyện ngày hôm nay bầu trời thật đẹp, cho đến món củ cải turnip trên bàn. Cuối cùng bác ấy nói, “Và cảm ơn Ngài vì đã gửi tới đây hai cô gái tốt bụng này, những người đã soi sáng cuộc sống của chúng tôi ở thị trấn Colby.”

Tôi biết đáng lẽ mình nên nhắm mắt, nhưng tôi không nhịn được nên đã hé mắt nhìn trộm. Tôi thấy Jackie cười toét miệng, rồi còn nháy mắt với tôi nữa.

Ngay khi chúng tôi nói “Amen,” mọi người bắt đầu tập trung ăn ngấu nghiến như thể không có ngày mai vậy. Bác Bertha và mẹ Howard cứ đi ra

đi vào bếp để mang thêm chút cà chua hay món xào thập cẩm, còn Jackie luôn tay rót trà ngọt và bác Gus thì lo đuổi lũ mèo. Xương Chạc ngồi cạnh Cotton châu chực để đợi Cotton thả một chiếc chân gà xuống đất.

Khi bác Bertha mang món tráng miệng ra, thì mọi người đều xoa bụng vì no, nhưng tất nhiên là chúng tôi vẫn có thể nếm thử chút bánh đào rồi.

Cotton nhào người lấy bánh sô cô la hạnh nhân và thốt lên, “Ồ, mọi người ơi! Có cái xương chạc này!”.

Chiếc xương chạc nằm ngay giữa chiếc đĩa đầy mỡ gà.

Và tất nhiên, chú chó của tôi, Xương Chạc, đã lao ngay tới chỗ Cotton khi nghe thấy tên mình. Nó tưởng mình sắp được cho ăn món gì ngon lành đấy.

“Ai muốn cùng em bẻ gãy chiếc xương này nào?” Cotton nói.

“Cho anh!” Dwight nhảy dựng lên.

“Không!” tôi hét lên rồi đẩy Dwight ra. “Cho chị đi!”

Cotton giấu chiếc xương sau lưng khi Dwight cố giành lấy.

“Em nói trước chị mà, Charlie,” Dwight nói.

Tôi giậm chân. “Không! Cái xương đó là của chị!” Tôi thấy cơn giận dữ bắt đầu sục sôi trong người mình, và tôi gắng lắm mới kiềm chế được để không xô ngã Dwight.

Howard vội chạy đến bên tôi và thì thầm câu thần chú “Dứa” khi thấy tôi lại giậm chân lần nữa.

Jackie lắc vai tôi và bật ngón tay lách tách, “Giời ạ, Charlie, đừng cãi nhau chỉ vì cái xương ngó ngắn đó chứ.”

Nhưng Howard đã can dự, “Thôi nào, Dwight, nhường Charlie cái xương chạc đó đi.”

Tiêu rồi. Howard định kể cho mọi người chuyện ngày nào tôi cũng ước

nguyện ư? Tôi quên mất chưa dặn nó đừng nói với ai, và chắc chắn là nó sắp sửa nói ra điều đó ngay bây giờ. Chắc mọi người sẽ nghĩ tôi điên mất.

Nhưng nó không nói điều tôi nghĩ.

Nó chỉ hứa sẽ cho Dwight mấy đồng xu Thám tử, nếu như Dwight chịu để tôi bẻ cái xương chạc cùng Cotton.

“Anh định cho em mấy đồng?” Dwight hỏi.

“Ba nhé.”

“Năm đồng mới được.”

“Đồng ý.”

Sau đó Dwight chạy đi lấy thêm bánh sô cô la hạnh nhân, còn Cotton giờ chiếc xương ra trước mặt tôi. Mỗi đứa chúng tôi nắm một đầu xương và nhắm chặt mắt. Tôi thầm ước rồi kéo thật mạnh.

Tách!

Chiếc xương gãy làm đôi, và bạn biết sao không? Tôi đã bẻ được phần to hơn. Nếu bạn bẻ được phần to, thì điều ước của bạn sẽ thành hiện thực!

“Khỉ thật!” Cotton hậm hực ném mẩu xương của nó lên bàn.

Trước khi tôi kịp cảm ơn Howard vì đã giúp mình có được chiếc xương, thì bác trai đã nói tạm biệt, và cả nhà họ đã trèo lên xe tải của Burl.

Đáng ra tôi phải phụ bác Bertha và Jackie dọn dẹp và rửa bát đĩa, nhưng tôi nán lại ngoài sân, choàng tay ôm Xương Chạc và nhìn theo chiếc xe tải của Burl chở những người nhà Odom tốt bụng tiến về phía đường cái. Khi Burl chuẩn bị rẽ, tôi hét lớn, “Cảm ơn nhé!”. Tôi đã nghĩ chắc Howard không nghe thấy câu cảm ơn đó, nhưng sau đó, trước khi chiếc xe đi khuất khỏi tầm nhìn, tôi đã thấy nó giờ ngón cái đáp lại.

Hai mươi ba

Vào ngày cuối cùng Jackie ở Colby, bác Bertha dạy bà cách may khóa chân váy, và hai người cùng trò chuyện về túi con trai, thời trang và các ngôi sao điện ảnh. Tôi đưa Xương Chạc ra ngoài vườn. Trong khi nó say sưa ngủ dưới ánh mặt trời, tôi nhổ hết đám cỏ dại bon chen giữa những cây hoa cúc mọc cạnh vườn.

Tôi ghét phải nghĩ đến chuyện Jackie lên chuyến xe trở về Raleigh đó, và bà lại tiếp tục được sống hạnh phúc, được sơn móng tay cùng Carol Lee, được hẹn hò với anh chàng quán quân súng sơn Scooter, và có thể bà còn được đi học ở trường đào tạo nghề thẩm mỹ nữa. Mỗi ngọn cỏ tôi bứt ngoài sân giống như một lưỡi dao đâm trúng tim khi tôi nghĩ đến chuyện Jackie bỏ rơi tôi ở lại Colby. Khi bác Bertha và Jackie may xong khóa kéo cho chiếc chân váy, thì ngoài sân cũng chẳng còn sót lại ngọn cỏ nào nữa, nhưng tim tôi thì đau muốn khóc.

Chiều hôm đó, tôi, Jackie và Xương Chạc cùng tới nhà Howard để Jackie tạm biệt mọi người. Trên bậc thềm, mấy ông con trai mặt râu rĩ như sắp đi đưa đám ấy.

“Mọi người hãy đến Raleigh thăm chị nhé,” Jackie nói. Bà dang hai cánh tay thật rộng. “Tất cả mọi người phải đến nhé. Ở đó vui lắm.”

Mấy ông con trai gật đầu buồn bã, và Cotton lén quệt nước mắt.

“Nếu mọi người đến chơi mà chị vẫn làm việc ở cái Tiệm bánh Waffle

đó, thì chị sẽ đãi mọi người món bánh waffle sô cô la chip miễn phí.”

Cotton ngóc đầu dậy. “Bánh waffle sô cô la chip á?”

Jackie gật đầu. “Ừa. Và chị sẽ bảo mấy người ở đây rắc cho em thật nhiều sô cô la nhé, được không nào?”

Nó cười toe.

“Chắc Charlie sẽ nhớ chị nhiều lắm đấy,” Howard nói.

Jackie khoác tay lên vai tôi. “Ừa, chị cũng sẽ nhớ Charlie lắm. Nhưng nó có thể về Raleigh thăm chị mà.”

“Thăm chị á?” tôi nói. “Em sẽ về sống ở Raleigh.” Tôi vuốt ve tấm lưng Xương Chạc. “Chị biết mà, khi nào mẹ bình ổn trở lại ấy.”

Jackie cúi gầm mặt. Xương Chạc ngồi ve vẩy đuôi trên khoảng sân đất đỏ.

“Được rồi,” Jackie nói. “Chị nghĩ đã đến lúc tụi mình ôm tạm biệt rồi.” Bả dang rộng hai tay.

Mấy đứa con trai bước đến ôm bả đầy ngượng ngịu.

Sau đó bác gái bước từ trong nhà ra và nói, “Chúng ta thật vui và may mắn khi được gặp cháu ở Colby, Jackie ạ.”

Và Jackie đã ôm tạm biệt bác gái trước khi chúng tôi về nhà.

Tối hôm đó, bác Bertha đã nấu một bữa siêu thịnh soạn, với món thịt băm, đậu lima, cà chua xanh chiên giòn và bánh khoai lang. Xương Chạc ngồi châu chực bên tôi, chờ đợi mọi người ném cho mấy miếng thịt băm. Tôi phải thừa nhận là chúng tôi đã làm hư nó và khiến nó trở thành một kẻ ăn xin đẳng cấp thế giới.

Sau bữa tối, bốn chúng tôi ra ngoài hiên cùng ngắm cảnh một lúc trước khi tôi và Jackie trở về phòng. Tôi chải lông Xương Chạc trong lúc Jackie bận xếp đồ. Bả nhét mấy chiếc quần đùi và tất cả những thứ khác vào chiếc túi trống, và nhắc lại rằng tôi thật may mắn khi được ở một nơi tốt đẹp thế

này.

Tôi quan sát Jackie vờ đồng sơn móng tay vào trong túi, và tôi bắt đầu thấy mình còn thảm hại hơn trước.

“Thế còn em thì sao?”, tôi muốn hỏi Jackie như vậy. Nhưng tôi lại không nói thế.

Sau khi tắt đèn, tôi nhìn trần nhà và ngắm bóng cây sơn thù du nhảy múa dưới ánh trăng. Tôi hít một hơi thật sâu và nói, “Em có thể về Raleigh với chị không?”

Sự im lặng sau câu nói đó gần như nuốt chửng lấy tôi. Tôi nghe rõ tiếng tim mình đập thình thịch trong lồng ngực và cảm nhận hơi thở ấm áp của Xương Chạc trên má. Jackie trèo xuống ngồi bên tôi.

“Bố mẹ sẽ không thay đổi đâu, Charlie ạ,” bà nói. “Hồi trước chị từng tin là bố mẹ sẽ thay đổi, nhưng giờ chị không tin vào điều đó nữa. Bố vẫn sẽ ngựa quen đường cũ, và mẹ cũng vậy, nên chị em mình phải tự lực thôi. Chẳng có phép nhiệm màu nào chữa lành được vụn vặt đâu nhóc à.”

Tôi không muốn tin vào lời Jackie nói, nên tôi đã cố gắng không nghĩ về chuyện đó nữa. Sau đó tôi tiếp tục hỏi Jackie: “Chị biết mẹ từng bỏ đi khi chúng mình còn nhỏ không? Chuyện mẹ từng đem theo một túi nilon to đựng toàn quần áo để bắt đầu làm lại cuộc đời ấy?”

Jackie thở dài thườn thượt, “Ừa, chị có biết chuyện đó.”

“Sao chị biết?”

“Nếu em là đứa nhóc lên bảy, và đột nhiên mẹ em đi ra cửa mà chẳng hề nói lời từ biệt... chà, làm sao chị quên được chuyện đó chứ?”

“Sao trước đây chị không kể cho em?”

Jackie xoa lưng tôi nhẹ nhẹ. “Vì chị không muốn nhóc ghét mẹ,” bà đáp.

“Thế chị có ghét mẹ không?”

“Không.” Bả vén tóc tôi ra sau tai. “Chị không thích, nhưng cũng không ghét mẹ.”

“Nhưng sao em lại không thể đến sống cùng chị được?” tôi khẽ hỏi.

Jackie ôm gối. “Charlie, chị đâu thể sống nhờ nhà Carol Lee mãi được. Chị đang tiết kiệm tiền, và dự định sắp tới sẽ thuê chung một căn hộ với Wylene Jarvis. Chị không thể chăm sóc em cẩn thận như bác Gus và bác Bertha được,” bả nói. “Trời, chị bây giờ thậm chí còn không chăm nổi bản thân ấy chứ.”

Chúng tôi ngồi lặng im một hồi lâu. Sau đó Jackie nói, “Em sống ở đây tốt mà, Charlie. Bác Gus và bác Bertha rất yêu thương em, và hai bác ấy coi em như công chúa ấy. Em có cả gia đình Odom tạ ơn Chúa vì sự hiện diện của em ở Colby nữa kìa. Và em còn có Howard nữa, thằng nhóc đó là đứa bạn tốt bụng nhất trên đời đây. Em còn có cả dãy núi đẹp tuyệt kia, một khu vườn và một cái hiên nhà bên vách núi hệt như đang ngồi trên thiên đường vậy.” Xương Chạc giã giũa và khẽ “ăng” một tiếng, hình như nó đang mơ. Jackie liền gãi bụng nó, “Và em còn có một chú chó yêu thương em hơn tất cả mọi thứ trên đời nữa chứ.”

Tôi nhìn Xương Chạc và nghĩ về điều bác Bertha nói hồi trước về tình yêu vô điều kiện của loài chó, và tim tôi gần như vỡ òa.

“Đừng ghét chị nhé, Charlie,” Jackie nói.

Ghét á?

Tôi yêu tất cả mọi thứ về Jackie. Tôi yêu cả con người cũ và mới của bả. Sao tôi không thể nói vậy với bả nhỉ? Tôi đoán là vì tôi chưa có thói quen nói “yêu” bất cứ ai. Thế nên trong bóng tối bao trùm căn phòng đó, ngồi bên Xương Chạc đang khua chân múa tay trong mơ, tôi chỉ khẽ thăm thì, “Thực ra em rất thích lợn tóc xanh của chị đây.”

Hai mươi tư

Sau khi Jackie trở về Raleigh, tôi bắt đầu đi học trường Đạo mùa hè ở nhà thờ Rocky Creek. Tôi đã nói với bác Bertha rằng mình không muốn đi, nhưng bác ấy cứ thuyết phục rằng tôi sẽ thích nơi đó.

“Hồi còn nhỏ, hè năm nào bác cũng đi trường Đạo mùa hè,” bác ấy nói. “Bác thích mọi thứ ở đó. Những trò chơi, đồ thủ công, và cả những bài hát nữa.”

Bác ấy tiếp tục thao thao bất tuyệt về chuyện bác ấy được học làm máng ăn cho chim bằng cách quét bơ lạc lên một quả thông rồi lăn nó vào đồng hạt cám chim. “Còn dây đeo á? Chắc bác đã làm gần trăm cái đấy.” Bác ấy phá lên cười và lắc đầu. “Còn cả móc chìa khóa macrame* nữa chứ. Bác yêu tất cả những thứ đó. Với cả,” bác ấy nói, “Howard và những bạn khác ở trường Chúa nhật cũng sẽ tới đó.

Cuối cùng tôi cũng đành đồng ý, và trước hôm tôi đi học, bác Bertha mang về cho tôi một hộp đồ ăn trưa có một đồng hình ngựa con và cầu vòng.

“Bác không thể để cháu đựng đồ ăn trong một chiếc túi giấy nâu xấu xí được.”

“Nhưng cháu không thể mang chiếc hộp đó đến trường được!” tôi nói.

Nụ cười trên mặt bác Bertha tắt ngúm. “Ồ,” bác ấy chưng hửng. “Được rồi.”

Tôi biết mình vừa làm bác ấy tổn thương, nhưng tôi không thể đem cái hộp đó đến trường được.

Bác Bertha nhét chiếc hộp màu hồng lên túi ngăn trên cùng của chạn bát. “Bác chẳng hiểu mình đã nghĩ gì nữa,” bác ấy nói. “Cái hộp hồng đó đúng là ngớ ngẩn thật.”

Hôm sau bác ấy đã bỏ đồ ăn trưa của tôi vào trong túi giấy nâu, và đưa tôi đến trường đạo.

Chúng tôi ngồi thành vòng tròn trong bóng râm và nghe cô Rhonda nói rằng cả lớp sẽ được học nhiều trò vui ở trường. Và mặc dù chúng tôi đều biết nhau ở trường Chúa nhật cả rồi, nhưng cô Rhonda vẫn yêu cầu, “Đầu tiên, cô muốn các em tự giới thiệu tên mình, và sau đó hãy nêu ba điều thú vị về bản thân nhé.”

Nào tôi ngay lập tức nghĩ ngay đến ngày đầu tiên đi học ở Colby và cái tờ “Phiếu làm quen” trên mặt bàn. Nhưng lần này, khi đến lượt giới thiệu của mình, thay vì nói thích bóng đá, múa ba lê và đánh nhau, tôi đã nói, “Tớ có một chú chó tên là Xương Chạc. Chị gái tớ làm việc ở Tiệm bánh Waffle. Và bác Bertha của tớ nuôi những bảy chú mèo.”

Cả sáng hôm đó chúng tôi làm bát giấy bồi và ngồi hát về Moses giữa đám cỏ hương bồ. Đến giờ ăn trưa, tôi đem túi đồ ăn tới ngồi cạnh Audrey Mitchell. Tôi đã quyết định từ giờ sẽ học theo cách Jackie cư xử với người khác. Tự tin, điềm tĩnh, và kết bạn với tất cả mọi người.

Nhưng trước khi tôi kịp nghĩ ra chuyện để nói với Audrey, Howard đã ngồi xuống bên tôi.

“Burl viết thư cho chị Jackie đấy,” nó nói.

“Để làm gì?”

Nó nhún vai. “Lenny đột nhiên giật phắt lá thư trong tay ông, nên hai người đó đã đánh nhau một trận toí bời. Burl vừa chửi vừa đuổi theo Lenny

quanh nhà, lại còn làm vỡ cả đèn nữa.” Nó nhấc lát bánh mì để xem nhân xúc xích thịt và mù tạt ở giữa.

“Thế Burl có lấy lại được bức thư không?” tôi tò mò.

Howard lấy hai tay ép chặt chiếc bánh kẹp. “Có chứ,” nó nói, “nhưng đến lúc Burl lấy được thì lá thư cũng rách tơi tả rồi. Giờ cả hai người đó đều bị cảm tức vì tội chửi thề và làm vỡ đèn.” Nó đưa tay vuốt mái tóc dày đỏ rực. Hai cánh tay nó bị cháy nắng đỏ ửng và lấm tẩm tàn nhang. Sau đó nó kể sang chuyện Dwight bị gãy ngón tay út khi đi trại hè bóng chày.

Trong lúc Howard thao thao bất tuyệt, tôi liếc mắt quan sát Audrey. Nó ngồi khoanh chân và phủ lên đùi một tấm khăn giấy. Trên đầu nó là chiếc kẹp tóc hình bướm, và đôi giày dưới chân nó không hề dính chút bụi đất nào. Nó đem theo một hộp đồ ăn trưa hết sức giản đơn. Trên đó không có ngựa, cũng chẳng có cầu vồng. Nó mở nắp hộp và nhòm vào trong. Sau đó nó lôi ra một chiếc túi nilon đầy ắp, một món gì đó được bọc giấy thiếc, và một tờ giấy gấp tư.

Tôi ghé sát Audrey hơn chút nữa và giả vờ chăm chú lắng nghe Howard khi nó mở tờ giấy. Đó là một mẫu thư nhỏ, với những dòng chữ to viết vội. Khi Audrey đặt mảnh giấy cạnh túi nhỏ trên đám cỏ, tôi nheo mắt cố đọc dòng chữ trên đó.

“Và trên người Cotton có hai con ve,” Howard nói. “Nên mẹ tớ đã bắt nó lột hết quần áo trần truồng ngay giữa sân.”

Vài đứa trẻ bật cười khúc khích, nên tôi đã lườm Howard một cái. Chẳng ai muốn nghe từ trần truồng khi đang ăn trưa cả. Nhưng Howard tiếp tục nói, dường như nó chẳng hề bận tâm đến những đứa trẻ khác.

Và sau đó một đứa con gái tôi không quen đã gọi Audrey, “Audrey ơi, ngồi đây này,” và vỗ lên chỗ ngồi cạnh nó. Audrey liền thu dọn đồ nhỏ và thức ăn để đến chỗ con bé đó. Nó bỏ lại tờ giấy ban nãy trong đám cỏ.

Tôi liền giậm chân lên tờ giấy đó.

Trong khi Audrey và con bé vừa nãy tám chuyện về lớp học bơi và trại hè bóng đá, tôi đã tóm lấy tờ giấy và nhét nó vào túi áo.

“Cái gì đây?” Howard tọc mạch.

“Cái gì là cái gì?”

“Cái tờ giấy ấy.”

“Cái tờ giấy nào?”

“Tờ giấy trong túi áo cậu ấy.”

“Không có gì đâu.”

Howard lau giọt mồ hôi ướt trên quần đùi. “Được rồi,” nó nói.

Cả chiều hôm đó, chúng tôi phải đọc to những câu chuyện Kinh thánh và ngồi xem anh con trai đang học trung học của cô Rhonda biểu diễn trò ảo thuật. Nhưng trong đầu tôi luôn nghĩ về mảnh giấy trong túi áo. Thi thoảng tôi lại thò tay vào túi và khẽ chạm mảnh giấy đó.

Cuối cùng tôi cũng tìm được cơ hội để đọc lá thư. Howard bận giúp cô Rhonda bê đồng truyện Kinh thánh vào trong nhà thờ, còn Audrey thì bận làm thân với tất cả mọi người, trừ tôi. Và tôi đã tranh thủ lấy tờ giấy ra đọc.

Đi học vui con nhé. Mẹ sẽ nhớ con lắm đấy. Mẹ yêu con rất nhiều.

Mẹ của con.

Tôi nhanh tay gấp bức thư lại rồi cất vào túi. Tôi nhìn về phía Audrey; nó đang ngoắc tay và thăm thì với một con bé khác. Tôi nhắm mắt lại và tưởng tượng mình là Audrey. Một đứa con gái có đôi giày sạch như lau như li và có những cô bạn gái để thì thăm to nhỏ. Một đứa con gái được mẹ viết “Mẹ yêu con rất nhiều” trong thư. Nhưng khi mở mắt, tôi lại thấy mình là Charlie.

Tối đó bác Bertha đã làm món ngô tươi nướng bơ. Tôi đếm số hàng trên

bấp ngô của mình, và thật không thể tin được: Nó có đúng mười bốn hàng. Đó cũng là một cách để ước nguyện. Tôi đếm thêm một lần nữa cho chắc, sau đó nhắm mắt lại và thầm ước.

“Ôi, suýt thì quên mất!” Bác Bertha chợt đứng phắt dậy. Bác ấy lấy cho tôi một thứ từ trên chạn bát.

Đó là một hộp đựng thức ăn.

Một chiếc hộp đựng thức ăn đơn giản, không có ngựa, cũng chẳng có cầu vòng.

Bác ấy nhướn mày hỏi tôi “Cháu nghĩ sao? Cháu thích chiếc hộp này không?”

Tôi vừa ngạc nhiên, lại vừa thấy tội lỗi. Tôi thấy mình thật tệ khi bác Bertha phải chi tiền mua một hộp đựng đồ ăn khác cho tôi. Đáng lẽ tôi nên nhận chiếc hộp có cầu vòng và ngựa con, và tôi phải biết ơn vì chiếc hộp đó mới phải. Tôi cá là Jackie sẽ làm vậy. Nhưng tôi thì không, vậy mà bác Bertha vẫn đối với tôi thật tốt.

“Có ạ, thưa bác,” tôi đáp. “Cháu cảm ơn bác ạ.”

Sau đó chúng tôi ra ngoài hiên và ném bóng cho Xương Chạc bắt, đến khi nó mệt lử và gối đầu lên bàn chân tôi ngủ thiếp đi. Trong lúc mặt trời từ từ lặn xuống núi, tôi lại khê chạm tờ giấy trong túi áo. Tôi tưởng tượng mẹ Audrey bỏ vào túi và viết cho nó lá thư đó. Tôi thắc mắc không biết gia đình Audrey thế nào nhỉ. Vì nó đã viết “gia đình tôi” lên đóa hoa trong Khu vườn Phước lành, nên tôi chắc chắn bố nó không cần phải vào trại cải tạo như bố tôi. Và tôi đoán nó có một người chị hoặc em gái để cùng chơi bài trong những ngày mưa, và cùng nhau trùm chăn thì thầm to nhỏ mỗi tối. Và tôi chắc chắn là mẹ nó không bắt ớn như mẹ tôi.

Khi trời tối hẳn và lũ muỗi bắt đầu lộng hành, tôi và Xương Chạc quay về phòng. Tôi lục tung ba lô để tìm một mảnh giấy và một chiếc bút mực.

Rồi tôi ngồi trên sàn nhà, xé mảnh giấy làm đôi, và viết lên đó:

Mẹ yêu con rất nhiều. Mẹ của con.

Sau đó tôi gấp mảnh giấy lại và nhét dưới gối trước khi tắt đèn. Tôi nhẹ nhàng hôn lên đầu Xương Chạc trước khi chìm vào giấc ngủ.

Hai mươi lăm

Ngày thứ hai ở trường Đạo, chúng tôi đã học làm những chiếc nam châm bằng nắp chai và chép Mười Điều Răn lên đó. Sau đó chúng tôi đã quần giấy kép đủ màu lên người như tấm áo choàng sắc sỡ của Joseph, và chạy đua vượt chướng ngại vật trong sân. Tôi đoán khi cô Rhonda nghĩ ra trò này, cô ấy chẳng hề nhớ là trong lớp có Howard chân-cà-nhắc. Nó là người cuối cùng về đích và xé tấm “áo choàng,” nhưng có vẻ điều đó chẳng làm nó bận tâm.

Sau đó chúng tôi lại ngồi ăn trưa dưới bóng râm. Howard bận giúp cô Rhonda dọn dẹp các mảnh giấy màu, nên tôi đã ra ngồi cạnh Audrey.

“Chào,” tôi nói.

“Chào,” nó đáp, và sau đó nó nhích mông đến ngồi gần con bé Lainie chân đầy vảy. Tôi thật không thể tin là Audrey thà ngồi gần một con bé chân vảy hơn là phải ngồi cạnh tôi, nhưng nó đã làm thế thật. Hôm trước tôi đã xin lỗi nó về chuyện tôi đá chân và xô đẩy nó rồi mà nhỉ? Tôi chẳng biết mình phải làm gì để có thể kết bạn với nó nữa.

Tôi mở hộp đựng thức ăn mới và lấy ra những món bác Bertha đã chuẩn bị. Một chiếc bánh vòng phết bơ lạc. Mấy quả dâu tây đựng trong một hộp bơ cũ. Mấy chiếc bánh nướng xốp có phần đáy hơi cháy xém vì bác ấy tự làm. Sau đó tôi lấy ra lá thư mình vừa viết đêm trước. Lá thư có dòng chữ “Mẹ yêu con nhiều lắm. Mẹ của con.” ấy.

Tôi mở lá thư và giờ nó trước mặt. Sau đó tôi hắng giọng để Audrey quay sang nhìn mình và lá thư đó, nhưng nó còn đang mài khuấy hộp sữa chua. Nên tôi đã cố tình ném lá thư lên đám cỏ ngay sát chân nó.

“Cậu nhặt rác đi kia,” nó nói.

“Cái gì cơ?”

“Rác của cậu kia.” Nó chỉ vào lá thư của tôi.

“Ý cậu là lá thư đó á?”

Nó nhún vai. “Sao cũng được.”

“Mẹ tớ viết đây,” tôi đảo mắt. “Mẹ tớ làm vậy suốt mà.” Tôi cố tình đẩy tờ giấy ra gần chỗ nó.

“Tớ tưởng cậu sống ở nhà bác cơ mà,” nó nói.

“Ồm, không phải lúc nào cũng vậy mà. Ý tớ là, tớ chủ yếu sống cùng hai bác. Nhưng mẹ tớ cũng hay đến đây thăm tớ lắm. Và lần nào đến đây, mẹ cũng viết cho tớ mấy lá thư như thế.” Tôi biết mặt mình đang đỏ lựng như gấc chín, nên tôi cúi gầm mặt xuống.

Audrey bĩu mặt. “Cậu không được nói dối ở trường Đạo.” Nó nói từ Đạo rất to, và còn có chút cay nghiệt nữa.

Trước khi tôi kịp nhận ra, thì tôi đã thấy mình đứng dậy giờ nắm đám với Audrey, và tim tôi đập thành thịch vì giận dữ. Cơn tức giận bao trùm khắp người tôi như một chiếc chăn bông nặng trĩu. Tôi muốn giẫm lên đôi giày sạch sẽ hoàn hảo của nó. Tôi muốn giật tung mấy cái cặp tóc bướm trên tóc nó. Nhưng Howard đã chạy đến đứng sau lưng tôi và nói, “Dứa! Dứa! Dứa!”

Audrey túm lấy hộp sữa chua và hộp đựng thức ăn rồi đứng bật dậy. “Mấy người điên rồi,” nó nói, và đi phăm phăm về phía nhà thờ.

“Cậu làm cái quái gì thế, Charlie?” Howard nói. “Cậu định đánh người ở nhà thờ à?”

Tôi ngồi xuống thăm cỗ và bắt đầu dọn dẹp bánh trái vào hộp đựng thức ăn.

Howard ngồi xuống bên tôi. “Sao cậu lại nổi nóng thế?”

“Nó bảo tớ nói dối.”

“Thế cậu có nói dối không?”

“Không.” Tôi lượm lá thư ngu ngốc đó lên rồi quẳng vào hộp đồ ăn.

Nó lườm tôi qua cặp kính như một ông già. “Thế thì cậu việc gì phải nổi nóng chứ.” Nó nhòm vào hộp đồ ăn của tôi. “Cậu có định ăn cái bánh vòng kia không?”

Phải mất một lúc lâu tôi mới hạ hỏa được, và cuối cùng tôi cũng xuôi xuôi. Nhưng tôi chẳng còn tâm trạng nào để học thuộc mấy câu trong Kinh thánh. Lúc chuẩn bị tan học, cô Rhonda bảo chúng tôi vào trong nhà thờ giúp cô xếp ghế cho lớp học ngày Chúa Nhật.

Khi Howard bắt đầu bước về phía nhà thờ, thằng T.J. Rainey đã bám sát theo và bắt chước tướng đi cà nhắc của nó. Nó nhăn nhở cười cợt và liếc qua liếc lại để chắc chắn tất cả mọi người xung quanh đều chứng kiến trò đùa của nó. Chắc nó nghĩ mình là người hài hước nhất trong vũ trụ này vậy.

Howard đột ngột quay ngoắt lại, nhưng T.J. vẫn không chịu dừng bước. Nó tiếp tục bước đến chỗ Howard.

Cà.

Nhắc.

Cà.

Nhắc.

Và tôi thật không thể tin nổi chuyện sau đó. Howard chỉ quay người bước tiếp về phía nhà thờ, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra vậy.

Chắc chắn là chẳng trái dưa nào đủ sức ngăn tôi chạy ngay đến chỗ

thằng T.J. đó. Tôi giữ chắc hai cánh tay phía trước, và rầm! Tôi huých nó mạnh đến mức đầu nó đã ngửa ra phía sau trước khi nó ngã oạch xuống hôn đất.

Thú thực là tôi đã hơi bất ngờ khi thằng kia đứng ngay dậy sau cú ngã và phản pháo, và cú huých của nó đã khiến tôi ngã nhào xuống đất. Tôi đứng bật dậy trong tinh thần sẵn sàng chiến đấu và chuẩn bị thụi nó thêm phát nữa. Nhưng khi đó cô Rhonda đã kịp chen vào can ngăn cuộc chiến giữa tôi và nó. Trông cô ấy vô cùng hoảng loạn.

“Dừng lại ngay!” cô Rhonda la lên. “Đó không phải cách chúng ta cư xử ở trường Đạo.”

Và sau đó tôi và T.J. Ramey đã phải ngồi trong nhà thờ để nghe cô Rhonda giảng đạo về tha thứ, tử tế, lòng tốt và lịch sự, hay đại loại thế. Tôi nghĩ đáng lẽ Audrey Mitchell cũng phải ngồi đây cùng đôi giày hoàn hảo của nó để nghe mấy câu cô Rhonda trích dẫn trong Kinh thánh về cách con người ta đối nhân xử thế. Thi thoảng, thằng T.J. lại quay sang lườm tôi, và tôi cũng lập tức trừng mắt lườm lại nó luôn.

Khi bác Bertha đến đón tôi, cô Rhonda đã ra mách bác ấy chuyện tôi đánh nhau với thằng T.J. Bác Bertha liên tục gật đầu và nói, “Ôi, trời,” và “Vâng, thưa cô,” và “Tôi sẽ bảo ban cháu,” rồi sau đó chúng tôi im lặng lái xe về nhà. Nếu là mẹ, thì tôi đã phải nghe một tràng quát mắng khắp cả đoạn đường về. Mẹ sẽ hỏi tôi có vấn đề quái quỷ gì vậy, và liệu tôi có thể ngừng gây chuyện chỉ một ngày được không. Nhưng bác Bertha không mắng nhiếc tôi. Bác ấy chỉ quay sang vỗ nhẹ đầu gối tôi và nói, “Cháu đúng là người bạn tốt của Howard, Charlie ạ.”

Khi chúng tôi về nhà, tôi cùng Xương Chạc ra ngoài sân ngồi hóng mát dưới bóng cây sơn thù du. Không khí ngoài này tĩnh lặng và nóng nực, với khoảng sân khô đầy bụi đất đỏ. Mấy cành sen cạn trước cửa ngõ qua thành chậu, và rũ hẳn xuống đất. Trong vườn cây, chiếc vòi phun nước khắp

vườn. Nước đọng trên những chiếc lá mướt tây bắt đầu nhỏ giọt xuống thành từng vũng nước đọng nho nhỏ trong những đóa hoa dưa chuột màu vàng.

Khi tôi mới đến Colby, trong khu vườn đó hầu như chỉ toàn những mầm cây nhỏ tí xíu mới nhô lên khỏi mặt đất và được trồng theo hàng lối thẳng tắp. Nhưng giờ đây, những mầm cây đó đã trưởng thành và đơm hoa kết trái: những trái cà chua đỏ lớn nhanh như thổi từng ngày, những trái bí ngòi màu xanh bắt đầu nhú ra từ bên trong đóa hoa vàng, và những chùm đậu que trĩu nặng treo lủng lẳng trên những đoạn dây leo bò khắp hàng rào.

Một chú chim giẻ cùi vừa hạ cánh xuống gần chỗ tôi và Xương Chạc đang ngồi. Nó liền dỏng tai nghe ngóng, sau đó nghiêng đầu quan sát chú giẻ cùi nhảy qua nhảy lại giữa những bụi hoa cúc vạn thọ dọc hàng rào. Tôi choàng tay ôm Xương Chạc và khẽ lùa những ngón tay vuốt ve đôi tai dài và mềm mướt như nhung của nó. Nó rướn lên liếm mặt tôi, và chiếc đuôi rồi rít ve vẩy trên nền đất bụi bặm.

“Bác tin là chú chó đó yêu cháu nhiều lắm đấy,” bác Bertha thường nói với tôi.

Và tôi cũng tin lời bác ấy. Bây giờ Xương Chạc lúc nào cũng bám lấy tôi: nó theo chân tôi đi từ phòng này sang phòng khác, nằm cạnh chỗ tôi ngồi trong bếp, và gối đầu lên chân tôi ngủ ngon lành ngoài hiên. Giờ tôi cũng chẳng cần phải dùng dây xích dắt nó ra ngoài sân nữa, vì nó luôn đi theo tôi như hình với bóng. Thi thoảng nó cũng chạy đi đánh hơi một bụi cây, hay đi vờn chú ong mật bay là là phía trên đám cỏ ba lá ngoài hiên. Nhưng nó luôn ngoái lại nhìn để chắc chắn tôi vẫn ngồi nguyên vị trí cũ. Và mỗi lần Xương Chạc ngoái lại nhìn tôi như thế, tình yêu của tôi dành cho nó lại đầy thêm chút nữa.

Một lúc sau, bác Bertha đem bánh quy mặn và bơ lạc ra sân cho tôi và Xương Chạc. Bác ấy cho phép Xương Chạc đớp bánh ngay trên tay mình,

và bác ấy chẳng hề bận tâm khi nó rỏ nước dãi lên người. Và đột nhiên bác Bertha nói, “Charlie này, bác thực sự rất ngưỡng mộ cháu vì hôm nay cháu đã đứng lên bảo vệ Howard.”

Ngưỡng mộ tôi á?

Chà, lần đầu tiên tôi nghe thấy có người nói vậy đó.

Tôi chắc chắn là trước đây chưa ai từng ngưỡng mộ tôi cả.

“Thật ă?” tôi nói.

Bác ấy gật đầu. “Thật đấy.”

Thế là chúng tôi cùng ngồi tâm sự dưới bóng cây sơn thù du trong khoảng sân đất và ánh mặt trời mùa hè như đổ lửa. Bác Bertha kể cho tôi chuyện mùa hè hồi bác và mẹ còn nhỏ, hai người đã cùng đến một cái hồ.

“Lúc ấy Carla chưa từng đi bơi ở chỗ nào sâu hơn cái bồn tắm trong nhà bác,” bác Bertha nói. “Nên khi mẹ cháu ngã khỏi tàu xuống lòng hồ tối om đó, mọi người đều phát hoảng. Có thể bác nói cháu không tin, nhưng mẹ cháu đã ngay lập tức nổi lên như một cái nút bấc mà chẳng cần ai giúp đỡ. Sau đó mẹ cháu cứ tiếp tục bơi ngửa và thong dong ngắm mây trời, trong khi mọi người trên boong tàu la hét và chạy toán loạn vì mất bình tĩnh. Ông chú Jarod của tụi bác đã nhảy xuống nước cứu mẹ cháu, và ông đã hy sinh luôn cái đồng hồ đeo tay mới tậu.” Bác Bertha khúc khích cười, và tiện tay đập mấy con muỗi đang lượn lơ phía trên Xương Chạc đang say ngủ. “Đôi khi bác thấy mẹ cháu đúng là kì quan sống đấy,” bác ấy nói.

Tất nhiên, tôi đã vô cùng thắc mắc, không hiểu nổi tại sao một người phụ nữ không thể tự đứng dậy và bình tĩnh lại có thể là kì quan sống được. Nhưng lúc đó tôi vẫn đang mãi đắm chìm trong cảm giác tự hào khi có người ngưỡng mộ. Nên tôi đã quyết định im lặng lắng nghe bác ấy để không phá hỏng bầu không khí vui vẻ.

“Và có lần,” bác Bertha tiếp tục, “mẹ cháu đã cắt hết cúc áo trên cái áo

khoác của bác.” Bác Bertha giơ ngón tay giả làm kéo. “Xoẹt, xoẹt, xoẹt. Thế là đồng cúc áo rơi hết xuống đất.”

“Sao mẹ cháu lại làm thế ạ?”

“Làm sao bác biết được,” bác ấy đáp. “Mẹ cháu luôn làm những trò điên rồ nhất trên đời.” Bác ấy bất ngờ rướn người về phía tôi và nắm lấy đầu gối tôi. “Không phải điên kiểu điên loạn đâu, chỉ là, cháu biết đấy, điên kiểu... kì quặc ấy.”

Bác ấy buông tay khỏi đầu gối tôi rồi tiếp tục xua bọn muỗi đang bay lượn phía trên Xương Chạc. “Và bác chỉ nhớ là mẹ bác đã nói, ‘Carla, dừng lại ngay.’” Tôi gật đầu. Trong tâm trí, tôi đã tưởng tượng ra ngay hình ảnh cô bé Carla cầm kéo cắt cúc áo. Xoẹt. Xoẹt. Xoẹt.

Một lát sau, chúng tôi nghe thấy tiếng chiếc xe của bác Gus cọt kẹt, ồn ào trên con đường vào gara.

“Chào cháu, Butterbean,” bác ấy ngồi trong xe nói vọng ra.

Sau đó bác ấy xuống xe, thơm má bác Bertha, vỗ đầu Xương Chạc, và nói rằng tôi đúng là tia nắng ấm sau cả ngày dài mệt mỏi của bác ấy.

Đêm đó, tôi nằm trên tấm nệm làm mát, bên cạnh là Xương Chạc ấm áp và mềm mại. Tôi nghĩ về cái gia đình tan vỡ của mình ở Raleigh, và tự hỏi liệu họ có đang nghĩ đến tôi như tia nắng ấm sau cả ngày dài mệt mỏi như bác Gus không.

Hai mươi sáu

“Cái gì đây?”

Audrey Mitchell chỉ vào bàn tay tôi khi cả lớp chơi trò bingo Kinh thánh trong phòng giao lưu. Cả sáng nay trời mưa nên chúng tôi không thể ra ngoài đua bóng theo kế hoạch của cô Rhonda được.

Tôi cúi xuống nhìn hình vẽ bằng mực trên mu bàn tay mình.

“Đó là một chú chim đen bị nhốt trong lồng,” tôi nói, và bắt chước điệu hát tóc của Jackie.

Audrey nhăn mặt, cứ như thể nó vừa nhìn thấy một con ôpôt bị xe cán nát bét giữa đường vậy.

“Xem này,” tôi giơ mu bàn tay lên trước mặt nó rồi nháy mắt. Tôi đã thử dùng tất cả mọi chiêu của Jackie. Hát tóc và nháy mắt. Tỏ ra tự tin và điềm tĩnh. Nhưng cho đến giờ, mấy cách đó vẫn chưa thành công. Hầu hết tụi nhóc ở trường Đạo vẫn xa lánh tôi. Chúng nó làm như trên người tôi có rận không bằng.

“Cậu vẽ cái hình đó làm gì?” Audrey nói.

Chuyện xảy ra ngay sau đó đã khiến tôi vô cùng bất ngờ. Có lẽ việc nghĩ mình là một tia nắng đã mang lại cho tôi sự tự tin thật sự, chứ không phải tự tin giả vờ, vì sau đó tôi đã nhìn thẳng vào mắt Audrey và đáp, “Vì trên tay bố tớ cũng có hình xăm đó.”

Thế nhưng, ngay khi tôi vừa thốt ra những lời lẽ đầy tự tin đó, “ông bạn

già nghi ngại” trong tôi lại vỗ vai tôi và nói, “Cậu xem mình vừa làm cái gì kìa. Nó chuẩn bị hỏi bố cậu đang ở đâu đấy. Giờ cậu định trả lời câu đó thế nào hả?”

Nhưng chuyện sau đó còn làm tôi ngạc nhiên hơn nữa. Audrey không hề hỏi bố tôi đang ở đâu. Nó chỉ đáp, “Ồ,” và lại cúi mũi xem mấy tấm thẻ bingo.

Tôi được đà đẩy “ông bạn già nghi ngại” ra, và nói tiếp, “Tên bố tớ là Thích Gây Gỗ, và bây giờ bố tớ đang được cải tạo.”

Audrey đặt thêm một đồng xu lên tấm thẻ bingo của nó. “Nghĩa là sao?” nó thắc mắc.

“Nghĩa là bố tớ đang ở trong trại cải tạo,” tôi nói. “Nhưng bố tớ sắp được về nhà rồi.”

“Thế lúc đấy cậu sẽ về Raleigh à?” nó nói.

Howard liền ngóc đầu dậy và nhìn tôi chăm chú.

“Ừm, đúng vậy,” tôi nói. “Chắc chắn rồi.”

“Khi nào?” Howard nói.

Tôi nhún vai. “Tớ không biết nữa. Có lẽ khi nào bố tớ cải tạo xong thì tớ về thôi.”

Đột nhiên tôi thấy mình không thể kiểm soát nỗi sợ tự tin đó nữa. Nó nhanh chóng lớn dần lên rồi thoát ra khỏi nhà thờ Rocky Creek, tan vào trong không khí, bỏ lại mình tôi ở lại trong căn phòng giao lưu với cái dạ dày quặn thắt. Tôi liếm ướt ngón cái và cố chùi cái hình xăm giả kia đi, cuối cùng tôi để lại trên mu bàn tay một đồng mực đen nhem nhuốc.

Bất thành linh có đưa reo lên, “Bingo!” Cô Rhonda liền vỗ tay và chỉ lên chiếc bàn đầy phần thưởng, bao gồm sách tô màu, bút nhũ và những chiếc tẩy hình rương kho báu của Noah.

“Chúng ta bắt đầu ván mới nhé,” cô Rhonda nói.

Chiều tối hôm đó, tôi và Howard cùng ngồi trên hiên nhà nó và quan sát Xương Chạc cùng Cotton nghịch ngợm dưới vòi phun nước. Cotton nhảy qua những vũng nước đục ngầu, và ngay sau đó Xương Chạc liền đuổi theo với đôi tai phàn phật và cái đuôi ve vẩy rồi rít.

“Mấy hôm nay tớ cứ thắc mắc chuyện này,” Howard gãi mấy nốt muỗi đốt trên chiếc cẳng chân lốm đốm tàn nhang. “Cậu nghĩ gì mà lại xô ngã thằng T.J. ở ngay trong trường Đạo thế?”

“Cậu nói thế là sao?”

“Ý tớ là, sao cậu lại xô ngã nó?”

“Lúc đấy nó chế giễu cậu mà, Howard.”

“Tớ biết.”

Tôi nhìn nó chằm chằm. Phía trên cặp kính, đôi lông mày của nó nhíu lại, và trông nó nghiêm túc đến mức tôi suýt chút nữa bật cười. Nhưng rồi nó nói, “Nó giễu tớ, chứ có giễu cậu đâu?”

“Thế thì đáng ra cậu phải xô ngã nó chứ,” tôi nói.

“Không.”

“Sao lại không?” tôi hỏi. “Sao cậu cứ để im cho tụi nó chế nhạo, trêu chọc cậu mãi mà không bao giờ phản kháng lại vậy?”

“Vì nếu thế thì ngày nào tớ cũng phải xô ngã ai đó mất.”

“Thì sao?”

“Làm thế có ích gì đâu?”

Chúng tôi ngồi lặng im một hồi. Ngoài sân, Cotton đang nhảy vào vũng bùn, còn Xương Chạc thì dớp lầy dớp để những giọt nước tóe ra từ chiếc vòi tưới cây.

“Nhưng sao cậu lại xô ngã T.J.?” Howard thắc mắc.

“Vì nó trêu chọc cậu.” Tôi quệt nước bẩn trên cẳng chân. “Chứ còn gì

nữa,” tôi nói tiếp.

“Sao cậu lại quan tâm đến chuyện nó trêu chọc tớ?”

“Vì cậu là bạn tớ,” tôi nói. “Tớ không thích bạn mình bị người khác trêu chọc, được chưa?”

“Tớ là bạn cậu á?”

“Tất nhiên rồi,” tôi đáp. “Còn sao nữa,” tôi lại nói.

“Thật á?”

“Ừa.”

“Thế thì điều ước của tớ thành hiện thực rồi!”

“Thật á?”

“Ừa.” Khuôn mặt lồm đồm tàn nhang của Howard chợt ửng hồng. “À, mới chỉ một phần thành hiện thực thôi. Tớ đã ước hai điều. Giờ một điều đã thành sự thật, nên tớ có thể tiết lộ với cậu được rồi. Tớ đã ước chúng mình là bạn đấy.”

Chà! Sao mà tôi đoán được là Howard sẽ ước thế cơ chứ. Mọi người chắc chắn sẽ nghĩ rằng một đứa con trai tóc đỏ đeo kính chai và có đôi chân còi nhắc phải có nhiều thứ để ước hơn là được làm bạn với một đứa như tôi. Nhưng tôi phải thừa nhận, khi đó tôi đã mỉm cười và cảm thấy trong lòng tràn đầy hy vọng, bởi có lẽ những điều ước hoàn toàn có thể thành sự thật. Có lẽ một vài điều ước trong số đó chỉ cần thêm chút thời gian thôi.

Hai mươi bảy

Hôm sau, sau khi tan học trường Đạo, Xương Chạc và tôi ra sân ngồi hóng mát, còn bác Gus thì bận rộn chăm sóc cây trong vườn. Những chú chim sẻ và chim hồng tước nhảy nhót trong sân, và bay lên ăn cám chim trong chiếc đĩa đựng thức ăn trên cọc rào. Một lát sau, bác Bertha cũng ra ngoài, và phía sau bác ấy là mấy chú mèo nổi đuôi bám theo chân chủ. Người bác ấy phảng phất mùi oải hương, và tôi thấy bác ấy có nhiều điểm thật giống mẹ. Bác ấy cũng có mái tóc ôm khuôn mặt và những nếp nhăn ở đuôi mắt.

Tôi tưởng bác ấy định kể chuyện về một thành viên trong câu lạc bộ đan len của bác ấy hay đại loại thế nhưng bác ấy lại nói. “Bác đã thấy lá thư đó.”

Trong thoáng chốc, dạ dày tôi quặn thắt lại vì sợ hãi.

“Dạ...”

“Lá thư trong hộp đựng thức ăn trưa của cháu ấy?” bác ấy nói.

Chà, tôi nên nói gì đây? Tôi thấy mình đúng là đưa đại ngốc vì đã viết lá thư đó. Tôi không muốn bác Bertha tiếp tục ngồi đây và nói về lá thư đó.

Nhưng bác Bertha vẫn nán lại. Bác ấy ngồi xuống bên tôi, vuốt ve con mèo nhỏ đang rên gừ gừ trong lòng, và ngắm bác Gus nhổ cỏ trong vườn. Sau đó bác ấy nói, “Cháu biết đấy, Charlie, bác và bác Gus luôn mong có con cái.” Bác Bertha dùng bàn chân trần xoa bụng Xương Chạc. “Đúng là

tụi bác đã được nhận nhiều phước lành trong đời, nhưng lại chẳng có phúc phận về đường con cái. Nên là, ừm...”

Tôi quan sát bác Bertha xoa bụng Xương Chạc và chờ đợi bác ấy nói nốt câu.

“Chà,” bác ấy nói. “Bác nghĩ là mình chưa biết cách làm một người mẹ cho lắm.”

Tim tôi trùng xuống, và tôi cố gắng nghĩ ra cách đáp lại bác ấy, nhưng đầu tôi trống rỗng.

“Khi bác đọc lá thư đó, bác chỉ muốn tự đánh mình một phát,” bác ấy tiếp tục. “Sao bác lại không nghĩ đến việc một cô bé như cháu sẽ muốn được đọc một bức thư như thế trong hộp đựng thức ăn nhỉ? Bác đã luôn ước ao có ngày được làm điều đó, nhưng bác lại bỏ lỡ cơ hội mất rồi. Cũng giống như việc bác không hề nhận ra chiếc hộp cầu vòng đó trông ngốc nghếch đến nhường nào ấy.”

Sau đó bác Bertha đặt bàn tay lên đầu gối tôi. Bàn tay bác ấy ngăm ngăm rậm rắng do thường xuyên tiếp xúc với ánh nắng. Móng tay của bác ấy khá cứng và dính đất vì thường xuyên nhổ cỏ trong vườn.

“Bác sẽ cố gắng học cách làm mẹ. Bác hy vọng cháu sẽ kiên nhẫn trong lúc đó nhé,” bác Bertha nói.

Tôi cúi gằm mặt và khẽ gật đầu. Đáng ra tôi nên nói điều gì đó để khích lệ bác ấy. Đáng ra tôi nên nói, “Ôi, bác đừng bận tâm chuyện đó ạ. Cái hộp cầu vòng đó có vấn đề gì đâu bác.” Đáng ra tôi nên nói, “Cháu không quan tâm đến lá thư ngu ngốc đó đâu ạ.”

Nhưng khi đó tôi chỉ có thể ngồi yên và cảm nhận hơi ấm từ bàn tay bác Bertha, và ngửi mùi oải hương tỏa ra từ người bác ấy.

“Bác cháu mình cùng ra đó giúp bác Gus nhé,” bác Bertha nói.

Và sau đó cả ba chúng tôi đã cùng nhau nhổ cỏ, hái đậu và tĩa bỏ những

đóa cúc vạn thọ đã úa tàn. Xương Chạc phải ngồi ngoài công vườn chờ đợi. Nó đã rên rỉ đòi vào, nhưng tất nhiên chúng tôi không cho phép vì lần trước nó từng đào bới trong vườn rồi.

Khi chúng tôi xong việc, bác Gus đã lái xe đưa cả nhà đến đón Howard, sau đó chúng tôi cùng xuống núi mua kem. Xương Chạc thò đầu qua cửa sổ xe hơi và đôi tai dài của nó vẫy phấp phật trong gió; còn tôi và Howard cùng hát những bài được học ở trường Đạo.

Thi thoảng, xe chúng tôi lại băng qua một khoảng rừng thưa, và chúng tôi lại được dịp ngắm những dãy núi trải dài ngút ngàn trong tầm mắt và làn khói xanh thoát ra từ những ngọn cây. Khung cảnh đó gợi tôi nhớ lại ngày đầu đến Colby. Hôm đó bác Gus đã giải thích cho tôi lí do dãy núi này được gọi là Dãy Blue Ridge. Thi thoảng tôi cảm thấy tất cả mọi chuyện như chỉ vừa mới xảy ra hôm qua thôi: chuyện tôi ngồi trên xe buýt đến trường cùng một lũ nhóc lạ hoắc, ngắm nhìn thị trấn này qua cửa sổ xe buýt và nghĩ mọi thứ ở đây thật thảm hại, từ tiệm giặt là tới bãi xe lưu động và cả những căn nhà nhỏ tồi tàn dọc đường. Vậy mà giờ tôi có thể ngồi trong xe hát các bài Thánh ca với cậu bạn Howard của tôi, và choàng tay ôm chú chó của riêng mình. Lần này khi ngắm nhìn cảnh vật đã trở nên thân quen ở Colby tôi nhận ra mọi thứ không hề tệ lắm như tôi từng nghĩ.

Trên ghé trước, bác Bertha ngồi nói liến thoắng cả quãng đường từ nhà Howard đến thị trấn, còn bác Gus chỉ im lặng gật đầu. Chúng tôi mua kem ở hàng Sản phẩm Sữa Đông Lạnh, cùng ngồi xuống một chiếc bàn ăn ngoài trời và cố gắng xử lý chiếc kem thật nhanh trước khi ánh nắng mùa hè nóng nực làm nó chảy hết xuống đùi. Bác Bertha xúc một chút kem vào cốc giấy cho Xương Chạc, và Howard nhường nó miếng ốc quế cuối cùng.

Trên đường về, tôi và Howard đã dạy bác Gus và bác Bertha vài bài thánh ca, và sau đó tôi đã thấy một phước lành. Đó là một toa xe lửa màu vàng. Nhờ ông già hàng xóm điên khùng Fulton Banner của gia đình tôi ở

Raleigh, tôi đã sưu tầm thêm được cách ước nguyện này.

“Mấy toa xe lửa màu vàng hiếm lắm đấy,” ông ấy nói. “Nên nếu cháu nhìn thấy một toa xe lửa vàng thì hãy ước một điều nhé.”

Trong giây lát, tôi đã nghĩ có khi mình chẳng nên ước nữa. Có khi tôi đang lãng phí thời gian vô ích. Nhưng có gì đó trong lòng đã động viên tôi đừng từ bỏ và phải tiếp tục cố gắng. Biết đâu bất ngờ mà, phải không?

Nên tôi đã ngoái lại nhìn toa xe lửa vàng đó và thầm ước.

Hai mươi tám

Này là mùa hè của tôi ở dãy Blue Ridge đã trôi qua như vậy đó. Tôi thấy vui kinh khủng vì khóa học trường Đạo mùa hè đã kết thúc, và những ngày sau đó tôi được tự do đến nhà Howard chơi bài, hoặc tụi tôi lại dẫn Xương Chạc xuống sông chơi. Có những ngày chúng tôi chỉ đạp xe lang thang vô định, và có lần chúng tôi đã bán rau và dưa chuột muối cho mọi người trong một toa xe ở cuối đường. Mẹ Howard đã dạy tôi cách móc len và giúp tôi móc một chiếc khăn quàng cổ cho bác Bertha. Bác Gus dạy tôi câu cá, và tôi đã thắng được vài đồng xu Thám tử ở trường Chúa Nhật.

Thi thoảng Jackie gọi điện cho tôi. Bà vừa có bạn trai mới tên là Jake, và anh chàng này biết lái xe máy. Bố mẹ của Carol Lee không thích ông chút nào.

“Nhưng chị chả quan tâm các bác ấy nghĩ gì đâu,” bà nói.

Jackie không được nhận vào làm giao dịch viên như bà mong muốn. Nhưng bà đã may mắn gặp được một chú ở công ty bảo hiểm đang cần tuyển nhân viên văn thư, nên cuối cùng bà đã thoát được cái Tiệm bánh Waffle đó.

Tôi nhận được vài bức thư nữa từ bố. Bố chẳng kể nhiều chuyện, mà chỉ viết: “Đạo này trời nóng thật đấy” hoặc “Bố bị mập lên vì cơm tù đây này. Haha.”

Tôi vẫn ước hằng ngày vì thấy mình vẫn chưa sẵn sàng bỏ cuộc. Tôi đã

ước khi một chú bướm đậu lên người, khi nhìn thấy một đám mây hình lạc đà, khi bắt gặp một chú dế trong nhà, và khi một chú đom đóm đậu lên ngón áp út. Có lần tôi còn tìm thấy một nhánh cỏ bốn lá khác trong vườn, và một đồng xu trong bãi đỗ xe. Và lần bác Gus lái xe qua ranh giới vào địa phận bang Tennessee, tôi đã ước sau khi vỗ tay ba lần.

Một hôm, một cô nhân viên xã hội xuất hiện trước cửa nhà bác Gus và bác Bertha. Cô ấy thăm soi toàn bộ căn nhà và kiểm tra thật kĩ từng chi tiết nhỏ. Cô ấy nhăn mặt khi nhìn thấy lông mèo trên tràng kỷ, và nhướn mày khi thấy hũ thủy tinh chất đông trong phòng tôi. Bác Bertha theo chân cô ấy và nói liên thoảng về việc tôi hữu ích ra sao trong căn nhà này, và bác ấy nói tôi rất thích đi học trường Đạo mùa hè. (Tất nhiên bác ấy không kể vụ thằng T.J. Ramey và lá thư ngu ngốc trong hộp đồ ăn rồi.)

“Và cô bé còn có một chú chó nữa!” bác ấy gật đầu về phía Xương Chạc đang ngáy ro ro bên cửa hậu. “Chị không tưởng tượng được cách cô bé chăm sóc chú chó đó đâu. Ngày nào cô bé cũng cho nó ăn và dắt nó đi bộ. Và tối nào nó cũng được ngủ cùng cô bé.”

Cô nhân viên lại nhăn mặt, và hỏi bác Bertha liệu có chỗ nào khác để ngồi nói chuyện không.

“Chúng ta ra ngoài ngoài hiên nhé?”, bác Bertha nói.

Chúng tôi đã ra ngoài đó nói chuyện trong ánh nắng gắt đầu giờ chiều. Cô nhân viên xã hội ngồi vào chiếc ghế của bác Gus và nói tình hình ở Raleigh đã khá hơn.

Tôi thấy mặt bác Bertha chuyển sang trắng bệch, còn dạ dày tôi thì quặn lại.

Khá hơn á?

Cô nhân viên tiếp tục giải thích rằng tình hình của mẹ tôi đã khá hơn, và mẹ tôi đang cố gắng để có cơ hội bắt đầu lại với gia đình mình. Cô ấy nói

rằng trẻ con được sống cùng bố mẹ ruột vẫn là tốt nhất.

“Bất cứ khi nào có thể,” cô ấy nói thêm.

Sau đó cô ấy tiếp tục nói một tràng dài, nhưng tôi chỉ nghe thấy lảng máng những cụm từ như *vì phúc lợi của Charlie* và *giám sát và môi trường ổn định*.

Bác Bertha run run vén tóc và liên tục gật đầu. Sau đó cô nhân viên xã hội nói rằng vài tuần nữa cô ấy sẽ cử người đến đón tôi, và thế là xong.

Có thể bạn không tin, nhưng đầu óc tôi đã thực sự quay cuồng khi nghe cô ấy nói vậy. Sao tự nhiên tôi thấy sợ hãi thế nhỉ? Tôi ngồi ngoài cái hiên đó mà lòng dạ rối bời như thể trong tôi đang có một người đàn ông giận dữ lồng lộn. Đáng lẽ tôi phải thấy hạnh phúc chứ? Chẳng phải tôi luôn muốn quay về Raleigh ư? Chẳng phải tôi luôn ghét mấy đứa nhà quê ở Colby ư? Chẳng phải tôi muốn thoát khỏi cái nơi mà người bạn duy nhất của tôi lại là một đứa con trai chân cà nhấc, cái nơi mà tôi phải nằm trên mấy chiếc gối Lọ Lem trong một căn nhà tồi tàn cheo leo bên vách núi ư?

Và sau đó, một chuyện đã khiến tôi bật dậy và chạy vội ra cửa nhà, nơi bác Bertha đang đứng nhìn theo chiếc xe của cô nhân viên xã hội.

“Vậy còn Xương Chạc thì sao ạ?” tôi hét lớn. “Bác hãy bảo cô ấy là cháu không đời nào chịu bỏ lại Xương Chạc ở đây đâu!”

Bác Bertha quệt nước mắt trên má, rồi ôm tôi vào lòng và an ủi, dỗ dành.

“Bác sẽ cố gắng thu xếp mọi thứ ổn thỏa, Charlie à,” bác ấy nói. “Bác hứa đấy.

Hai mươi chín

Ngày hôm sau mẹ tôi gọi điện. Bác Bertha đã nói chuyện với mẹ trước. Bác ấy quay mặt vào tường bếp và cố gắng nói thật khẽ.

“Chị biết, Carla, nhưng...”

“... nghĩ đến Charlie.

“... thật không công bằng...”

Cuối cùng bác ấy cũng chuyển máy cho tôi.

“Alô?” tôi lí nhí như một đứa sơ sinh. Sao tôi không thể tỏ ra mạnh mẽ và bất cần đời như Jackie được nhỉ?

Mẹ nói với tôi rằng mẹ rất mong tôi về nhà, mẹ rất cô đơn, và chẳng ai hiểu nổi những chuyện mẹ đang phải chịu đựng.

“Và Jackie thì nghĩ nó đủ lông đủ cánh rồi nên không thèm về với mẹ nữa. Mẹ bảo nó, ừ, thế thì đi luôn đi,” mẹ nói.

Sau đó mẹ bắt đầu than phiền về bố. Rằng con người bố chẳng ra cái thái gì, chẳng tích sự gì, và chính bố là người đã khiến mẹ lâm vào tình cảnh tồi tệ này.

“Chẳng lẽ không ai nghĩ cho mẹ sao?” mẹ nói.

Tôi biết đó chỉ là câu hỏi tu từ, nên tôi đã chuyển chủ đề.

“Bố vừa xăm hình một con chim đen bị nhốt trong lồng trên mu bàn tay mẹ ạ,” tôi nói.

Và bạn biết sao không?

Mẹ tôi đập máy!

Cạch.

Thế là xong chuyện.

“Có chuyện gì vậy cháu?” bác Bertha hỏi.

Tôi nhún vai. “Cháu nghĩ mẹ không muốn nghe cháu nói về hình xăm đó.”

Bác Bertha há hốc miệng nhìn tôi, rồi bác ấy quay sang nhìn chiếc điện thoại, sau đó lại nhìn tôi.

“Chắc do đường truyền trực trặc thôi cháu à,” bác ấy nói. “Bác tin là mẹ cháu sắp gọi lại ngay bây giờ thôi.”

Vậy nên chúng tôi tiếp tục đứng nhìn chiếc điện thoại chăm chăm, xung quanh là tiếng tủ lạnh kêu ro ro và tiếng chú mèo bên cạnh rên gừ gừ.

Nhưng điện thoại chẳng hề đổ chuông.

Bác Bertha lắc đầu. “Mẹ cháu chẳng thay đổi gì cả,” bác ấy nói. “Carla, Carla, Carla. Lúc nào mọi thứ cũng phải xoay quanh Carla.”

Sau đó bác ấy liền nắm đôi vai tôi và nói, “Bác xin lỗi, Charlie à. Đáng ra bác không nên nói thế.”

“Không sao ạ.”

“Không,” bác ấy nói. “Có sao chứ. Carla là mẹ cháu cơ mà.”

Tôi muốn hỏi bác Bertha liệu tôi có thực sự phải quay về Raleigh không, nhưng tôi thấy sợ. Không phải bác ấy đã hứa sẽ lo liệu mọi chuyện sao? Nhưng bác ấy nói thế là sao? Sau đó tôi quyết định đi bộ đến nhà Howard và hy vọng mớ suy nghĩ xáo trộn trong đầu mình sẽ lắng xuống. Tôi móc dây xích vào vòng cổ của Xương Chạc, và chúng tôi bắt đầu khởi hành. Thi thoảng tôi lại dừng chân để nó đánh hơi một bụi cỏ, hay ngửi một

chiếc lon lăn lóc trên lề đường. Mãi đến khi nhìn thấy căn nhà của Howard đằng xa, tôi mới thấy tỉnh tâm trở lại. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm ngay khi vừa nhìn thấy căn nhà với khoảng sân um tùm cỏ dại và la liệt đầy bóng, đồ nghề sửa chữa động cơ và giày dép đó. Tôi nhìn thấy cẳng chân của Burl thò ra từ phía dưới gầm xe tải trên lối vào gara. Tôi nghe thấy tiếng nhạc phát ra từ chiếc đài của bác trai trong cái xưởng kiêm gara. Cotton đang xếp gạch ven đường, còn Lenny dùng gậy bóng chày đập đá văng trúng biển báo giao thông, khiến chiếc biển báo kêu “keng” lên một tiếng. Và còn Howard nữa, nó đang ngồi trên bậc thềm chơi trò giải ô chữ. Khi tôi đi tới hiên nhà, bác gái đã đứng chờ sẵn ngoài cửa để cho Xương Chạc miếng phô mai.

Tôi ngồi trên bậc thềm một lúc và im lặng quan sát Howard giải ô chữ. Howard là vậy đó, bạn có thể ngồi cạnh nó tán chuyện, hoặc im lặng cũng được. Cho dù bạn làm gì, thì nó vẫn sẽ quý bạn thôi.

Sau đó chúng tôi cùng vào trong nhà chơi cờ tỉ phú. Tôi thì thấy trò đó khá nhạt nhẽo, nhưng Howard lại thích chơi. Xương Chạc chạy vào làm sàn nhà lấm bùn, nhưng bác gái chẳng bận tâm. Bác ấy cho chúng tôi ăn món thạch cam đựng trong cốc cà phê, và cho phép Cotton được nhảy nhót trên tràng kỷ.

Tôi định kể cho Howard về cái cô nhân viên xã hội siêu sấm soi đó, và cả chuyện tình hình ở nhà đã cả thộn. Tôi muốn cười thật tươi, sau đó hít một hơi thật sâu và thông báo với nó, “Cậu biết sao không? Tớ sắp được về Raleigh đây!”.

Nhưng tôi chỉ ngồi lẳng lặng ăn cốc thạch cam trong khi Howard lại xây thêm khách sạn trên đường Boardwalk.

Tối đó Jackie gọi điện tới và nói rất mong được gặp lại tôi. Bà nói anh chàng Jake, bạn trai mới của bà, sẽ chở tôi đi chơi một vòng bằng xe máy, và nếu tôi muốn thì bà có thể nhuộm cho tôi một lọn tóc xanh dương.

“Và chị sắp thuê được cả một căn hộ riêng đây, Charlie ạ. Ở đó em sẽ có phòng riêng, và...”

“Em không muốn về Raleigh đâu,” tôi ngắt lời Jackie.

Im lặng.

“Em vừa nói là em không muốn về Raleigh đây,” tôi hét lên.

“Sao lại thế?”

“Vì em muốn ở lại Colby.”

“Nhưng chị tưởng em nói muốn về cơ mà?”

Jackie thở dài thườn thượt, nặng nề, và bắt đầu lái nhải chị nói với em thế này thế nọ rồi. Và tôi còn làm được gì khác nữa, ngoài đồng ý với bà? Trước đây bà từng nói với tôi tất cả những điều đó rồi. Bà đã nói rằng ở đây tôi được bác Gus và bác Bertha coi là công chúa, và bên bàn ăn hôm đó, gia đình Odom tốt bụng đã tạ ơn Chúa vì sự hiện diện của tôi ở Colby. Rằng Howard là người bạn tốt nhất tôi có thể gặp được trong cả cuộc đời này. Rằng ở đây có dãy núi tuyệt đẹp, và một cái hiên để ngắm sao trời. Tôi biết chứ, chỉ là... đến tận bây giờ tôi mới nhận ra giá trị thực sự của những điều đó. Tôi mãi ước nguyện quá, nên chẳng còn tâm trí để nhìn sự vật theo đúng nghĩa của nó nữa.

“Nhưng bác Bertha đã hứa sẽ lo liệu mọi chuyện rồi,” tôi bảo Jackie.

“Nghĩa là sao?”

“Em không biết nữa.”

Jackie bảo sẽ gọi lại cho tôi, và sau đó tôi lên giường. Nhưng ruột gan tôi cứ rối bời nên chẳng tài nào nhắm mắt nổi. Tôi áp má vào chiếc lườn âm áp của Xương Chạc, và lắng nghe tiếng thở đều đều, khe khẽ của nó. Tôi thậm chí còn chẳng thể tưởng tượng ra cái dây treo phiến muện đó nữa. Giờ tôi có nhiều phiến muện đến mức cái dây đó có thể đứt phụt bất cứ lúc nào.

Ba mươi

Ngày hôm sau, mẹ tôi lại gọi điện tới. Từ ngoài phòng khách, tôi vẫn nghe được tiếng mẹ rõ mồn một trong điện thoại khi mẹ và bác Bertha nói chuyện.

Mẹ tôi cứ nói liên thoảng, lại còn to tiếng nữa.

Bác Bertha liên tục phải nhắc mẹ “Từ từ nào, Carla,” và “Em đang nói gì vậy?”

Sau đó bác ấy nói, “Khoan đã, cái gì cơ?”

“Chattanooga á?”

“Với ai cơ?”

“Trong bao lâu?”

Bác Bertha liên tục lắc đầu, và khuôn mặt bác ấy ngày càng thêm đỏ bừng vì giận dữ. Sau đó bác ấy hét lớn, “Thế còn Charlie thì sao? Em còn nhớ Charlie không, con gái của em ấy?”

Bác Bertha hầu như chẳng bao giờ giận dữ, ngoại trừ cái lần con mèo của bác ấy đem chuột chết vào nhà, nên tôi đã hơi sốc khi thấy bác ấy hét lớn đến thế. Nhưng chuyện sau đó còn tệ hơn. Bác ấy bắt đầu mắng mẹ, và bảo mẹ phải kiểm soát bản thân và cư xử cho giống một người mẹ đi. Rằng mẹ phải nghĩ cho người khác nữa chứ.

“Em định đi Chattanooga, rồi quay về tiếp tục làm mẹ của Charlie khi em thấy ổn định và sẵn sàng cho chuyện đó, phải vậy không hả Carla?”

Sau đó bác Bertha nhìn chăm chăm vào chiếc điện thoại trong tay. Sự im lặng ở đầu dây bên kia khiến cả căn bếp trở nên thật nặng nề và buồn bã.

“Cháu phải về Raleigh ă?” dù đã dặn lòng nhưng tôi vẫn buột miệng hỏi.

“Không, cháu không phải về đó đâu,” bác Bertha đáp.

Bác ấy nói là phải gọi điện cho một số người, và bảo tôi sang nhà Howard chơi một lúc.

Tôi đã kể cho Howard mọi thứ, từ chuyện cô nhân viên xã hội siêu sấm soi nói với tôi và bác Bertha là tình hình ở Raleigh đã khá hơn, cho đến chuyện bác Bertha nói “Không, cháu không phải về đó đâu.”

Khi tôi vừa dứt lời, Howard liền nói, “Bác Bertha vẫn là tuyệt nhất nhỉ?” Đúng là Howard, nó lúc nào cũng thấy điều tích cực dù tình huống có tồi tệ đến mấy. Tôi thắc mắc không biết nó nghĩ sao về một người mẹ trốn con đi Chattanooga, trong khi đáng lẽ người mẹ đó phải làm thạch cam cho các con mình trong những cốc cà phê mới đúng. Trong giây lát, tôi thậm chí còn thắc mắc liệu nó còn muốn làm bạn tôi sau khi biết gia đình tôi tan vỡ thế không.

Nhưng suy nghĩ đó đã tan biến ngay khi Howard nói, “Tụi mình đi xây pháo đài đi.”

Thế là chúng tôi dành cả buổi chiều trong chiếc gara bụi bặm, xiêu vẹo của nhà Howard để tìm nguyên liệu và dụng cụ làm pháo đài. Chúng tôi lượm được mấy mảnh gỗ vụn. Một cái mặt bàn cong. Và một chiếc biển báo xe bị đạn bắn xuyên thủng lỗ chỗ.

Cotton bám đuôi chúng tôi khắp nơi và hỏi, “Thế còn cái này thì sao?” và mỗi lần hỏi như thế, nó đều giơ lên một thứ gì đó chẳng liên quan, ví dụ như một chiếc chuồng chuột hamster hồng, hay một thùng sơn rỗng, Xương Chạc háo hức lùng sục khắp nơi; nó đánh hơi chuột, sóc chuột hoặc con vật

nào đó đã lén vào gara và khoét bao đựng hạt thức ăn cho chim, hay làm tổ trong một bộ tản nhiệt cũ.

Lenny và Burl giúp chúng tôi lôi mọi thứ từ gara ra mép sân gần bờ rừng, nhưng Howard nói muốn ngồi trên hiên vẽ thử sơ đồ pháo đài đã. Còn tôi á? Tôi muốn bắt tay vào làm ngay cơ, nhưng Howard lại không phải người như thế. Nó là đứa rất thích lên kế hoạch.

Chúng tôi hì hụi xây pháo đài một lúc, nhưng vì ngoài trời nóng quá nên chúng tôi lại bò vào nhà và nằm lê la trước quạt trên sàn phòng khách.

Tôi nhìn lên trần nhà đầy vệt ẩm mốc và nói, “Tớ hy vọng là tớ không phải về Raleigh.” Giọng tôi tự nhiên run rẩy, và tôi phải gắng lắm mới ngăn được bản thân bật khóc.

Tôi đã mong Howard không nói: “Tớ tưởng cậu muốn về Raleigh cơ mà.”

Và đúng là nó không hề nói vậy.

Nó đã nói, “Cậu không phải về đó đâu.”

“Sao cậu biết?”

“Tớ linh cảm thế.”

Giọng nó nghe thật kiên định và chắc chắn, nên tôi lập tức thấy nhẹ nhõm hẳn.

Một lát sau, bác gái bước vào phòng khách và nói rằng bác Bertha vừa gọi điện nhắn tôi về. Tôi đành buộc dây xích Xương Chạc vào ghi đông xe đạp của Lenny, rồi chúng tôi cùng về nhà. Ruột gan tôi lại bắt đầu điệp khúc quặn thắt quen thuộc.

Nhờ bác Bertha không thu xếp ổn thỏa được mọi chuyện thì sao?

Ba mươi mốt

Khi tôi và Xương Chạc về tới nhà, thì bác Gus cũng đã đi làm về, và bác ấy ngồi nhúng củ cải turnip vào một xô nước.

“Chào cháu, Butterbean,” bác ấy nói khi nhìn thấy tôi.

Sau đó Xương Chạc đã thử liếm láp một ít nước rửa củ cải đầy cát đục ngầu trong xô, nên tôi và bác Gus đều bật cười. Chú mèo Lula Mae của bác Bertha thông dong bước tới bên Xương Chạc rồi dụi đầu vào cẳng chân nó. Nom ánh mắt Xương Chạc thật miễn cưỡng, nhưng nó vẫn để mặc cho chú mèo tiếp tục dụi đầu.

Tối hôm đó, sau khi đặt đĩa củ cải turnip, bánh mì ngô và cá ngừ hầm lên bàn ăn, bác Bertha đã bảo tôi rằng chúng tôi sẽ nói chuyện sau bữa tối.

Tôi không biết bác ấy định “nói chuyện gì”, nên tôi chỉ đáp “vâng ạ.” Nhưng trong lòng tôi thấy vô cùng sợ hãi. Tôi dùng nĩa đẩy món cá ngừ quanh đĩa và gần như chẳng nói năng gì, trong khi bác Bertha kể chuyện con trai của bạn bác ấy đã trốn nhà đi lính.

“Phải thú thực là,” bác ấy nói. “Nhìn cái kiểu khóc lóc thê lương của bà ấy, chắc mọi người sẽ nghĩ là con trai bà ấy vừa nhảy vách núi tự tử chứ chẳng phải đi lính đâu.”

Sau bữa tối, tôi giúp bác Bertha dọn dẹp bát đĩa, rồi chúng tôi ra ngoài hiên ăn đào tươi với kem vani. Tôi ngắm những chú đom đóm lập lòe trong rừng, và chờ đợi bác ấy “nói chuyện.”

Cuối cùng bác Bertha cũng mở lời.

“Charlie này, hôm nay bác đã gọi điện cho bên trung tâm bảo trợ xã hội. Bác đã bảo họ rằng bác nghĩ tình hình của mẹ cháu chẳng hề cải thiện chút nào. Bác nói rằng có lẽ họ đã làm.”

“Bác nói thế thật à?”

“Ừa.” Sau đó bác ấy nói rằng bên trung tâm đã đồng ý sẽ đến kiểm tra lại tình hình của mẹ tôi. Bác ấy nhắc lại vài cụm từ kinh điển của mấy người ở trung tâm đó, tỉ dụ như *tái đánh giá*, hay *môi trường ổn định*.

“Họ hứa sẽ gọi lại cho bác sau vài ngày nữa,” bác Bertha nói.

Ồm, đối với tôi thì “vài ngày” đó dài như vài năm vậy. Lúc nào tôi cũng thấy lo lắng, ruột gan quặn thắt và tim đập thình thịch.

Howard luôn khẳng định chắc nịch, “Tin tớ đi. Cậu sẽ không phải về Raleigh đâu.”

Nhưng khi tôi hỏi sao nó biết điều đó, thì nó chỉ đáp, “Tớ không nói với cậu được. Nhưng cậu cứ tin lời tớ đi.”

Tôi muốn tin lời nó lắm chứ, nhưng nỗi lo lắng trong tôi không thể cứ thế mà biến mất được. Và mỗi khi nằm cạnh Xương Chạc đang say ngủ, tôi không thể ngừng nghĩ về chuyện tôi đã nhận định sai lầm về mọi thứ ở Colby. Tôi đã không thể nhìn thấy những điều tốt đẹp mà Jackie đã thấy ngay từ lần đầu bả đặt chân tới nơi này. Và tôi càng mong được trở thành người như Jackie hơn bao giờ hết. Và cả Howard nữa. Hai người đó lúc nào cũng nhìn thấy mặt tốt của sự việc.

Tôi tựa đầu vào người Xương Chạc, và tự hứa với chính mình trong căn phòng nhỏ đó. Dù sự việc tốt hay xấu, tôi cũng sẽ cố gắng tập trung vào mặt tốt như Jackie và Howard. Tôi biết có lẽ mình sẽ phải dùng câu thần chú “Dứa” của Howard mỗi khi nổi nóng. Nhưng biết đâu đây, nếu tôi cứ tiếp tục cố gắng, thì có thể một ngày nào đó tôi cũng sẽ được người khác khen là

“tốt bụng.”

“Vài ngày” đó thực sự kéo dài lê thê, và khi nghĩ tới khả năng tôi phải rời xa nơi này thì hể nhìn vào bất cứ thứ gì, tôi cũng chực òa khóc như một đứa trẻ. Ví dụ như khi bác Bertha khuấy nồi cháo yến mạch trên bếp và có một chú mèo ngồi bên chân bác ấy. Như khi bác Gus ra ngoài vườn tìm bắt sâu trên cây cà chua với chiếc mũ dính đầy dầu mỡ. Ngay cả cái nhà kho trong vườn, cái hiên nhà, mấy chiếc ghế xếp, và những chiếc hũ thủy tinh chất đống trong phòng cũng khiến tôi thấy buồn bã.

Tôi cố gắng kiếm trò để chơi ở nhà Howard, nhưng ngay cả việc ngồi trong nhà Odom cũng làm tôi buồn kinh khủng. Chiếc ghế tràng kỷ cũ rách trên hiên nhà nó này. Khoảng sân la liệt xe đạp, bóng, và những đôi giày lấm lem bùn đất. Và tất nhiên, tôi cũng buồn khi nhìn Howard, đứa đang nghiên cứu cẩn thận cái bản vẽ pháo đài kia như thể đang xây một lâu đài thực thụ, cả cái tướng đi cà nhắc của nó khi bước ra chỗ mép sân nữa.

Cuối cùng những ngày chờ đợi đó cũng trôi qua, và chiếc điện thoại trong bếp đã đổ chuông khi tôi và bác Bertha đang ngồi ngoài hiên ăn món bánh kẹp salad trứng cho bữa trưa. Bác ấy vào nghe điện thoại và trao đổi với người ở bên kia đầu dây một lúc. Khi bác ấy trở lại, tôi biết mình sắp được nghe tin tốt lành khi nhìn thấy khuôn mặt rạng rỡ của bác ấy.

“Cháu có muốn ở đây cùng bác và bác Gus không, Charlie?” bác ấy nói.

Tim tôi suýt nhảy khỏi lồng ngực. “Ở lại đây ạ?”

Bác Bertha gật đầu. “Ừ, ở lại đây.”

“Trong bao lâu ạ?”

Sau đó bác Bertha nhắc lại y hệt những lời Jackie từng tâm sự với tôi trước khi trở về Raleigh. Rằng bố tôi vẫn sẽ tiếp tục ngựa quen đường cũ, và mẹ tôi cũng vậy. Sau đó bác ấy nói rằng chừng nào bác ấy còn sống, bác ấy vẫn sẽ tiếp tục chăm lo cho tôi.

Tôi muốn nhảy căng lên reo hò mừng rỡ, giờ cao nắm đấm lên trời và hét thật to để tiếng tôi vang vọng khắp thung lũng phía dưới. Tôi muốn dang hai cánh tay mình như đôi cánh và sà xuống những ngọn cây, sau đó lại bay lên tận giữa những đám mây trắng trên không trung. Tôi muốn nhảy múa ăn mừng cùng Xương Chạc, rồi sau đó sẽ chạy thật nhanh đến nhà Howard để thông báo cho nó tin tốt lành này.

Nhưng trước tiên, tôi đã ôm bác Bertha thật chặt.

“Có ạ, thưa bác,” tôi đáp. “Cháu muốn được ở lại đây cùng bác và bác Gus.” Tôi ôm bác ấy một lần nữa và nói: “Cháu thực sự rất muốn ở lại cùng hai bác.”

Bác Bertha rơm rớm nước mắt nhìn tôi và nói, “Cháu biết sáng mai bác định làm gì đầu tiên không?”

“Bác định làm gì ạ?”

“Bác sẽ chuyển hết đồng hồ thủy tinh trong phòng cháu đi chỗ khác.”

Chúng tôi phá lên cười, và tôi xin phép bác ấy sang báo tin vui cho Howard.

Sau đó tôi và Xương Chạc cùng chạy thật nhanh đến nhà Odom. Chúng tôi cùng nhảy lên bậc thềm, sau đó tôi lao đến cửa nhà họ và reo lên, “Mọi người biết gì không?”

Thậm chí tôi còn chẳng đợi ai ra đón. Tôi lao thẳng vào phòng khách nhà họ, dù biết hành động đó chẳng lịch sự cho lắm, nhưng tôi đang vô cùng phấn khích.

Từ trên tràng kỷ, Howard liền đứng bật dậy, và bác gái chạy ra từ trong bếp. Tôi reo lên mừng rỡ “Cháu sẽ ở lại Colby! Cháu không phải về Raleigh nữa rồi!”

Bác gái ôm chầm lấy tôi và nói đó là chuyện tốt lành nhất bác từng được nghe, nhưng Howard chỉ nói, “Tớ bảo rồi mà.”

Sau đó nó chia cho Xương Chạc nửa chiếc bánh quế vani và nói, “Tớ biết cậu sẽ ở lại Colby mà.”

“Nhưng làm sao cậu biết điều đó?”

“Vì đó là điều ước còn lại của tớ,” nó đáp. “Lúc tụi mình cùng ước ở bờ sông ấy. Tớ đã ước cậu trở thành bạn tớ và ở lại Colby.”

“Thật á?”

Nó gật đầu. “Ừa. Và bởi điều ước cậu trở thành bạn tớ đã thành sự thật, tớ biết là điều ước còn lại cũng sẽ như vậy thôi. Nhưng tớ không thể tiết lộ cho cậu vì cái luật lệ đó. Cậu biết rồi đó, nếu cậu tiết lộ điều ước với người khác thì nó sẽ không thể thành hiện thực mà, phải không?”

Tôi đã thực sự ngạc nhiên khi biết được điều ước của Howard đấy.

Trên đường về nhà, tôi đã nghĩ về điều ước của mình. Tôi đã ước bao nhiêu lần mà nó vẫn chưa thành hiện thực, thế mà Howard lại cầu được ước thấy ngay từ lần đầu tiên.

Nhưng trong lòng tôi vẫn thấy thật nhẹ nhõm khi bước về phía căn nhà nhỏ của bác Gus và bác Bertha.

Sau bữa tối hôm đó, chúng tôi ngồi ăn món bánh ga tô việt quất ngoài hiên và cùng nghe bác Bertha kể chuyện.

“Và rồi,” bác ấy nói, “có lần xe tụi bác bị hết xăng ngay giữa chôn đồng không mông quạnh, và trong xe có hai vợ chồng và tận ba con mèo. Anh có nhớ lần đó không, anh Gus?”

Bác Gus gật đầu và đáp, “Nhớ chứ.”

Sau đó bác Bertha thở dài đầy mãn nguyện và đáp, “Em năm mơ cũng chưa từng nghĩ rằng mình sẽ có một gia đình thế này. Còn anh thì sao, anh Gus?”

Một gia đình thế này ư?

Bác ấy vừa nói vậy à?

Đúng là bác ấy nói vậy rồi!

Một gia đình.

Một gia đình thực sự.

Một gia đình có những người quan tâm đến tôi, gọi tôi là Butterbean, và hứa sẽ đem đồng hồ thủy tinh ra khỏi phòng tôi ngay sáng sớm mai.

Một gia đình không tan đàn xẻ nghé.

Một gia đình đúng như tôi đã ước ao bấy lâu nay.

Tôi mong thời gian trôi thật nhanh đến ngày Chủ nhật, để tôi còn đến nhà thờ tìm đóa hoa của mình trong Khu vườn Phước lành và viết thêm dòng chữ “Gia đình tôi” lên đó.

Đột nhiên bác Bertha nói, “Sao kìa! Ngôi sao đầu tiên đấy! Mọi người cùng ước nào!”.

Tôi ngược nhìn vì sao đang lấp lánh trên trời cao. Lần này tôi không ước, mà chỉ nhắm mắt lại và hít thở bầu không khí thoang thoang mùi nhựa thông nơi đây.

Điều ước của tôi cuối cùng cũng đã trở thành hiện thực rồi.

HẾT

Table of Contents

Một

Hai

Ba

Bốn

Năm

Sáu

Bảy

Tám

Chín

Mười

Mười một

Mười hai

Mười ba

Mười bốn

Mười lăm

Mười sáu

Mười bảy

Mười tám

Mười chín

Hai mươi

Hai mươi một

Hai mươi hai

Hai mươi ba

Hai mươi tư

Hai mươi lăm

Hai mươi sáu

Hai mươi bảy

Hai mươi tám

Hai mươi chín

Ba mươi

Ba mươi mốt

Table of Contents